

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THỊ NGÀ

**QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN,
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA
Khóa 3 (2015 - 2017)**

Hà Nội, 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THỊ NGÀ

**QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN,
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
Chuyên ngành: Quản lý Văn hóa
Mã số: 62310642**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những vấn đề được trình bày trong bản luận văn, các số liệu, kết quả và các dẫn chứng là do tôi tự tìm hiểu, có sự tham khảo, sưu tầm và kế thừa những nghiên cứu của các tác giả đi trước. Các số liệu và kết quả là trung thực, có dẫn chứng rõ ràng.

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017

Tác giả

Nguyễn Thị Nga

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BQL:	Ban quản lý
BTC:	Bộ Tài chính
CP:	Chính phủ
CT:	Chỉ thị
DTLS:	Di tích lịch sử
HĐND:	Hội đồng nhân dân
KH:	Kế hoạch
NĐ:	Nghị định
Nxb:	Nhà xuất bản
PGS. TS	Phó giáo sư, Tiến sĩ
QĐ:	Quyết định
QLDT:	Quản lý di tích
TT:	Thông tư
UBND:	Ủy ban nhân dân
UNESCO:	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc
VHTTDL:	Văn hóa thể thao du lịch
VHTT	Văn hóa thể thao

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	8
1.1. Cơ sở lý luận về quản lý di tích	8
1.1.1. Quản lý	8
1.1.2. Quản lý văn hóa	9
1.1.3. Di tích	10
1.1.4. Di tích lịch sử văn hóa	11
1.1.5. Quản lý di tích lịch sử văn hóa	13
1.2. Cơ sở pháp lý.....	13
1.2.1. Các văn bản của Đảng và Nhà nước	14
1.2.2. Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang	17
1.2.3. Văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang.....	20
1.3. Khái quát về di tích và những giá trị tiêu biểu của chùa Bồ Đà	21
1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	21
1.3.2. Những giá trị tiêu biểu của chùa Bồ Đà.....	23
1.4. Vai trò của chùa Bồ Đà với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.....	34
1.4.1. Chùa Bồ Đà với sự phát triển kinh tế.....	34
1.4.2. Chùa Bồ Đà với sự phát triển văn hóa - xã hội.....	35
Tiểu kết.....	36
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	37
2.1. Cơ cấu, chức năng Ban quản lý di tích Chùa Bồ Đà	37
2.1.1. Cơ cấu, tổ chức bộ máy.....	37
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	39
2.2. Thực tiễn hoạt động quản lý di tích chùa Bồ Đà	42
2.2.1. Triển khai, thực hiện các văn bản pháp lý về quản lý di tích	42
2.2.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể.....	43
2.2.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể	46
2.2.4. Nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, phát huy giá trị di tích	48
2.2.5. Phối hợp với cộng đồng trong quản lý di tích chùa Bồ Đà.....	50

2.2.6. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích chùa Bồ Đà	52
2.3. Những nhân tố tác động đến công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà.....	55
2.3.1. Những thuận lợi.....	56
2.3.2. Những khó khăn	58
Tiểu kết.....	62
Chương 3: NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỒ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	64
3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển quản lý di tích chùa Bồ Đà	64
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích chùa Bồ Đà.....	66
3.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý di tích Chùa Bồ Đà	66
3.2.2. Xây dựng một hệ thống pháp luật điều chỉnh đồng bộ, thống nhất..	69
3.2.3. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của chùa Bồ Đà.....	70
3.2.3.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại khu di tích	71
3.2.4. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tuyên truyền để quảng bá di tích chùa Bồ Đà	75
3.2.5. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư	78
3.2.6. Công khai, minh bạch huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính	81
3.2.7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di tích chùa Bồ Đà	83
3.3. Khuyến nghị với các cấp, các ngành và cơ quan chức năng	85
3.3.1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang.....	85
3.3.2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện và Phòng văn hóa thông tin huyện Việt Yên	87
Tiểu kết.....	90
KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93
PHỤ LỤC.....	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bắc Giang vốn là vùng đất giàu truyền thống cách mạng và sở hữu một nền văn hóa phong phú, đặc sắc. Các bậc tiền nhân đã để lại cho hậu thế không chỉ là vùng đất giàu tiềm năng về điều kiện tự nhiên và chiều sâu lịch sử với những cột mốc vàng son trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm mà còn để lại một hệ thống di sản văn hoá vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú và đa dạng... Từ rất lâu, trong tâm thức của người dân nơi đây, các di tích lịch sử văn hóa chính là một phần linh hồn, một nét văn hóa đặc sắc của mảnh đất quê hương. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 2.237 di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc với hơn 500 di tích đã được xếp hạng, trong đó có di tích Chùa Bồ Đà - một trong những di tích lịch sử tiêu biểu của tỉnh Bắc Giang.

Năm 1992, Chùa Bồ Đà được Bộ Văn hóa thông tin và thể thao xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Cuối năm 2016, Chùa Bồ Đà đã được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt. Ngày 23/01/2017, Lễ hội chùa Bồ Đà nằm trong danh sách 11 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được Bộ trưởng Bộ VHTTDL công bố. Cũng trong năm 2017, Chùa Bồ Đà vinh dự đón nhận Bằng xếp hạng vào ngày 12/3/2017.

Chùa Bồ Đà được xây dựng vào thời Lê (thế kỷ XVIII), tọa lạc trên ngọn núi Phụng Hoàng (Bồ Đà Sơn), phía Bắc dòng sông Cầu, thuộc địa phận xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Đây là một trong số ít những chùa còn giữ được nguyên bản nét kiến trúc truyền thống Việt cổ với tường đất, bờ rêu, cổng gạch, lối mòn... Chùa Bồ Đà có kiến trúc độc đáo và khác biệt so với các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc Việt Nam, đó là lối kiến trúc “nội thông ngoại bế” tạo vẻ u tịch, thanh vắng và huyền

thoại. Kiến trúc trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo song được bảo tồn khá nguyên vẹn.

Chùa Bồ Đà là nơi hội tụ đầy đủ những giá trị nổi bật về lịch sử, tôn giáo, kiến trúc và văn hóa. Đây là trung tâm Phật giáo lớn của miền Bắc và được xem là chốn tổ của Thiền phái Lâm tế. Chùa đặc biệt còn lưu giữ kho Mộc bản kinh Phật với khoảng gần 2.000 bản khắc ngược bằng chữ Hán - Nôm và chữ Phạn trên gỗ thi với kỹ, mỹ thuật tinh xảo. Hiện bộ Mộc bản đã được xác lập kỷ lục là bộ mộc bản kinh Phật khắc trên gỗ thi cổ nhất Việt Nam. Ngoài ra, Chùa Bồ Đà có vườn tháp cổ với 97 ngôi tháp, là vườn tháp được xác lập kỷ lục lớn nhất Việt Nam. Chính vì sở hữu nhiều những giá trị độc đáo, tiêu biểu đó, hồ sơ đề nghị công nhận xếp hạng di tích của chùa Bồ Đà đã được trình lên nhiều cấp; cũng đã có nhiều chuyên gia về thăm, nghiên cứu và đều nhận xét, đánh giá tốt, đủ tiêu chuẩn được xếp hạng di tích quốc gia cao nhất - cấp quốc gia đặc biệt vào cuối năm 2016.

Có thể nói, di tích chùa Bồ Đà có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân nơi đây nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung. Tuy nhiên, qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu, khảo sát thì trong nhiều năm qua, công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà bên cạnh những kết quả tích cực vẫn còn những hạn chế, khó khăn, một số khu vực của di tích chưa được đầu tư, tôn tạo và đang có hiện tượng xuống cấp, hiệu quả quản lý chưa cao. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách nghiêm túc, đầy đủ về quản lý di tích chùa Bồ Đà để có giải pháp phù hợp nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử của dân tộc, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân là một đòi hỏi cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Là một người con được sinh ra và lớn lên trên quê hương Bắc Giang, với mong muốn hiểu một cách sâu sắc về di tích chùa Bồ Đà để thêm tự hào về lịch sử và truyền thống quê hương, đồng thời củng cố, trau dồi kiến

thức đề sau này khi có điều kiện thực hành tốt công tác quản lý văn hóa, quản lý di tích lịch sử, tác giả đã lựa chọn đề tài: ***“Quản lý di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”*** làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Lịch sử nghiên cứu

Đối với di tích chùa Bồ Đà đã có một vài công trình nghiên cứu là các bài báo, đề tài khoa học, khóa luận tốt nghiệp và rất nhiều các bài tham luận tại các buổi hội thảo, bao gồm:

- Sở Văn hóa thông tin Bắc Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử văn hóa Việt Nam (2006), *“Địa chí Bắc Giang - Lịch sử và văn hóa”* [34].

- Tác giả Nguyễn Hưởng (2011), *“Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam”*, Báo Gia đình và xã hội số 20, ngày 19/5/2011 [25].

- Tác giả Bùi Thị Thắm (2011), *“Di tích chùa Bồ Đà trong phát triển du lịch văn hóa tỉnh Bắc Giang”*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội [38].

- Sở VHTTDL tỉnh Bắc Giang (2010-2012), *“Điều tra, nghiên cứu bảo tồn di vật, cổ vật, bảo vật trên các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Bắc Giang”*, Đề tài khoa học, Bắc Giang [37].

- Tác giả Phạm Thị Huệ, Nguyễn Xuân Hoài, Đỗ Tuấn Khoa (2015), *“Mộc bản Chùa Bồ Đà - Đề mục tổng quan”*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội [22].

- Tác giả Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Trung Hiếu, Lê Ngọc Hoan, *“Hiện trạng mộc bản Phật giáo tại chùa Bồ Đà và chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang”*, Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2015 [30].

- Tác giả Cao Trung Vinh (2016), *Mô hình quản lý di sản ở chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang*, Tham luận tại Hội thảo khoa học “Giá trị các mặt của di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững”, Hà Nội [51].

- Tác giả Đỗ Thị Thu Huyền (2016), *Mộc bản chùa Bồ Đà trong bối cảnh lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tham luận tại hội thảo Giá trị các mặt của di sản Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững, Hà Nội [19].

- Tác giả Đồng Ngọc Dưỡng (2016), *Giá trị lịch sử, Phật giáo và văn hóa của mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang*, Tham luận tại Hội thảo khoa học “Giá trị các mặt của di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững”, Hà Nội [14].

- Tác giả Nguyễn Huy Bình (2016), “*Kho mộc bản chùa Bồ Đà - Di vật hữu hình và vô hình*”, Tham luận tại Hội thảo khoa học “Giá trị các mặt của di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững”, Hà Nội [7].

- Sở VHTTDL tỉnh Bắc Giang phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, *Tọa đàm “Giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật chùa Bồ Đà”*, ngày 26/7/2016 [38].

Tuy nhiên, đây chỉ là các nghiên cứu riêng lẻ, chủ yếu tập trung nghiên cứu về mộc bản chùa Bồ Đà, chưa đi sâu tìm hiểu về quần thể di tích chùa Bồ Đà và cũng chưa có đề tài nào nghiên cứu về thực trạng quản lý di tích chùa Bồ Đà. Kế thừa những kết quả của các công trình nghiên cứu trước đây, cùng với việc tập trung khảo sát và nghiên cứu đề tài “***Quản lý di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang***” sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn, cụ thể hơn về quản lý di tích chùa Bồ Đà. Đồng thời, việc đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý di tích chùa Bồ Đà sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm vai trò, ý nghĩa của di tích chùa Bồ Đà với phát triển kinh tế xã hội ở địa phương trong thời gian tới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng quản lý di tích chùa Bồ Đà từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong điều kiện thực tế của địa phương.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý di sản văn hóa nói chung, quản lý di tích lịch sử văn hóa nói chung;
- Nghiên cứu lịch sử hình thành, những giá trị tiêu biểu của chùa Bồ Đà;
- Đi sâu đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong quản lý di tích chùa Bồ Đà trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích chùa Bồ Đà trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là thực trạng quản lý di tích Chùa Bồ Đà ở xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu trong không gian của di tích chùa Bồ Đà;
- Phạm vi thời gian: Từ năm 2010 đến nay. Đây là giai đoạn có nhiều tác giả, nhà khoa học quan tâm tìm hiểu các giá trị tiêu biểu của chùa Bồ Đà; nhiều công trình nghiên cứu, các bài báo đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khiến cho sức lan tỏa của Bồ Đà ngày càng rộng rãi. Đặc biệt, đây là thời điểm Luật Di sản văn hóa được sửa đổi, bổ sung vừa có hiệu lực thi hành, tạo ra một cơ sở pháp lý vững chắc cho các hoạt động quản lý văn hóa nói chung, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích lịch sử văn hóa nói riêng, trong đó có chùa Bồ Đà.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp chính sau:

- *Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu*: Trên cơ sở những tài liệu thu thập được, người viết tiến hành phân tích, tổng hợp và rút ra những kết luận trong việc đánh giá thực trạng công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà;

- *Phương pháp khảo sát, điền dã*: Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã trực tiếp khảo sát nhiều lần tại khu di tích chùa Bồ Đà; chụp ảnh tư liệu; gặp gỡ, trao đổi với lãnh đạo, nhân viên của BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn cũng như cộng đồng dân cư và du khách đến tham quan chùa Bồ Đà;

- *Phương pháp tiếp cận liên ngành*: Văn hóa vốn là một khoa học liên ngành và nghiên cứu về quản lý văn hóa sẽ có ý nghĩa trên nhiều mặt, do đó cần phải nhìn nhận dưới góc độ liên ngành, tránh cái nhìn chia cắt trong quá trình nghiên cứu. Phương pháp này sẽ giúp người nghiên cứu cũng như những người quan tâm, tìm hiểu về văn hóa và quản lý văn hóa có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về những hiện tượng, những giá trị lịch sử văn hóa của dân tộc. Từ đó góp phần quản lý văn hóa một cách khoa học, có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã kết hợp phương pháp tiếp cận của các ngành như: văn hóa học, bảo tàng học, dân tộc học... để triển khai, nghiên cứu đối tượng của luận văn;

- *Phương pháp so sánh*: So sánh đối chiếu là một thao tác nghiên cứu được dùng trong nhiều ngành khoa học khác nhau. Phương pháp so sánh được dùng để so sánh giữa các mô hình, cách thức quản lý tại địa phương để tìm ra được những điểm mạnh, điểm yếu cần khắc phục trong việc xây dựng, tổ chức bộ máy quản lý một cách hợp lý và có hiệu quả cao.

6. Những đóng góp của luận văn

- *Về ý nghĩa khoa học*: Từ việc nghiên cứu thực trạng quản lý di tích chùa Bồ Đà, đề tài góp phần hệ thống hóa các quan điểm và cơ sở lý thuyết

về quản lý di tích lịch sử văn hóa và vận dụng cơ sở lý luận về quản lý di sản văn hóa vào một trường hợp cụ thể để nâng cao chất lượng quản lý di tích chùa Bỏ Đà cũng như thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới;

- *Về ý nghĩa thực tiễn*: Bước đầu cung cấp thông tin, nguồn tư liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về di tích và lễ hội chùa Bỏ Đà, làm phong phú thêm kho tàng tư liệu di tích lịch sử văn hóa của dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đi sâu nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý di tích chùa Bỏ Đà, đề tài còn góp phần xây dựng định hướng cho công tác quản lý di tích của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn tới.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý về quản lý di tích và khái quát về di tích chùa Bỏ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chương 2: Thực trạng quản lý di tích chùa Bỏ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích chùa Bỏ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn hiện nay.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH CHÙA BỒ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

1.1. Cơ sở lý luận về quản lý di tích

1.1.1. Quản lý

Quản lý là một hoạt động xã hội bắt nguồn từ tính chất cộng đồng dựa trên sự phân công và hợp tác để làm một công việc nhằm đạt được mục tiêu chung đề ra. Hiện nay quản lý là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, mỗi ngành khoa học lại tiếp cận ở các góc độ khác nhau. Chính vì thế, khái niệm quản lý cũng có nội hàm rất phong phú và đa dạng, được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau.

Theo từ điển Tiếng Việt: “Quản lý là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định” [57; tr.106].

Trong khi đó, từ điển Bách khoa Việt Nam lại định nghĩa:

Quản lý là chức năng và hoạt động của hệ thống có tổ chức thuộc các giới khác nhau (sinh học, kỹ thuật, xã hội), đảm bảo thực hiện những chương trình và mục tiêu của hệ thống đó... Do tính chất lao động của con người, quản lý tồn tại trong mọi xã hội, ở bất cứ lĩnh vực nào và trong bất cứ giai đoạn phát triển nào. Quản lý là một khoa học, dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật phát triển của đối tượng khác nhau, quy luật tự nhiên và quy luật xã hội, đồng thời quản lý còn là một nghệ thuật, đòi hỏi nhiều kiến thức xã hội, tự nhiên hay kỹ thuật. Những hình thức quản lý có ý thức luôn gắn liền với hoạt động có mục tiêu, kế hoạch, và được thực hiện qua những thể chế xã hội đặc biệt [44; tr.107].

Trong cuốn *Quản lý hành chính nhà nước*, tác giả Mai Hữu Luân (2003) đã xác định:

Quản lý là hoạt động nhằm tác động có tổ chức của chủ thể vào một đối tượng nhất định để điều chỉnh các quá trình xã hội và các hành vi của con người nhằm duy trì sự ổn định và phát triển của đối tượng theo những mục đích nhất định [28, tr.485].

Hay trong cuốn *Cơ sở khoa học quản lý* của tác giả Nguyễn Minh Đạo cũng ghi nhận: “Quản lý là sự tác động chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người nhằm đạt tới mục tiêu đã đề ra” [18].

Điềm qua một số quan điềm, chúng ta thấy rằng bản chất của quản lý và hoạt động quản lý đều bắt nguồn từ sự phân công, hợp tác lao động; là một hoạt động liên tục và cần thiết khi con người kết hợp với nhau trong tổ chức. Đây là một hoạt động khách quan, nảy sinh khi cần có sự nỗ lực của tập thể để thực hiện mục tiêu chung. Hoạt động quản lý diễn ra ở mọi tổ chức từ phạm vi nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp.

Như vậy, qua việc xem xét, đối chiếu một số khái niệm thì khái niệm “quản lý” trong cuốn *Quản lý hành chính nhà nước* được coi là định nghĩa ngắn gọn, dễ hiểu và được sử dụng phổ biến trong thực tiễn vì đã xác định được đầy đủ các yếu tố cấu thành của quản lý đó là: chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, khách thể quản lý và mục tiêu của quản lý. Định nghĩa này được nhiều các nhà khoa học vận dụng làm cơ sở lý luận cho các công trình nghiên cứu của mình.

1.1.2. Quản lý văn hóa

Quản lý văn hóa là hoạt động xã hội mang tính đặc thù, được thực hiện bằng hệ thống luật pháp và các chính sách liên quan đến sự phát triển văn hóa. Nội dung, phương thức, cách thức để văn hóa luôn có sự thay đổi, bổ sung, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đời sống văn hóa.

Do văn hoá là một khái niệm rộng, đa nghĩa nên quản lý văn hóa không chỉ là quản lý nhà nước (theo chiều từ trên xuống), mà còn là sự tự quản lý của từng người, từng gia đình, tập thể, làng xóm, theo chuẩn mực chung của Nhà nước (theo chiều từ dưới lên)... Bản chất của quản lý văn hóa chính là sự kết hợp giữa quản lý Nhà nước và nhân dân tự quản.

PGS.TS Nguyễn Hữu Thức xác định các nội dung của quản lý nhà nước về văn hóa bao gồm: Định hướng hoạt động văn hóa; xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động văn hóa; tổ chức và điều hành các thiết chế, các tổ chức văn hóa hoạt động theo chương trình, kế hoạch quốc gia; xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa; tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động văn hóa [42].

Như vậy, quản lý văn hóa có thể hiểu là sự lãnh đạo, điều hành những cơ sở hoạt động văn hóa được xã hội phân công trong hệ thống Nhà nước hoặc trong các doanh nghiệp hoạt động văn hóa. Quản lý văn hóa còn là việc lập kế hoạch, tổ chức, điều khiển, kiểm tra các thiết chế văn hóa (cả lợi nhuận và phi lợi nhuận)...

Với cách hiểu như trên, tác giả cho rằng, quản lý văn hoá là việc chủ thể quản lý tiến hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều khiển vận hành và thanh tra kiểm tra nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển văn hoá, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của con người. Quan điểm của PGS.TS Nguyễn Hữu Thức đưa ra mang tính tổng quát, toàn diện hơn.

Tóm lại, quản lý nhà nước về văn hóa được hiểu là sự tác động liên tục, có tổ chức, có chủ đích của một nhà nước đối với toàn bộ hoạt động văn hóa của quốc gia bằng quyền lực của Nhà nước thông qua Hiến pháp và pháp luật, làm cho văn hóa phát triển theo hướng có ích cho con người, giúp cho xã hội không ngừng phát triển.

1.1.3. Di tích

Di tích vốn là một bộ phận không thể thiếu của di sản văn hóa, nó là thành tố quan trọng và là thông điệp từ quá khứ gửi lại cho các thế hệ mai sau. Thực tiễn nghiên cứu cho thấy, thuật ngữ di tích được rất nhiều từ điển đề cập đến như:

Từ điển tiếng Việt giải thích: “Di tích là các loại dấu vết của quá khứ, chủ yếu là nơi cư trú và mộ táng của người xưa được khoa học nghiên cứu. Theo nghĩa di tích văn hóa thì nó là di sản văn hóa lịch sử bất động” [57, tr.553].

Còn theo từ điển Anh - Việt, khái niệm di tích nghĩa được là vết tích, dấu vết, di tích (phần nhỏ còn lại của cái gì đã một thời tồn tại). Như vậy, di tích được hiểu là “những di vật cổ, mộ, lăng tẩm, lăng mộ, tường niệm cổ có giá trị lịch sử - văn hóa”.

Từ điển Bách khoa Việt Nam thì lại cho rằng: “Di tích là các loại dấu vết của quá khứ, là đối tượng nghiên cứu của chuyên ngành khảo cổ học, sử học... Di tích là di sản văn hóa lịch sử được pháp luật bảo vệ, không ai được tùy tiện dịch chuyển, thay đổi, phá hủy” [43, tr.667].

Điểm qua một số khái niệm về di tích có thể thấy, khái niệm mà Từ điển Bách khoa Việt Nam đề cập đến đầy đủ, phù hợp với thực tiễn hơn. Theo đó, di tích không chỉ được hiểu đơn thuần là di vật cổ, mộ, lăng tẩm, lăng mộ... mà gồm rất nhiều những dấu vết do quá khứ để lại; đặc biệt những di tích này phải được pháp luật bảo vệ, không ai được phép tùy tiện dịch chuyển, thay đổi, phá hủy hệ thống các di tích đó.

Khái niệm này sẽ tạo tiền đề quan trọng trong công tác nghiên cứu cũng như bảo tồn, phát huy các giá trị của di tích trong thời kỳ đổi mới.

1.1.4. Di tích lịch sử văn hóa

Theo Đại từ điển tiếng Việt thì: “DTLS văn hóa là tổng thể những công trình địa điểm, đồ vật hoặc tác phẩm, tài liệu có giá trị lịch sử hay giá trị văn hóa được lưu lại” [57].

Pháp lệnh DTLS văn hóa năm 1984 lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm về DTLS văn hóa và danh lam thắng cảnh. Theo đó, DTLS văn hóa được hiểu là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học nghệ thuật, giá trị văn hóa hoặc có liên quan đến những sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa, xã hội.

Kế thừa quy định trên, khái niệm DTLS văn hóa tiếp tục được Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 tiếp cận dưới khía cạnh là một thành tố của phạm trù di sản văn hoá: “Di tích lịch sử văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia thuộc công trình địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học” [27, tr.3].

So với khái niệm về DTLS văn hoá được nêu trong Pháp lệnh DTLS năm 1984 thì khái niệm DTLS văn hoá trong Luật Di sản văn hoá mang tính bao quát, đầy đủ và hoàn thiện hơn. Nó không chỉ là những công trình xây dựng, địa điểm mà còn bao gồm các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của công trình, địa điểm đó. Và một DTLS văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau: công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước; công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của đất nước; công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến; địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ; quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn. Có nghĩa là chúng phải có vật chứng cho một sự kiện lịch sử, có giá trị văn hóa hoặc gắn bó với cuộc sống, sự nghiệp anh hùng dân tộc, danh nhân kiệt xuất; hoặc chúng là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, giá trị thẩm mỹ và hình thức thể hiện tiêu biểu cho một phong cách, một thời đại; hoặc chúng là sản phẩm được phát minh sáng chế tiêu biểu có giá trị thực tiễn cao, có tác động thúc đẩy xã hội phát triển của một giai đoạn lịch sử nhất định.

Khái niệm DTLS văn hóa được Luật Di sản văn hóa đề cập phù hợp hơn với các quy định về di sản văn hóa của UNESCO và phù hợp với đòi hỏi của công tác quản lý nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa hiện nay.

1.1.5. Quản lý di tích lịch sử văn hóa

Để xây dựng được một cơ chế quản lý các DTLS văn hóa hoàn thiện và có hiệu quả, chúng ta cần phải xác định rõ “quản lý DTLS văn hóa” được hiểu như thế nào? Từ đó mới xác định được những công việc cần làm, những hoạt động cần triển khai và xây dựng một cơ chế quản lý vừa mềm dẻo, linh hoạt lại vừa có tính chất định khung để hiệu quả quản lý các DTLS văn hóa được cao nhất.

Luật Di sản văn hóa năm 2001, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 không nêu ra khái niệm cụ thể về quản lý DTLS văn hóa, tuy nhiên qua quá trình nghiên cứu và khảo sát thực tiễn thì nội dung công tác quản lý DTLS văn hóa được hiểu bao gồm một số hoạt động như: bảo vệ, giữ gìn DTLS văn hóa; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại di sản văn hóa mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của DTLS văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch, nghiên cứu di sản văn hóa...

Và để thực hiện chức năng quản lý của mình, Nhà nước đã ban hành một cơ chế, chính sách phù hợp cùng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh, vừa có tác động nâng cao hiệu quả quản lý di sản văn hóa, vừa tạo động lực cho các hoạt động quản lý DTLS văn hóa phát triển bền vững.

Như vậy, nội dung của hoạt động quản lý DTLS văn hóa mà Luật Di sản đề cập đến về cơ bản là đầy đủ, phù hợp với thực tiễn quản lý. Theo đó, khi hoạt động quản lý DTLS văn hóa khoác lên mình một diện mạo mới, nó sẽ cùng với hệ thống các di sản văn hóa khác của Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút du khách không chỉ trong nước mà còn của khu vực và thế giới.

1.2. Cơ sở pháp lý

1.2.1. Các văn bản của Đảng và Nhà nước

Trong công cuộc đổi mới đất nước, mặc dù còn phải đương đầu với những khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta vẫn dành cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá, trực tiếp là các DTLS văn hóa những sự quan tâm không nhỏ.

Những năm qua, nhiều chủ trương, đường lối, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được ban hành. Chúng được thể hiện thông qua các chỉ thị, nghị quyết, đặc biệt là: Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [15], Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” [16].

Tuy sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa tuy đã có chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả quan trọng. Nhưng so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Kế thừa các quan điểm trước đây về phát triển văn hóa, Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh:

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh [17, tr.2].

Quan điểm này đánh dấu sự phát triển tư duy lý luận của Đảng, đồng thời cũng là kết quả tổng kết thực tiễn quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS văn hóa trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, ngày 14/6/2001, Luật Di sản văn hoá đã được thông qua tại kỳ họp thứ 9, Quốc Hội khoá X. Được xây dựng trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của Pháp lệnh năm 1984, Luật Di sản văn hoá năm 2001 mở rộng thêm phạm vi, đối tượng điều chỉnh là di sản văn hoá phi vật thể để phục vụ và đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển văn hoá trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Công tác bảo vệ di sản văn hoá trên cơ sở thực hiện chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc hướng cả vào di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Ngoài những quy định cụ thể về việc xếp hạng di tích, sưu tầm các di sản văn hoá phi vật thể, thăm dò khai quật khảo cổ học, luật cũng đồng thời quy định cụ thể về công tác thanh tra, kiểm tra cùng mức độ khen thưởng, xử phạt trong lĩnh vực bảo tồn các di sản văn hoá.

Từ khi Luật Di sản văn hoá năm 2001 có hiệu lực, sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản văn hoá ngày càng thu hút được sự tham gia của các tổ chức, cá nhân cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân ở khắp mọi miền đất nước. Tuy nhiên, trải qua một thời gian dài, Luật Di sản văn hoá năm 2001 và những quy định pháp luật khác cũng đã bộc lộ những tồn tại và hạn chế rất rõ khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường. Do đó, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Di sản văn hoá năm 2009 đã ra đời, khắc phục hạn chế và hoàn thiện thêm để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo tồn và phát huy tốt hơn nữa các giá trị di sản văn hoá.

Để công tác quản lý các DTLS văn hoá được thống nhất, đồng bộ trên cả nước, Chính phủ đã ban hành rất nhiều các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các hoạt động văn hoá, đặc biệt là việc bảo quản, tu bổ, phục

hồi các DTLS văn hóa, danh lam thắng cảnh. Cụ thể như Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLS văn hóa, danh lam thắng cảnh và Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL, ngày 28/12/2012 của Bộ VHTTDL hướng dẫn thực hiện Nghị định 70/2012/NĐ-CP. Điểm nổi bật của các văn bản này là hồ sơ dự án tu bổ di tích cần thực hiện qua 3 bước: Thỏa thuận, phê duyệt chủ trương; thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự án và thỏa thuận, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công thay vì chỉ có báo cáo kinh tế - kỹ thuật như trước đây. Việc thắt chặt các quy định đã góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động tu bổ di tích, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng về di tích, ngăn chặn nguy cơ làm sai lệch di tích.

Bên cạnh những điểm hợp lý, sau hơn 3 năm đi vào cuộc sống, Nghị định 70 và Thông tư 18 đã bộc lộ không ít hạn chế như: thời hạn thỏa thuận, phê duyệt các dự án kéo dài, gây ra khó khăn không đáng có đối với các dự án tu bổ, tôn tạo di tích, nhất là các di tích cần tu bổ cấp bách đã tạo ra “rào cản” cho các địa phương trong quá trình quản lý, tu bổ di tích.

Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về di sản văn hóa, Bộ VHTTDL ban hành các văn bản chỉ đạo cũng hướng dẫn công tác chuyên môn như: Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL, ngày 30/6/2010 của Bộ VHTTDL, quy định về việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Một trong những quy định đáng chú ý của Thông tư là ưu tiên kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể đang bị mai một cần bảo vệ khẩn cấp; quy định về nhiều vấn đề liên quan đến công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể như nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức, lập hồ sơ, báo cáo và công bố kết quả kiểm kê. Ngoài ra, Bộ VHTTDL còn chủ động

phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT, ngày 30/12/2013 để hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Đặc biệt, ngày 31/10/2016, Cục Di sản Văn hóa, Bộ VHTTDL đã có Công văn số 4401/BVHTTDL-DSVH về việc thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Tam quan chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu Sở VHTTDL tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan công khai nội dung Báo cáo để tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chính quyền địa phương, trụ trì chùa Bồ Đà trước khi trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo liên quan đến việc tu bổ tôn tạo các hạng mục trong di tích chùa Bồ Đà.

Như vậy, công tác tu bổ, tôn tạo di tích hiện nay phải tuân thủ rất nhiều các quy định về di sản văn hóa, xây dựng, đầu tư công và nhiều nghị định, thông tư chuyên ngành.

Nhìn một cách tổng quát và khách quan, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị của di sản là quan điểm nhất quán, xuyên suốt; phù hợp với thực tiễn đòi hỏi của từng giai đoạn. Hệ thống văn bản pháp luật nêu trên hiện đã và đang góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá của dân tộc, trong đó có di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.2.2. Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Bắc Giang là địa phương có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, sở hữu một hệ thống di sản văn hóa phong phú, đa dạng, trong đó chủ yếu là các DTLS văn hóa. Trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị của các

DTLS văn hóa trong từng thời kỳ, UBND tỉnh Bắc Giang luôn dành sự quan tâm nhất định đến việc quản lý các khu DTLS văn hóa trên địa bàn.

Khoảng 10 năm trở lại đây, đặc biệt là từ khi có Luật Di sản văn hoá, công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy di sản văn hoá ở Bắc Giang có những bước phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Mỗi năm, hàng chục tỷ đồng được đầu tư sửa chữa, tu bổ, nâng cấp đình, đền, chùa, danh lam thắng cảnh nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của nhân dân.

Để đạt được mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, ngày 21/6/2001, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-CT về “Tăng cường bảo vệ DTLS văn hóa, danh lam thắng cảnh”. Điều này cho thấy, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị tiêu biểu của DTLS văn hóa cũng như các danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh có ý nghĩa rất quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang.

Ngay trong Đề án xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thông tin Bắc Giang giai đoạn 2006-2010 được UBND tỉnh phê duyệt cũng nêu rất rõ:

Lập quy hoạch quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích cách mạng, lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh. Thành lập BQL để quản lý các di tích ở địa phương. Khuyến khích các BQL di tích vận động nhân dân, các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp vốn, sức người, sức của để giữ gìn, tôn tạo các di tích; ghi công đối với tập thể và cá nhân tham gia đóng góp tu bổ, tôn tạo các di tích cách mạng, DTLS văn hoá, danh lam thắng cảnh. Tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức, cá nhân truyền dạy, phát huy giá trị các di sản văn hoá...[46].

Năm 2010, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND, ngày 04/6/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang, về việc phê duyệt đề

án “Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá các dân tộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020” và Quyết định số 11/QĐ-UBND, ngày 30/10/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang, về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển VHTTDL tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Một số quan điểm và mục tiêu phát triển quan trọng đã được các văn bản này chỉ rõ như: Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vai trò của văn hóa, thể thao và du lịch. Tích cực huy động mọi nguồn lực cho phát triển; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hóa, thể thao, coi trọng đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch. Ngoài ra, cần chú trọng tăng cường liên kết với các tỉnh, thành phố lân cận để phát huy lợi thế và quảng bá hình ảnh Bắc Giang với cả nước và quốc tế.

Ngày 12/9/2014, UBND tỉnh Bắc Giang tiếp tục ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND về “Tăng cường các biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích” để chỉ đạo Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tốt một số nhiệm vụ như: Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền các văn bản pháp luật về công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; tích cực vận động nhân dân tham gia công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích; kịp thời phê phán các hoạt động tùy tiện trong tu bổ, tôn tạo di tích, đưa các hiện vật, đồ thờ không phù hợp vào di tích; xử lý nghiêm minh các hành vi lấn chiếm đất đai, xâm phạm di tích; thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý dứt điểm, kịp thời các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan hoặc thực hiện những hành vi khác trái pháp luật, trái với thuần phong mỹ tục.

Ngoài ra, năm 2013 UBND tỉnh Bắc Giang còn ban hành Quyết định số 1574/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình

đường và hạ tầng bên ngoài của chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Đây là dự án được đầu tư toàn bộ bằng ngân sách nhà nước, đã cho thấy sự quan tâm đặc biệt của UBND tỉnh đối với một di tích chứa đựng nhiều tiềm năng phát triển kinh tế du lịch như chùa Bồ Đà.

Những văn bản nêu trên sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy du lịch Bắc Giang - một vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử văn hóa phát triển trong thời gian tới.

1.2.3. Văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

Dưới sự quản lý, điều hành của UBND tỉnh Bắc Giang, với vai trò là cơ quan chuyên môn, có trách nhiệm tham mưu với UBND tỉnh về quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa; năm 2016, Sở VH TTDL đã chỉ đạo và tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và Chỉ thị số 07/CT-CT ngày 21/6/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về tăng cường bảo vệ DTLS văn hóa, danh lam thắng cảnh giai đoạn 2002-2012. Tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế “Bảo tồn, khai thác giá trị Mộc bản chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam”; tọa đàm “Quản lý di tích, danh thắng gắn với phát triển du lịch bền vững tỉnh Bắc Giang”... nhằm đánh giá, tổng hợp những bài học kinh nghiệm và đề xuất các chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa.

Ngày 09/6/2016, ngay tại khu di tích chùa Bồ Đà, Sở VH TTDL tỉnh Bắc Giang đã tổ chức họp triển khai Kế hoạch lập hồ sơ đề nghị xếp hạng chùa Bồ Đà là di tích quốc gia đặc biệt, Lễ hội chùa Bồ Đà đề nghị Bộ VH TTDL đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Năm 2017, Sở VH TTDL đã giành sự quan tâm đặc biệt đến chùa Bồ Đà, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đặc biệt là về công tác tuyên truyền quảng bá nhằm thu hút du khách đến với chùa Bồ Đà. Tiêu biểu phải kể

đến như: Kế hoạch số 33/KH-SVHTTDL, ngày 23/3/2017 về việc thu hút trên triệu lượt khách du lịch đến Bắc Giang năm 2017; Công văn số 195/SVHTTDL-QLVH, ngày 02/3/2017 về việc tuyên truyền Lễ đón nhận bằng xếp hạng di tích quốc gia chùa Bồ Đà; Công văn số 345/SVHTTDL-QLDL, ngày 11/4/2017 về việc lựa chọn nội dung đưa vào điều chỉnh quy hoạch, phát triển văn hóa thể thao du lịch Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hiện nay, hệ thống DTLS văn hóa ở Bắc Giang đã và đang được ngành VHTTDL cũng như UBND tỉnh chú trọng bảo tồn và phát huy trong đời sống nhân dân; là tiềm năng và thế mạnh của Bắc Giang trong phát triển du lịch trước mắt và lâu dài. Do đó, mỗi di tích cần phải được quan tâm bảo tồn và phát huy một cách tích cực hơn, hiệu quả hơn trong tương lai, đồng thời cùng với việc bảo tồn những di sản văn hoá đó sẽ góp phần vào sự phát triển của du lịch Bắc Giang nói riêng và cả nước nói chung.

1.3. Khái quát về di tích và những giá trị tiêu biểu của chùa Bồ Đà

1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Chùa Bồ Đà có tên chính xác là chùa Quán Âm núi Bồ Đà hay Bồ Đà Sơn Quán Âm Tự, gọi tắt là chùa Bồ, còn có các tên gọi khác là chùa Quán Âm, Tứ Ân Tự. Theo các nhà nghiên cứu phân tích thì tên chùa, tên núi Bồ Đà bắt nguồn từ chữ Bu Đa Phật mà dân gian quen gọi là Bụt.

Chùa tọa lạc trên ngọn núi Phụng Hoàng (Bồ Đà sơn), phía Bắc dòng sông Cầu, thuộc địa phận xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (xã Tiên Lát, huyện Yên Việt, phủ Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh xưa). Theo một số cứ liệu lịch sử, chùa Bồ Đà được xây dựng từ thế kỷ XI (nhà Lý) khi Phật giáo ở nước ta đang trong giai đoạn thịnh trị [49].

Tuy nhiên, ngôi chùa đã bị tàn phá rất nhiều trong những cuộc chiến tranh liên miên suốt bảy thế kỷ qua. Chùa được xây dựng lại như ngày nay là công lao của vua Lê Dụ Tông (trị vì từ năm 1705 đến năm 1729).

Cũng theo truyền thuyết lại, xưa không nhớ thời nào, trong làng có một người tiểu phu hàng ngày vào rừng kiếm củi nuôi thân nhưng chưa có con trai. Một hôm ông vác búa đi lên núi kiếm củi bỗng gặp một gốc cây thông già, mỗi nhát bổ ông lại niệm: “Quan thế âm phật”. Sau đó được 32 đồng tiền ở gốc cây, tự lấy làm lạ bèn đến vị cao tăng hỏi thì cao tăng bảo rằng: “Đức Phật quan âm có 32 điều ứng”. Người tiểu phu khẩn cầu rằng: “Nhược bằng đức Phật quan âm phù hộ cho tôi sinh con trai, tôi xin dựng chùa thờ”. Quả nhiên sau người tiểu phu sinh con trai thực, rồi dành dụm được ít tiền bèn dựng một ngôi chùa lợp mái gianh và tạc một pho tượng Quan âm Tống Tử để hương khói thờ phụng. Sau dần dần nhiều người qua lại lễ bái, cầu việc gì cũng hiệu ứng, bèn trở nên nơi danh lam thắng cảnh, vì thế gọi tên là chùa ông Bồ [48, tr.1, 2].

Truyền thuyết thì như vậy, còn dấu vết vật chất và thư tịch còn lại ở chùa cho biết chùa được xây dựng lớn từ thời Lê. Năm Quý Mão niên hiệu Bảo Thái nhà Lê (1720-1729) có vị trụ trì tên là Phạm Kim Hưng tiến hành trùng tu tòa chính điện, thiêu hương, tiền đường, dựng cột đá, cột gỗ, làm thêm được vài gian, nhưng bia đá chữ mờ không còn gì là dấu vết người xưa. Đến niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê (vua Lê Hiển Tông 1740-1786) có vị sư tổ họ Ngô (sư tổ Ngô Tính Ánh, Ngô Tuệ Không) quê ở làng Bình Vọng, huyện Thương Phúc, tỉnh Hà Nội (nay là huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội). Ngài từ bỏ vinh hoa phú quý,

xuất gia tu đạo, sắc phong là Hảo tiết hoà thượng, tự là Tinh Anh, vân du tới đây ngắm thấy phong cảnh địa linh tịch tĩnh, có thể lập thành nơi khai trường thuyết pháp, bèn cùng với nhân dân xây dựng Chùa Tứ Ân và Am Tam Đức (lúc này am mới có 3 tháp sư tổ). Đến niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847) lại đúc tượng Quan Thế Âm, tiếp tục xây dựng chùa Tứ Ân nhất nhất đều mới. Niên hiệu Tự Đức (1847-1883) đệ tử là ngài Phả Thuận lại dựng tiền đường năm gian làm nơi từ tụng. Đến đây, toàn bộ quần thể chùa Bồ đã hoàn thành có tới 100 gian [48, tr.3].

Từ năm 1786 trở đi, chùa đã nhiều lần được trùng tu mở mang xây dựng thêm chùa thành nơi tụng lâm quy mô rộng lớn bởi các hoà thượng Như Chiêu, Phả Tiên và các Hòa thượng khác. Theo Đại đức Tự Tục Vinh, trụ trì chùa hiện nay thì không phải chỉ có vị sư Phạm Kim Hưng từ quan về đây tu hành mà lần lượt có 18 vị nữa, tổng cộng là có 19 vị. Một điều đặc biệt nữa ít có ở các ngôi chùa khác tại Việt Nam là khi làm triều chính thì có người theo đạo Phật, người theo đạo Nho, người theo đạo Lão, cho nên chùa thờ Tam giáo.

Trải qua những biến động thăng trầm của lịch sử, dù nhiều cuộc chiến tranh đã đi qua nhưng chùa Bồ Đà may mắn vẫn giữ nguyên được vẻ cổ kính như thuở khai thiên.

1.3.2. Những giá trị tiêu biểu của chùa Bồ Đà

1.3.2.1. Giá trị di sản văn hóa

** Mộc bản kinh Phật cổ nhất Việt Nam:*

Chùa Bồ Đà có kho mộc bản kinh Phật của Thiền phái Lâm tế cổ nhất Việt Nam. Các tấm mộc bản này phần lớn được san khắc vào thời Lê và thời Nguyễn (thế kỷ XVIII-XIX). Niên đại sớm nhất của mộc bản được san khắc vào năm 1740, còn muộn nhất vào những năm đầu thế kỷ XX.

Bộ kinh tại chùa Bồ Đà được hình thành xuất phát từ ý tưởng của các vị tổ sư, mang những tư tưởng của hai dòng Phật giáo lớn nhất Châu Á xưa là Ấn Độ và Trung Hoa. Nội dung chính của những bản khắc ở đây là ba bộ kinh: “Lãng Nghiêm Chính Mạch, Yết Ma Hội Bản, Nam Hải Ký Quý”. Bộ kinh khắc gỗ này đề cập đến những đặc trưng của Phật giáo Trung Hoa khi được truyền vào Việt Nam với 3 tông phái (Thiền tông, Tịnh Độ tông và Mật tông). Trọng tâm của bộ kinh nói đến nỗi khổ của con người và sự giải thoát. Trong đó tiêu biểu nhất là Tứ Diệu Đế - 4 chân lý kỳ diệu của đạo Phật - gồm: Khổ Đế, Nhân Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Bộ kinh còn nói đến cõi niết bàn, những vòng luân hồi chuyển kiếp của một đời người, giải thích thế nào là sự tu nhân tích đức, cõi vô vi [19, tr.108].

Theo số liệu của Sở VH TTDL Bắc Giang năm 2015 cho biết thì kho mộc bản tại chùa Bồ Đà hiện có 1.935 tấm ván khắc và 18 bộ kinh sách chính, chủ yếu là kinh, luật, luận, ván in bùa chú, in đồ họa Phật giáo, có cả ván in bùa chú, đồ họa Phật giáo. Nếu muốn xem đồng loạt toàn bộ kho kinh cổ ở đây thì phải có khoảng đất rộng 250 m² để rải các tấm ván kinh.

Kho mộc bản này nằm ở khu hậu viện của chùa, được xếp trên 8 giá, mỗi giá có 4 tập sách kinh gồm 240 tấm ván gỗ hợp thành. Mỗi tấm gỗ dùng để khắc kinh dài trung bình 50 cm, rộng 25 cm và dày khoảng 2,5 cm. Bộ kinh được khắc trên gỗ thị, một loại cây gỗ không những bền mà còn rất nhẹ, đây cũng là một đặc điểm thuận lợi để khắc cũng như vận chuyển kinh. Đặc biệt là những tấm gỗ thị dùng để khắc kinh đều rất bền, đẹp, không bị mối mọt, dù không dùng một loại thuốc bảo quản nào [19, tr. 39].

Khác với mộc bản kinh Phật tại chùa Vĩnh Nghiêm, mộc bản chùa Bồ Đà được đánh giá là độc đáo và sở hữu nhiều bản có niên đại sớm hơn so với mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm. Số đầu kinh sách khác nhau trong kho mộc bản Bồ Đà cũng nhiều, đa dạng hơn. Mặt khác, xét về độ tinh xảo, bộ kinh chùa Bồ Đà có thể sánh ngang với trình độ điêu khắc của những bức tượng chùa Tây Phương và sự tỉ mỉ cũng không kém những mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm.

Đây là kho di sản tư liệu quý giá không chỉ về việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo mà còn có giá trị nghiên cứu trên nhiều phương diện: Văn hoá, ngôn ngữ, văn học, mỹ học... Bộ kinh Phật chùa Bồ Đà xứng đáng là một di vật Phật học đặc biệt để lại cho đời sau. Trải qua gần ba thế kỷ, nhưng bộ mộc bản kinh vẫn giữ nguyên vẹn về hình thái, những hoa văn, chữ nổi trên ván kinh bằng gỗ thị vẫn còn rất sắc nét, không hề bị mối mọt. Vì vậy, mộc bản chùa Bồ Đà không chỉ lập kỷ lục là mộc bản cổ nhất Việt Nam mà hoàn toàn có đủ điều kiện để đệ trình lên UNESCO xem xét công nhận là di sản tư liệu của Thế giới.

Việc nghiên cứu có hệ thống về kho mộc bản này, với những loại văn bản kinh, sách như nêu trên, sẽ góp phần làm rõ hơn, sâu sắc hơn các nội dung, giá trị tư tưởng Phật giáo, lịch sử truyền thừa của Thiền phái Lâm Tế tại Việt Nam cũng như góp phần làm sáng tỏ thêm giá trị lịch sử, văn hóa, đời sống tu tập, tôn giáo, tư tưởng của dòng Thiền phái Lâm Tế.

** Hệ thống tượng Phật thời Lê:*

Bên cạnh kiến trúc độc đáo khu nội tự và lịch sử lâu năm, bên trong ngôi chùa còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý hiếm, có giá trị như: Hệ thống tượng Phật theo dòng Thiền phái Lâm tế, ván khắc, văn bia, sách Kinh Phật, hương án đồ thờ...

Hiện trong chùa Bồ Đà còn bảo lưu trên 40 pho tượng Phật trong đó phần lớn là những pho tượng Phật cổ thời Lê (thế kỷ XVIII) và

thời Nguyễn (thế kỷ XIX) [21]... Hệ thống bát hương gồm, chum, lọ, vại gốm sành (trên 50 hiện vật). Hệ thống văn bia gồm 5 bia thời Nguyễn (thế kỷ XIX), 01 chuông đồng thời Nguyễn đúc năm 1881... Mỗi một tài liệu, hiện vật đều có giá trị và ý nghĩa nội dung riêng phản ánh về từng giai đoạn lịch sử theo sự hình thành và phát triển của trung tâm Phật giáo Bồ Đà [14].

Hệ thống tượng Phật gỗ này có từ thời Lê còn lưu giữ được tương đối đầy đủ. Chúng không chỉ có giá trị về lịch sử phát triển của đạo Phật, của Thiền phái Lâm Tế, mà còn là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc phong phú. Tất cả những hiện vật này đều mang giá trị vô giá cả về lịch sử cũng như văn hóa. Qua các hiện vật, ta hiểu rõ hơn được sự hình thành và phát triển của ngôi chùa qua từng thời kỳ.

** Vườn tháp lớn nhất Việt Nam:*

Một nét độc đáo nữa ở chùa Bồ Đà chính là vườn tháp - nơi tàng lưu xá lị, tro cốt nhục thân của các tăng ni dòng Thiền Lâm Tế nằm ở bên trái khu nội tự và vườn chùa. Vườn tháp được chia làm 3 khu rõ ràng: khu tháp sư tăng ở chỗ đất cao nhất rồi đến tháp sư ni và dưới cùng là mộ của các vãi ở chùa. Nằm nghiêng theo độ cao của dải núi Bồ Đà, khu vườn tháp tọa lạc ở bãi đất với diện tích gần 8 nghìn mét vuông. Giắc ngủ ngàn thu của các nhà tu hành đắc đạo được gìn giữ bao bọc bởi bức tường thành được xây dựng từ đá núi, gạch chỉ và đất thố.

Trải qua gần 300 năm kể từ khi sư tổ Phạm Kim Hưng cho tu bổ lần đầu tiên đến nay, chùa Bồ Đà có gần 100 ngôi bảo tháp lớn nhỏ. Đó là mộ, xá lị, tro cốt của trên 1200 nhà sư tu hành đắc đạo của dòng Lâm Tế khắp nơi trên cả nước từ gần ba thế kỷ nay. Đặc biệt có ngôi tháp an táng tới 26 nhà sư. Trong vườn tháp ta thấy đa số là những ngôi tháp ba, bốn tầng với độ cao từ từ ba đến năm

mét, riêng mấy ngôi tháp sư tổ thì đồ sộ cao rộng hơn nữa. Các nhà sư được an táng tại đây đều là anh em cùng sơn môn, cùng tu một thầy, quý mến nhau muốn khi viên tịch vẫn được nằm cạnh nhau [62].

Đề du khách đến văn cảnh biết được có bao nhiêu vị tăng, ni viên tịch và yên nghỉ ở chốn này thì hình dáng mỗi tháp cũng có nét riêng biệt. Tháp mộ sư tăng trên đỉnh tháp bao giờ cũng gắn bình cam lộ đặt trên tòa sen. Tháp sư ni thì khác, đỉnh tháp mộ lại được gắn một búp sen đó là điều độc đáo mà du khách được chiêm bái ở vườn tháp chùa Bồ Đà, trong vườn có cả tháp mộ sư tăng, sư ni (điều hiếm thấy ở các dòng phái khác).

Các tháp được xây dựng bằng chất liệu truyền thống là đá, gạch chỉ và bít mạch thì dùng vôi vữa trộn với mật mía, xây dựng rất công phu. Tháp đào sâu khoảng 1,27m, còn 1 số tháp đào sâu 90cm. Xây 1 tòa tháp mất 1 tháng khoảng 5000 gạch kết cấu 3 phần: bên dưới để hài cốt, ở giữa để thờ, bên trên là nóc. Mỗi tòa tháp thường mai táng nhiều nhà sư, chính vì vậy tên tuổi không ghi trên bài vị mà được chép lại tỉ mỉ trong gia phả của từng ngôi tháp. Riêng chỉ có mộ của các vãi ở chùa là được ghi lại đầy đủ tên họ, quê quán vì những mộ này chỉ có 1 tầng và mai táng 1 người. Tất cả những người tăng ni phật tử thuộc phái Lâm Tế mà có nguyện vọng chôn cất ở đây thì đều được đáp ứng. Chính vì vậy những ngôi tháp ở chùa Bồ ngày càng tăng lên [61].

Cùng với chùa Bảo Quang ở Quế Võ tỉnh Bắc Ninh, Chùa Bồ Đà sớm ảnh hưởng, tiếp nhận dòng Lâm Tế và được phát triển từ nửa đầu thế kỷ XVIII và là nơi được nhiều tăng ni thuộc Phái Lâm Tế ở miền Bắc nước ta trốn làm nơi an nghỉ vĩnh hằng. Tuy trải qua hai cuộc chiến tranh chống

ngoại xâm, vườn tháp chùa Bỏ Đà vẫn còn nguyên vẹn, và nay trở thành vườn tháp cổ và có quy mô rộng lớn.

Chính vì vậy, chùa Bỏ Đà đã vinh dự được Tổ chức kỷ lục Việt Nam xác lập “Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam”.

** Lễ hội chùa Bỏ Đà:*

Đối với bất cứ địa phương nào, Lễ hội luôn là một trong những giá trị tâm linh không thể thiếu đối với cộng đồng dân cư và là di sản văn hóa phi vật thể có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng các dân tộc nơi đó. Lễ hội chùa Bỏ Đà cũng vậy, không chỉ thể hiện tinh thần đoàn kết, yêu nước, yêu chuộng hòa bình, là cơ hội để các thế hệ bày tỏ lòng thành kính với đức Phật và với người xưa đã có công gây dựng nên danh lam cổ tự độc đáo này mà còn phản ánh sự đa dạng văn hóa và sự sáng tạo của con người, thể hiện ở các nghi lễ, các trò chơi dân gian, những làn điệu quan họ mượt mà... liên tục được kế thừa và phát huy trong đời sống nhân dân.

Lễ hội chùa Bỏ Đà hội tụ đủ cả hai yếu tố văn hóa tôn giáo và tín ngưỡng, là minh chứng của tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” thời Trần - một triều đại có sự phát triển rực rỡ của các tôn giáo. Dưới thời Trần, Nho - Phật - Đạo đều có chỗ đứng của riêng mình; nếu Nho giáo là giường cột trong thể chính trị quốc gia thì Phật giáo là tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần và Đạo giáo là để phục vụ đời sống tín ngưỡng phong phú của người dân Đại Việt lúc bấy giờ [60].

Bởi vậy, quan điểm về tôn giáo dưới thời Trần “Tam giáo đồng nguyên” thể hiện chính là tinh thần đoàn kết, hòa hợp giữa các tôn giáo với nhau, tạo nên một vẻ đẹp độc đáo cho Lễ hội Bỏ Đà.

Lễ hội được tổ chức từ ngày 16 đến 18 tháng 2 Âm lịch hàng năm. Nội dung các chương trình lễ hội đều được lên kịch bản từ trước, diễn ra

đúng trình tự, phù hợp với truyền thống văn hóa của quê hương. Đặc biệt, những năm trở lại đây, lễ hội được chuẩn bị rất chu đáo và có nhiều khởi sắc. Tất cả các di tích ở khu vực tổ chức lễ hội Bồ Đà trong những ngày hội đều mở cửa, cấm cờ đại, cờ ngũ hành rực rỡ. Không gian lễ hội rộng bao trùm khắp các cửa đình, cửa chùa thuộc dãy Bồ Đà Sơn.

Vào ngày hội chính, nhân dân và chính quyền chuẩn bị cho tế lễ ở đền Hạ và lễ rước từ đền Hạ lên đền Trung để tế lễ lên đền Thượng. Không khí hội ở đền Hạ rất tưng bừng, náo nhiệt. Sáng ngày 17 tháng 2, với sự phối hợp tham gia giữa nhà chùa với dân làng, đoàn rước cử hành từ đền Hạ lên đền Trung. Sau đó, đoàn rước đi qua đình Lát Hạ, chùa Linh Chi, chùa Núi đất rồi lên đền Trung. Kiệu và đồ rước đóng tại đền Trung để dân làng làm lễ bái vọng lên đền Thượng. Sau lễ này là lễ hoàn cung. Còn khách thập phương tiếp tục cùng dân làng lên núi thắp hương đền Thượng và tiến lễ cúng Phật ở chùa Quan Âm và chùa Tứ Ân.

Sau những nghi lễ trang trọng, các trò chơi dân gian của vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ diễn ra rất sôi nổi, sinh động và thu hút được đông đảo cộng đồng, du khách tham gia như: Đấu vật, đánh gậy, múa đóc, múa kiếm, thả diều, bơi trải, kéo co hay xem các hội thi đặc sắc như: Thi hát quan họ, thi nấu cơm, thi bắt vịt, thi ném pháo, thi dệt chiếu hoa...

Điểm nhấn trong lễ hội chùa Bồ Đà là liên hoan hát quan họ, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân ở nhiều lứa tuổi từ các cán bộ, công chức, nông dân, nghệ nhân tham gia. Nghệ nhân lớn tuổi nhất gần 90 tuổi và nghệ nhân nhỏ tuổi nhất khoảng từ 9 đến 10 tuổi. Tham gia liên hoan còn có nhiều đơn vị đến từ các làng, khu phố trong toàn huyện với hàng nghìn liền anh, liền chị và các nghệ nhân Quan họ. Các đội về dự liên hoan đã khai thác được nhiều làn điệu quan họ cổ thuộc giọng khó hát, lời hát không nhạc đệm và có nhạc đệm bằng nhạc cụ dân tộc được phát huy đã

thể hiện rõ nét di sản văn hóa quan họ đang được kế thừa và phát triển.

Trong ba ngày diễn ra lễ hội, đã có nhiều tiết mục đặc sắc được trình diễn với các hình thức biểu diễn như: hát đơn, hát đối, hát tốp, hoà tấu nhạc cụ và các tiết mục múa... Ngoài khu vực liên hoan chính còn có nhiều trại giao lưu hát quan họ của các câu lạc bộ quan họ trong huyện đã tạo nên một không gian văn hoá quan họ, một sản phẩm du lịch độc đáo trong không gian văn hóa khu vực bờ bắc sông Cầu.

Liên hoan hát quan họ không chỉ trở thành nơi gặp gỡ giao lưu của các liên anh liên chị và những người yêu mến làn điệu dân ca trữ tình này, đồng thời làm sống lại không gian sinh hoạt văn hóa của một di sản thế giới.

1.3.2.2. Giá trị kiến trúc nghệ thuật độc đáo

Chùa Bồ Đà được thiết kế theo lối kiến trúc truyền thống Việt cổ khác biệt hẳn với chùa Vĩnh Nghiêm của huyện Yên Dũng.

Đó là lối kiến trúc đặc biệt kiểu “nội thông ngoại bế” tạo vẻ u tịch, thanh vắng, không cốt ở sự nguy nga, tráng lệ mà quan tâm tới sự liên hoàn, thoáng đạt hướng tới sự thanh tịnh của cảnh giới nhà Phật [14, tr.3]. Theo lối kiến trúc “nội thông ngoại bế” này thì phần nền chùa được thiết kế theo hình chữ Hoắc, với 16 khối kiến trúc khác nhau và 92 gian lối thông nhau tạo thành hệ thống các tòa ngang dãy dọc liên hoàn cổ kính. Kiến trúc của chùa gần một trăm gian liên hoàn được xây dựng bằng các vật liệu dân gian: gạch nung, ngói, tiểu sành, tường bao được làm bằng đất rất độc đáo. Các bức tường, cổng và một số công trình khác được xây dựng hoàn toàn bằng đất nện theo lối chình tường [14, tr.5].

Đây là một nét kiến trúc độc đáo, đặc sắc không chỉ riêng trong tỉnh Bắc Giang mà các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc Việt Nam cũng rất hiếm thấy. Để kết nối các công trình với nhau, ngôi chùa thiết kế đến 8 lớp cổng ra

vào khác nhau. Những cổng có giá trị nghiên cứu nghệ thuật chủ yếu là cổng được xây dựng từ thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Mang dáng dấp kiểu tháp chuông xây dựng theo kiến trúc thời Nguyễn, cổng chính (cổng 2) khá hẹp chỉ 1 đến 2 người đi, được xây bằng gạch. Cổng đề 4 chữ “không môn tối quả”, tức là tuy hẹp nhưng luôn rộng mở đón người đời vào chùa và 3 chữ (Di đà phật) thay cho lời chào khách. Bước vào cổng chùa là nền đá muối có kích thước to nhỏ khác nhau.

Mỗi một toà nhà trong khu nội tự chùa đều được xây dựng bởi những nguyên vật liệu khác nhau với những nét kiến trúc độc đáo, riêng biệt như: kết cấu kèo kim đơn giản (nhà để dụng cụ), kiểu chông giường (nhà tiền tế), kiểu chông diêm (nhà in Kinh), kiểu chữ Đinh (Tòa Tam Bảo),...[14, tr.5].

Do được xây dựng qua các thời kỳ khác nhau nên khu nội tự mang nhiều kiến trúc khác nhau, nhưng hầu hết đều mang dấu vết của kiến trúc thời Lê-Nguyễn. Không gian thoáng đãng, sân chùa rộng rãi và nối tiếp với nhau tạo nên một quần thể chặt chẽ.

Di tích chùa Bồ Đà còn nổi tiếng bởi nét kiến trúc văn hoá tường đất cổ cách đây 200-300 năm. Cho nên, chùa Đất là một tên gọi khác của chùa Bồ Đà mà nhiều người vẫn sử dụng. Tường đất độc đáo không chỉ bởi được xây dựng bởi loại đất sỏi son ở núi Bồ Đà, thiết kế theo thứ tự từ thấp đến cao mà từ cổng chùa cho tới các hạng mục xung quanh tường bao chùa chạy dài hàng trăm mét đều được trình bằng tường đất màu nâu trầm cổ kính, dân dã mà không tìm thấy ở nơi khác. Trải qua thời gian, mái và sườn tường đã ngả màu nâu xám, rêu xanh bám vào càng làm tăng thêm vẻ cổ kính của ngôi chùa.

Nghệ thuật chạm khắc trên các cấu kiện kiến trúc chùa Bồ Đà thể hiện rõ diễn biến kiến trúc Phật giáo qua từng thời kỳ. Tập trung

các đề tài chạm khắc trên các đầu bẩy, đầu kẻ hiên chạm khắc rất sắc nét và tinh tế hình vân mây, đao mác ở cả hai mặt. Hệ thống các vì nách làm theo kiểu cốn mê và cốn chồng chạm dày đặc phủ kín cả hai mặt với nhiều đề tài: Hoa lá, vân mây, đao mác, hình tứ linh “Long, Ly, Quy, Phụng”, hình tứ quý: “Tùng, Trúc, Cúc, Mai”, hình linh thú... đường nét chạm sống động và có hồn. Trên các vì nóc cũng được chạm hình vân mây, hoa lá, con tiện, trái đào tiên... rất sinh động mang rõ phong cách thời Lê (thế kỷ XVIII) và thời Nguyễn (thế kỷ XIX) [36].

Trong tất cả các hạng mục công trình chùa Bồ Đà thì chùa Cao là ngôi chùa cổ nhất, mang kiểu kiến trúc hang động mái vòm. Quá trình tu sửa có cải tạo phần bờ mái trước mang nét kiến trúc thời Nguyễn (thế kỷ XIX) nhưng vẫn không làm mờ đi nét kiến trúc hang động cổ ban đầu. Hạng mục toà Tiền tế nhà Tổ chùa Bồ Đà lại được thiết kế theo kiểu kiến trúc Huế với hệ thống “thành rèm câu lon” - một diễn biến của thế kỷ XVIII-XIX. Điều này cũng rất phù hợp với quá trình diễn biến du nhập Phái Thiền Lâm Tế từ miền trong ra ngoài Bắc. Nét chấm phá hết sức độc đáo trong toàn bộ khối kiến trúc chùa Bồ Đà chính là khối Am Tam Đức...

Như vậy, sở hữu kiến trúc nghệ thuật truyền thống độc đáo, tiêu biểu, di tích chùa Bồ Đà đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt năm 2016 và đón nhận Bằng xếp hạng vào đầu năm 2017.

1.3.2.3. Giá trị giáo dục truyền thống

Chùa Bồ Đà đã trở thành di tích được xếp hạng ở cấp cao nhất trong nước nên có ý nghĩa quan trọng nhằm khơi dậy niềm tự hào, nâng cao ý thức, trách nhiệm của chính quyền các cấp và cộng đồng trong việc bảo tồn, gìn giữ di sản quý báu của cha ông. Đây cũng là dịp để tuyên truyền, quảng bá sâu rộng hình ảnh của di tích đến với du khách trong và ngoài nước.

Chùa còn là nơi tu hành của các tăng ni và đào tạo các tăng đồ theo Thiền phái Lâm Tế trong hơn 300 năm, cùng với việc bảo lưu gần 2000 mộc bản kinh Phật và nhiều bộ sách kinh chính, tất cả trở thành kho tư liệu Phật giáo quý báu trao truyền cho thế hệ sau dùng làm phương tiện truyền dạy Phật pháp cho các môn đồ.

Vào đúng dịp lễ hội, nhân dân đến chùa để tỏ lòng thành kính với đức Phật và với người xưa đã có công gây dựng nên danh lam cổ tự độc đáo này. Qua lễ hội, du khách sẽ cảm nhận được yếu tố văn hoá dân gian hoà với Phật giáo để tạo sức sống cho lễ hội Bồ Đà và vùng văn hoá tâm linh bên bờ bắc dòng sông Cầu. Bên cạnh việc thành tâm lễ Phật, văn cảnh chùa, du khách còn được thưởng thức những làn điệu dân ca quan họ của vùng quê Kinh Bắc. Đặc biệt từ khi quan họ được công nhận là di sản văn hóa thế giới, những nghệ nhân quan họ trong tỉnh ngày càng có ý thức truyền dạy cho thế hệ trẻ, những năm gần đây đã có nhiều thanh thiếu niên tham gia liên hoan thể hiện tính kế thừa và sức sống của một di sản đang được tiếp nối. Với tất cả những nét đặc sắc và nổi bật của mình, Lễ hội Bồ Đà sẽ là dịp tôn vinh, quảng bá sâu rộng, khơi dậy lòng tự hào cũng như nâng cao trách nhiệm của chính quyền và nhân dân địa phương trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa của chùa Bồ Đà và các di sản văn hóa khác trên mảnh đất Bắc Giang. Đó cũng là biểu hiện cụ thể lòng yêu nước của thế hệ hôm nay bằng ý thức giữ gìn, vun đắp những truyền thống tốt đẹp của cha ông ta, lấy đó làm cội nguồn để phát huy trong quá trình xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Có thể nói, các giá trị tiêu biểu, nổi bật, độc đáo của chùa Bồ Đà mà các thế hệ cha ông đã dày công xây dựng, vun đắp sẽ luôn được người dân cũng như chính quyền các cấp huyện Việt Yên ý thức, gìn giữ những di sản quý báu của cha ông lưu truyền cho con cháu mai sau.

1.4. Vai trò của chùa Bồ Đà với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

1.4.1. Chùa Bồ Đà với sự phát triển kinh tế

Thực tiễn đã chứng minh, di sản văn hóa không chỉ nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của nhân dân, góp phần khẳng định niềm tự hào dân tộc, mà còn là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Chùa Bồ Đà là di tích được xếp hạng ở cấp cao nhất trong nước nên càng có ý nghĩa quan trọng với chính quyền và nhân dân địa phương.

Trong nhiều năm trở lại đây, lượng du khách đến với chùa Bồ Đà và các DTLS văn hóa khác trên địa bàn liên tục tăng cao và năm sau nhiều hơn năm trước. Chính sức hút của di tích chùa Bồ Đà đã tạo tiền đề cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần phát triển các ngành nghề dịch vụ du lịch, các hoạt động khác xung quanh di tích như: nhà hàng, quán trọ, nhiếp ảnh, các làng nghề... ; kéo theo đó, nhu cầu sử dụng các dịch vụ vận tải hành khách cũng tăng cao. Một số ngành nghề thủ công truyền thống, hoạt động văn hóa truyền thống (văn hóa phi vật thể) được phục hồi, phát triển phục vụ trở lại, góp phần xây dựng, thúc đẩy cơ cấu kinh tế chung của tỉnh.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì di tích chùa Bồ Đà cũng là một những nguồn lực kinh tế quan trọng tạo ra nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương và công ăn việc làm cho người dân sở tại. Chất lượng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, thương mại dịch vụ, trong đó nổi bật là hệ thống các công trình trọng điểm của huyện như chiếu sáng, đường trục chính các khu dân cư, dịch vụ đã và đang được cải tạo nâng cấp. Ví dụ như các tuyến đường giao thông Nénh - Bồ Đà - Vân Hà; đường Làng Tự - Dương Huy; Quốc lộ 1A - Trúc Tay...

Như vậy, với hệ thống các giá trị phong phú của di tích chùa Bồ Đà, Việt Yên sẽ là địa bàn có tiềm năng dồi dào để phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là các loại hình du lịch tham quan các DTLS văn hoá, lễ hội, du

lịch làng quê; góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát triển những nét đẹp truyền thống của quê hương.

1.4.2. Chùa Bỏ Đà với sự phát triển văn hóa - xã hội

Văn hóa khơi dậy và nhân lên mọi tiềm năng sáng tạo của con người, huy động sức mạnh nội sinh to lớn trong con người đóng góp vào sự phát triển xã hội. Từ rất lâu, trong tâm thức của người dân Việt Yên, di tích chùa Bỏ Đà chính là một phần linh hồn, một nét văn hóa đặc sắc của quê hương và đã có những đóng góp không nhỏ trong sự nghiệp phát triển giáo dục cũng như góp phần thúc đẩy các hoạt động văn hóa xã hội khác của địa phương phát triển.

Khi một DTLS văn hóa như chùa Bỏ Đà được công nhận là di tích cấp quốc gia đặc biệt và được xác lập 2 kỷ lục mới đó là “Mộc bản cổ nhất Việt Nam” và “Vườn tháp lớn nhất Việt Nam”, thì điều đó giống như di tích được gắn một “thương hiệu” đặc biệt, khoác lên mình một diện mạo mới để hấp dẫn du khách trong và ngoài tỉnh. Đồng thời cũng là nguồn động lực thôi thúc, lôi cuốn người dân cả nước đến với chùa Bỏ Đà.

Đồng thời, khi Lễ hội Chùa Bỏ Đà được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia sẽ làm tăng sức hút du khách đến với Việt Yên; góp phần đa dạng các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân như: biểu diễn văn nghệ, chạy việt dã; thi đấu cầu lông và các hoạt động văn hoá khác trên địa bàn... Từ đó, góp phần đẩy nhanh tiến trình phát triển du lịch tâm linh gắn với các di sản văn hoá và quảng bá làng nghề truyền thống giai đoạn 2016-2020 của địa phương.

Bên cạnh đó, di tích chùa Bỏ Đà còn thúc đẩy công tác nghiên cứu, việc học tập ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ, nhân viên nhằm phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích cũng như cộng đồng cư dân địa phương. Các nội dung chuyên môn liên quan đến

chùa Bồ Đà cũng được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn, qua đó trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nghiệp vụ được nâng lên rõ rệt.

Tiểu kết

Trong chương đầu tiên của luận văn, bên cạnh việc tìm hiểu cơ sở lý luận và pháp lý về quản lý, quản lý văn hóa, DTLS văn hóa tác giả đồng thời giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành, những giá trị tiêu biểu và nội dung đặc trưng lễ hội của chùa Bồ Đà để từ đó có cơ sở nhìn nhận, đánh giá về thực trạng quản lý di tích chùa Bồ Đà một cách nghiêm túc, đầy đủ nhất nhằm đưa ra các giải pháp kiến nghị hữu ích, phù hợp trong các chương tiếp theo của luận văn.

Không chỉ khoác lên mình vẻ đẹp kiến trúc truyền thống của làng Việt cổ, không chỉ là nơi có vườn tháp lớn nhất Việt Nam, chùa Bồ Đà còn nơi chứa đựng một kho tàng mộc bản cổ nhất Việt Nam... Di tích chùa Bồ Đà xứng đáng là một trong các DTLS văn hoá tiêu biểu của tỉnh Bắc Giang khi được đón nhận bằng DTLS quốc gia đặc biệt và quyết định công nhận Lễ hội chùa Bồ Đà là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đầu năm 2017 vừa qua.

Như vậy, trên mảnh đất Việt Yên, bên cạnh dấu ấn làng cổ Thổ Hà, men say rượu làng Vân, lời ca quan họ vang rền nền nẫy bên dòng sông Cầu thơ mộng thì di tích cấp quốc gia đặc biệt - chùa Bồ Đà hứa hẹn sẽ là điểm đến hấp dẫn của làng quê Việt được nhiều du khách quan tâm, chiêm bái.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

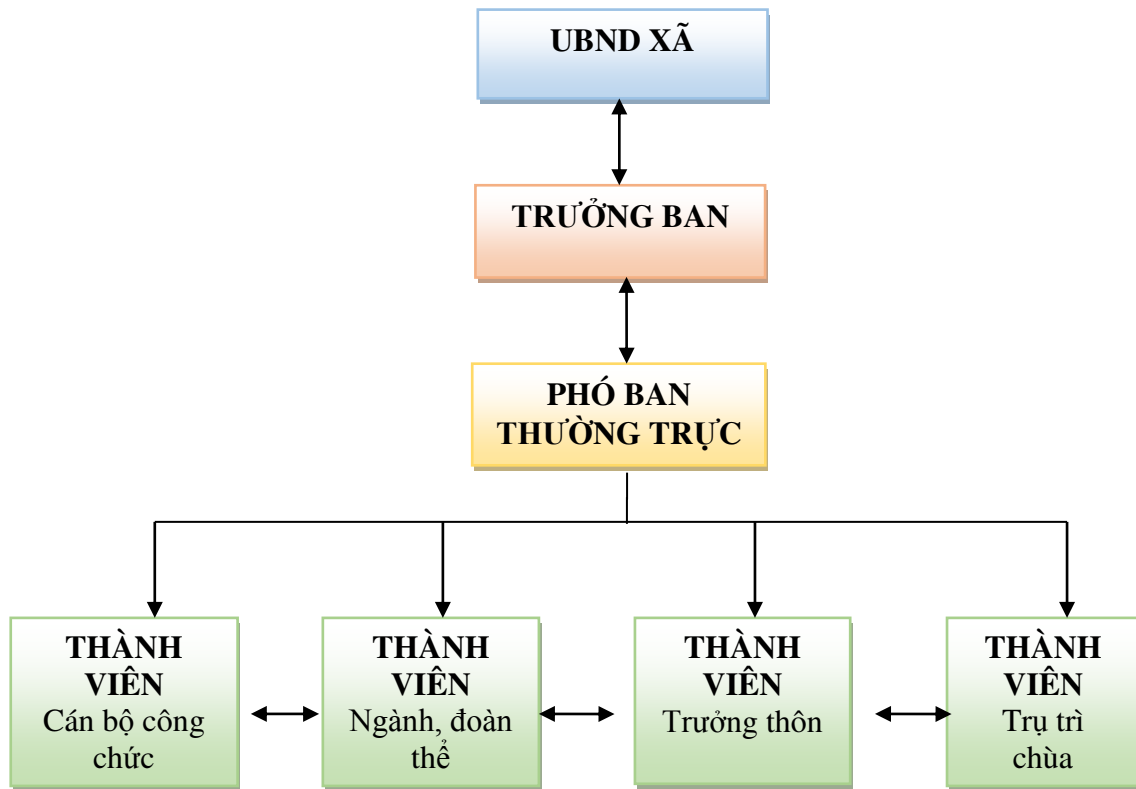
2.1. Cơ cấu, chức năng Ban quản lý di tích Chùa Bồ Đà

2.1.1. Cơ cấu, tổ chức bộ máy

Theo báo cáo số 287/BC-UBND ngày 21/10/2016 của UBND huyện Việt Yên, hiện có 19/19 xã, thị trấn có di tích được xếp hạng đã thành lập được BQL di tích cấp xã, các thành viên trong BQL chủ yếu là người ở các thôn, làng có di tích và người trụ trì trong di tích. Các BQL di tích này đều được kiện toàn lại hàng năm phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn. Cũng như một số di tích khác trên địa bàn tỉnh (Chùa Vĩnh Nghiêm, Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế...), Chùa Bồ Đà chưa có BQL riêng. Tất cả các nội dung hoạt động bảo tồn, gìn giữ cũng như phát huy các giá trị của di tích đều được thực hiện bởi BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn và dưới sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của UBND xã.

Cơ cấu tổ chức BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn hiện tại gồm có: 01 Trưởng ban (do Phó Chủ tịch UBND xã đảm nhiệm), 01 Phó ban thường trực (do Công chức Văn hóa xã hội phụ trách) và 10 thành viên khác (gồm các thành phần là cán bộ công chức chuyên môn, trưởng các ngành đoàn thể, trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận và trụ trì Chùa Bồ Đà). Nhiệm vụ của các thành viên được phân công rất rõ trong Quyết định số 280/QĐ-UBND của UBND xã Tiên Sơn.

Cơ cấu tổ chức BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn hiện tại hoạt động theo sơ đồ dưới đây:



Như vậy, thành viên BQL cũng đã được đa dạng hóa, kiện toàn và bổ sung hàng năm. Nhiệm vụ của các thành viên BQL đã được Phó Chủ tịch UBND xã Tiên Sơn phân công chi tiết trên cơ sở cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của DTLS văn hóa.

Tuy nhiên, một BQL phải gánh vác trên vai trách nhiệm quản lý quá nhiều các DTLS văn hóa có quy mô lớn, là nơi lưu giữ nhiều những di sản có giá trị với nền văn hóa của dân tộc, du khách đến văn cảnh và tham dự Lễ hội truyền thống ngày càng tăng cao... chắc chắn sẽ khiến công tác quản lý sẽ gặp không ít những khó khăn, thách thức. Trong khi đó, thành viên BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn lại chủ yếu là những cán bộ công chức cấp xã kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ quản lý di tích; trình độ quản lý, bảo tồn di tích thực tế chưa đáp ứng yêu cầu; khó nắm bắt kịp thời các diễn biến xảy ra với di tích; việc đầu tư thời gian, tâm huyết cho các hoạt động quản

lý DTLS văn hóa cũng bị hạn chế. Thực trạng này có thể dẫn đến tình trạng công tác quản lý bị buông lỏng hoặc phó thác cho các sư trụ trì.

Đặc biệt, qua nghiên cứu, tìm hiểu thực tế tại Chùa Bỏ Đà và trao đổi làm việc với lãnh đạo UBND xã Tiên Sơn thì BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn hiện chưa có quy chế hoạt động riêng; mọi chương trình, kế hoạch hoạt động vẫn chịu sự chỉ đạo, điều hành và giám sát trực tiếp của UBND xã Tiên Sơn và sử dụng con dấu của UBND xã. Hàng năm việc kiện toàn, thay bồi hay bổ sung cơ cấu thành viên BQL đều do công chức văn hóa xã hội tham mưu. Trong khi đó, để lựa chọn và xây dựng được một mô hình bảo tồn cho một di sản như Chùa Bỏ Đà, chúng ta cần phải căn cứ vào các tiêu chí như mục đích, nguồn lực, sản phẩm và các chiến lược bảo tồn. Bản thân quy mô Chùa Bỏ Đà hiện tại cũng khó có thể đáp ứng số lượng người dân, du khách thập phương đến với chùa... Tất cả những khó khăn, thách thức đó càng cho thấy sự phức tạp, đòi hỏi ngày càng cao trong công tác quản lý di tích Chùa Bỏ Đà.

Vì vậy, vấn đề cơ cấu tổ chức nhân sự quản lý cũng như nội dung hoạt động của BQL di tích Chùa Bỏ Đà luôn là vấn đề cấp bách mà lãnh đạo chính quyền địa phương, sư trụ trì và người dân sở tại cần quan tâm để hoàn thiện trong thời gian tới. Việc đề xuất thành lập BQL di tích cấp huyện và BQL di tích Chùa Bỏ Đà là một xu thế tất yếu, khách quan; phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển của địa phương; đặc biệt là mục tiêu phát triển kinh tế du lịch.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng, nhiệm vụ của BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn được xác định cụ thể trong Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND xã Tiên Sơn về việc kiện toàn BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn năm 2016, cụ thể như sau: Giúp UBND xã và các thôn có DTLS văn hóa

trong công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc và tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp để phục vụ du khách và phát huy giá trị các DTLS văn hóa trên địa bàn xã; phối với các cơ quan chức năng và cấp ủy, ban quản lý các thôn tăng cường công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn xã; tổ chức tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật về bảo tồn, phát huy giá trị di tích tại địa phương; tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường các biện pháp quản lý di tích và hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, đồng thời tổ chức thực hiện đúng các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

Như vậy, căn cứ các quy định của pháp luật về quản lý DTLS văn hóa cũng như thực trạng, xu thế phát triển của địa phương và đất nước thì nội dung hoạt động của BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn hiện nay vẫn chưa thật sự đầy đủ, chưa đáp ứng các yêu cầu bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích Chùa Bồ Đà; đặc biệt là kế hoạch phát triển kinh tế du lịch của huyện Việt Yên trong những năm tiếp theo.

Rất nhiều các nội dung quan trọng khác trong công tác bảo vệ và phát huy di tích chưa được BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn đề cập đến như: quy chế hoạt động, quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tổ chức và quản lý các hoạt động về du lịch và các dịch vụ tại khu di tích; xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về bảo tồn, phát triển khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, giám sát việc kiểm kê, bảo quản, tu bổ và tôn tạo di tích; huy động các nguồn lực, xã hội hóa hoạt động bảo vệ, tôn tạo di tích theo quy định của Nhà nước và của tỉnh; chế độ quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí theo phân cấp và nguồn từ huy động xã hội hóa... Các nhiệm vụ tổ chức kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra

để giữ gìn và phát huy giá trị di tích; lập biên bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong khu vực được giao quản lý hoặc tổ chức thực hiện một số hoạt động khác như: gắn bia, biển, nội quy, sơ đồ bảo vệ, giới thiệu tại di tích; hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thăm quan và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; các hoạt động dịch vụ tại di tích được giao quản lý phù hợp với quy định hiện hành và công tác vệ sinh môi trường... đều chưa được UBND xã Tiên Sơn đề cập đến.

Mặt khác, quan điểm chỉ thành lập một BQL để thực hiện quản lý toàn bộ hệ thống các DTLS văn hóa trên địa bàn của chính quyền xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong thời gian vừa qua là không phù hợp với thực tiễn và nhu cầu bảo tồn, phát huy giá trị của DTLS văn hóa. Bởi lẽ, với mỗi một đối tượng quản lý sẽ xuất hiện nhu cầu thiết lập một cơ chế quản lý khác nhau nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Chùa Bỏ Đà hay bất cứ một DTLS văn hóa nào trên địa bàn xã Tiên Sơn cũng vậy, mỗi một di tích đều có những giá trị văn hóa lịch sử đặc trưng, những nét đẹp độc đáo riêng biệt, nên không thể cùng áp dụng máy móc một mô hình quản lý nào đó được.

Xuất phát từ thực trạng đó và để nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử trên địa bàn, ngày 14/02/2017, UBND huyện Việt Yên đã phê duyệt Đề án số 01/ĐA-UBND thành lập BQL DTLS văn hóa huyện Việt Yên. Theo đó, mục tiêu của Đề án nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, văn cảnh của du khách thập phương, thúc đẩy sự phát triển du lịch sinh thái, góp phần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, không ngừng nâng cao công tác xã hội hóa về bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn huyện.

Việc thành lập BQL DTLS văn hóa cấp huyện, cùng với việc tiếp tục phát huy vai trò BQL DTLS văn hóa cấp xã sẽ tạo ra cơ sở pháp lý, thống

nhất trong quản lý, trùng tu, tôn tạo, bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn lợi từ phát triển du lịch, đảm bảo cho việc khuyến khích đầu tư mở rộng, từng bước hoàn thiện quần thể các DTLS văn hóa của huyện Việt Yên.

2.2. Thực tiễn hoạt động quản lý di tích chùa Bồ Đà

2.2.1. Triển khai, thực hiện các văn bản pháp lý về quản lý di tích

Khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa có hiệu lực thi hành, công tác quản lý hệ thống các DTLS văn hóa của huyện Việt Yên đã có những chuyển biến rõ nét. Bên cạnh việc tích cực tham dự các hội thảo, hội nghị triển khai quy hoạch, kế hoạch và các văn bản quy định về quản lý bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa do UBND tỉnh Bắc Giang tổ chức, UBND và Phòng Văn hóa, Thông tin huyện Việt Yên còn chủ động ban hành một số văn bản đề xuất, chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác này, tiêu biểu phải kể đến như: Công văn số 1539/UBND-VHTT ngày 19/9/2012 của UBND huyện Việt Yên về việc đề nghị cho phép tu bổ hạng mục nhà gáo, di tích chùa Bồ Đà; Công văn số 280/UBND-VHTT ngày 17/3/2016 của UBND huyện Việt Yên đề nghị công nhận Lễ hội chùa Bồ Đà là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 23/11/2016 của UBND huyện Việt Yên về phát triển du lịch trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020 và định hướng những năm tiếp theo; Công văn số 1569/UBND-VHTT ngày 21/10/2016 của UBND huyện Việt Yên về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về DTLS văn hóa trên địa bàn...

Việc ban hành các văn bản nêu trên không chỉ giúp cho việc tổ chức thực hiện các khâu chuyên môn trong việc quản lý di tích chùa Bồ Đà được thực hiện có hiệu quả hơn, chuyên nghiệp hơn. Hoạt động kiểm kê, tư liệu hoá, đề nghị xếp hạng di tích, nghiên cứu khoa học về di tích, bảo vệ chống vi phạm di tích, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích được chú trọng, đã

góp phần tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân cũng như du khách thập phương đến với Bồ Đà các quy định pháp luật về DTLS văn hóa.

Có được những kết quả nêu trên là có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, HĐND, UBND và các ban ngành, đoàn thể; sự nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện của cơ quan quản lý chuyên ngành (Phòng Văn hoá và Thông tin huyện, cán bộ văn hoá xã) và vai trò không thể thiếu của BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn cùng ý thức của các tầng lớp nhân dân trong việc cùng chung tay giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích phục vụ sự phát triển của quê hương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị quần thể di tích chùa Bồ Đà gắn với hoạt động phát triển kinh tế tại địa phương hiệu quả chưa cao; cơ chế phối hợp giữa các bộ phận, các cá nhân có liên quan chưa chặt chẽ; việc phân cấp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích vẫn còn nhiều vấn đề cần được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện và những quy định của pháp luật.

Trong khi đó, quá trình phát triển kinh tế gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa không phải lúc nào cũng tương đồng với nhau. Đây thật sự là một thách thức lớn trong công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà trong những năm tới.

2.2.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể

2.2.2.1. Bảo tồn và phát huy giá trị Mộc bản

Như chúng ta đã biết, văn hóa vật thể là một bộ phận của văn hóa nhân loại, thể hiện đời sống tinh thần của con người dưới hình thức vật chất; là kết quả của hoạt động sáng tạo, biến những vật và chất liệu trong thiên nhiên thành những đồ vật có giá trị sử dụng và thẩm mỹ nhằm phục vụ cuộc sống con người.

Để bảo tồn và phát huy giá trị của bản mộc, năm 2013, UBND tỉnh Bắc Giang đã quan tâm chỉ đạo Sở Văn hóa, thể thao và du lịch triển khai chương trình “*Tư liệu hóa kho mộc bản chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên*” với các nội dung chủ yếu như: Kiểm kê, đánh số, phân loại, in dập, đóng quyển bản dập, quay phim tư liệu, lược thuật sơ bộ nội dung toàn bộ khối bản mộc đang lưu giữ tại khu di tích chùa Bồ Đà.

Năm 2014, UBND tỉnh Bắc Giang đã tạo điều kiện cho phép ứng dụng công nghệ cao vào xử lý kỹ thuật tài liệu. Các bản mộc được chụp ảnh, chỉnh lý khoa học và chuẩn dữ liệu số hóa để bảo vệ và phục vụ khai thác sử dụng, đồng thời quảng bá rộng rãi giá trị bản mộc đến công chúng trong nước và quốc tế. Việc nghiên cứu lựa chọn, dịch và biên soạn sách, công bố giới thiệu mộc bản chùa Bồ Đà cũng đã được Sở VH-TT-DL triển khai thực hiện.

Năm 2015, Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Giang phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc xuất bản cuốn “*Mộc bản chùa Bồ Đà - Đề mục tổng quan*” với sự tham gia, đóng góp của các tác giả Phạm Thị Huệ, Nguyễn Xuân Hoài, Đỗ Tuấn Khoa. Cũng trong năm này, BQL di tích tỉnh tiến hành kiểm kê di vật, cổ vật khu di tích chùa Bồ Đà để phục vụ công tác nghiên cứu và bảo tồn.

Đặc biệt, năm 2016 đã có rất nhiều sự kiện về chùa Bồ Đà được tổ chức như: Hội thảo khoa học “*Giá trị di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang*” do Viện nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tháng 01/2016; hội thảo khoa học “*Giá trị di sản Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững*” do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức ngày 31/5/2016. Đến tham dự các hội thảo có các nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu về tôn giáo, văn hóa, quản lý di sản, du lịch và kỹ thuật bảo quản gỗ (mộc bản); các nhà quản lý văn hóa ở Trung ương; các

Sư trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm và Bồ Đà; và một số cơ quan truyền thông ở Trung ương và tỉnh Bắc Giang. Đây sẽ là một trong những thời cơ thuận lợi giúp cho sự ảnh hưởng, sức lan tỏa của Bồ Đà ngày càng nhanh chóng, mạnh mẽ, rộng lớn hơn trên phạm vi cả nước. Cũng trong năm 2016, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện cụm đề tài độc lập cấp nhà nước về Bảo tồn, phát huy giá trị di sản mộc bản tỉnh Bắc Giang.

Bên cạnh những kết quả đạt được được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác này như: Kho mộc bản chùa Bồ Đà có giá trị trên nhiều phương diện lịch sử văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ, mỹ thuật... nhưng việc quan tâm khảo sát, nghiên cứu, biên dịch, giới thiệu có tính quy mô, hệ thống mới chỉ được thực hiện trong vòng 3 năm trở lại đây nên chưa được chi tiết, thống nhất và thiếu chiều sâu. Còn nhiều vấn đề khác cũng cần được đặt ra để nghiên cứu như: kỹ thuật khắc chữ truyền thống trên ván gỗ, kỹ thuật in thủ công, nghề và làng nghề khắc ván in cùng những vấn đề liên quan, có còn tồn tại việc sử dụng bùa chú trong cộng đồng... Hệ thống ván mộc bản kinh Phật chưa có nơi bảo quản tốt, dễ hư hỏng; hiện các tấm mộc bản được bảo quản một cách khá thủ công, để tạm ở nhà Hành Pháp trên các kệ gỗ. Hình thức bảo quản này còn nặng tính dân gian, chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về điều kiện môi trường, khí hậu, các tác nhân gây hại tới bản mộc. Quá trình in dập khai thác lấy thác bản còn chưa được đồng bộ, thống nhất khoa học giữa các ngành ít nhiều ảnh hưởng đến ván mộc.

2.2.2.2. Bảo vệ, gìn giữ khu vườn tháp và các hiện vật trong di tích

Cùng với việc tăng cường, thúc đẩy các hoạt động truyền thông về khu di tích; việc giữ gìn, bảo quản các di vật, cổ vật cùng hệ thống tượng thờ trong chùa được cơ quan chuyên môn và địa phương thực hiện khá tốt, cụ thể như: Các hiện vật, di vật, cổ vật trong chùa bị hư hỏng được địa

phương thông báo kịp thời và có phương án bảo quản, gia cố, phục hồi đúng giá trị nguyên gốc; hệ thống camera đã được lắp đặt trong chùa nhằm theo dõi, bảo vệ thường xuyên các di vật, cổ vật.

Có điều, hiện nay hệ thống tượng phật, các di vật, cổ vật là đồ gốm như chum, vại, lọ còn để rác rải trong vườn chùa chưa được quy tụ tập trung và có phương án bảo quản. Ngoài hai bể nước cạnh dãy hành lang, trong chùa chưa có hệ thống thiết bị hiện đại phòng chống cháy nổ...

Trong khi đó, hiện vật để tại các bảo tàng thì được một đội ngũ cán bộ có chuyên môn, có phương tiện kỹ thuật nhất định và có nhà kho được khống chế nhiệt độ, độ ẩm thực hiện chế độ bảo quản thường xuyên. Nhưng hiện vật tại các di tích như chùa Bồ Đà thì phần nhiều là do các sư trụ trì trông nom, phương tiện và kiến thức bảo quản hiện đại còn thiếu, làm cho việc bảo quản trở nên khó khăn và phức tạp hơn bao giờ hết. Thời gian qua, một số ít cán bộ cơ sở coi việc bảo vệ di tích không phải trách nhiệm của mình, mà của tăng ni, phật tử; thậm chí còn phó mặc cho các cụ cao tuổi, thủ từ, thủ nhang hoặc sư trụ trì trông coi.

Những hạn chế nêu trên chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị tiêu biểu của di tích chùa Bồ Đà. Hiện nay, kho mộc bản tại chùa Bồ Đà có những giá trị tiềm tàng về nhiều mặt cần được gìn giữ, tổ chức nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống, liên ngành. Đây là công việc đòi hỏi rất nhiều thời gian, công sức của nhiều người thì mới có thể làm được.

2.2.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể

Khoản 1 điều 2 mục I Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO năm 2003 đã ghi nhận:

Di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, trí thức, kỹ năng và kèm theo đó là những

công cụ đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng, các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ. Đồng thời hình thành trong họ ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người... [46; tr.3,4].

Như vậy, tồn tại song hành với các di sản vật thể luôn có một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể phong phú không kém phần đa dạng bao gồm nhiều loại hình của các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam cũng cần được bảo tồn và phát huy giá trị trong cuộc sống.

Một trong những di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, tiêu biểu không thể không kể đến là Lễ hội chùa Bỏ Đà. Đây một lễ hội lớn trong vùng, liên quan đến cả quần thể di tích tôn giáo, tín ngưỡng nơi đây. Lễ hội tại khu di tích chùa Bỏ Đà không chỉ có hội chùa mà có cả hội đền thờ Thạch Linh Thần Tướng. Yếu tố tín ngưỡng dân gian và yếu tố Phật giáo với những đặc điểm riêng biệt, nhưng lại hòa vào nhau để tạo nên một sắc thái riêng, độc đáo cho hội Bỏ Đà.

Điểm nhấn nổi bật nhất trong lễ hội chùa Bỏ Đà chính là liên hoan hát quan họ - một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã được UNESCO công nhận năm 2009. Để bảo tồn và phát huy dân ca Quan họ bên bờ sông Bắc Cầu, định kỳ hàng năm, UBND huyện Việt Yên đều tổ chức Hội thi Hát dân ca quan họ cấp huyện tại lễ hội chùa Bỏ Đà với sự tham gia của các làng quan họ trong huyện. Đến năm 2010, định kỳ 02 năm, Sở VH-TTDL tỉnh Bắc Giang phối hợp với huyện Việt Yên tổ chức

liên hoan hát Quan họ cấp tỉnh. Việc tổ chức thành công hội thi đã góp phần tôn vinh, quảng bá và tuyên truyền sâu rộng đến các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư về giá trị của dân ca quan họ.

Ngoài việc bảo tồn và phát huy lễ hội, các cơ quan chuyên môn còn tổ chức khảo sát nghiên cứu, làng xã thuộc vùng văn hóa Bồ Đà, xây dựng báo cáo tổng thể về giá trị văn hóa như phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng và vùng đất con người nơi đây. Đặc biệt việc nghiên cứu tín ngưỡng thờ Đá - Linh Thạch ở khu Ao Miếu, chùa Bồ Đà được nhiều người quan tâm. Báo Bắc Giang xây dựng chuyên trang về Việt Yên, trong đó không ít bài giới thiệu về giá trị văn hóa phi vật thể và vùng đất con người ở Bồ Đà - Tiên Sơn.

Bên cạnh những việc làm được còn những hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể như: công tác quản lý lễ hội chưa được thống nhất đồng bộ trong khu di tích chùa Bồ Đà; chưa có công trình nghiên cứu khảo sát chi tiết về phong tục, tập quán của vùng đất này, trong đó chưa có nghiên cứu về tín ngưỡng thờ đá và sách riêng về lễ hội chùa Bồ Đà.

Do vậy, việc chú trọng bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể của chùa Bồ Đà sẽ là một bước đệm vững chắc trong quá trình bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể của di tích Bồ Đà trong tương lai. Sức hấp dẫn, sự lan tỏa của những giá trị văn hóa vật thể cùng những giá trị tiêu biểu khác của di tích sẽ được du khách biết đến thông qua Lễ hội Bồ Đà.

2.2.4. Nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, phát huy giá trị di tích

Như chúng ta đã biết, nếu như hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học ở di tích chùa Bồ Đà được chú trọng, sẽ góp phần cung cấp đầy đủ và kịp thời các tư liệu, tài liệu, những bằng chứng khoa học có sức thuyết phục nhất về những giá trị lịch sử của

di tích. Đồng thời đây cũng là những căn cứ, nguồn tư liệu, tài liệu để xuất bản các sách, tạp chí, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về di tích chùa Bồ Đà.

Kể từ khi chùa Bồ Đà được Bộ Văn hóa xếp hạng là di tích Kiến trúc nghệ thuật quốc gia theo Quyết định số 138/QĐ ngày 31/01/1992, đến nay là di tích cấp quốc gia đặc biệt; UBND tỉnh và Sở VH-TT-DL Bắc Giang luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị chuyên môn như: BQL di tích, Bảo tàng, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch tỉnh tích cực đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tuyên truyền, quảng bá những giá trị độc đáo của khu di tích chùa Bồ Đà; thực hiện các chương trình kiểm kê di vật, cổ vật của khu di tích. Tích cực, chủ động bổ sung công tác truyền thông qua công tác xã hội hóa, phối hợp với các doanh nghiệp (Viettel, Vinaphone, VNPT...) in các pano, biển tin với các hãng thông tấn, báo chí tuyên truyền quảng bá các di tích trên địa bàn.

Năm 2009, Phòng Văn hóa và Thông tin Việt Yên xuất bản sách chùa Bồ Đà với nội dung phong phú 7 bao gồm bài nghiên cứu, thơ, văn, nhạc... về khu di tích chùa Bồ Đà của các tác giả là Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Giang.

Trong nhiều năm trở lại đây, nhiều nhà nghiên cứu đã tìm về Bồ Đà để xem xét, nghiên cứu những giá trị của kho mộc bản ở một số lĩnh vực khác nhau; nhiều bài báo nghiên cứu, tuyên truyền về khu di tích chùa Bồ Đà và giá trị Mộc bản khu di tích chùa Bồ Đà được đăng tải trên các Báo Trung ương và địa phương. Rất nhiều bài báo có tiêu đề ấn tượng, nội dung phong phú giới thiệu, quảng bá về các giá trị văn hóa của chùa Bồ Đà như: *“Độc đáo kho mộc bản chùa Bồ Đà”* đăng trên báo Giáo dục và Thời đại của tác giả Nguyễn An; *“Độc đáo kho mộc bản kinh Phật thứ hai ở Bắc Giang”* đăng trên báo Tuổi trẻ, số ra ngày 22/8/2011; *“Vườn Tháp chùa Bồ*

Đà - vườn tháp lớn nhất Việt Nam” đăng trên Báo Bắc Giang của tác giả Nguyễn Văn Phong; “*Danh sơn, thắng tích, danh tự Bồ Đà*” của tác giả Nguyễn Văn Chiến đăng trên Tạp chí Mỹ thuật Việt Nam, ngày 01/9/2016. Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và nhiều cơ quan báo chí Trung ương khác cũng đã có nhiều chương trình, bài viết giới thiệu, tuyên truyền về khu di tích chùa Bồ Đà, Lễ hội chùa Bồ Đà; đặc biệt các bài giới thiệu về giá trị tiêu biểu, nổi bật, độc đáo của di tích và lễ hội chùa Bồ Đà được đăng trên website: chuaboda.com, svhttdl.bacgiang.gov.vn, dulichbacgiang.gov.vn,...

Tất cả những hoạt động trên, đã khiến tư tưởng giáo lý của Phật phái Lâm Tế luôn được các thế hệ người Việt Nam gìn giữ, truyền dạy lại và ngày càng phát triển mở rộng, hòa nhập với đời sống đương đại.

Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền phát huy giá trị di tích còn chưa sâu rộng, chưa thường xuyên, nội dung và đối tượng được tuyên truyền chưa phong phú, nhất là đối với du khách trong nước và nước ngoài, để đến tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu về di tích và có những hoạt động cụ thể trong việc đóng góp bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đôi khi còn thiên về hình thức tuyên truyền mà bỏ quên chất lượng hiệu quả.

Do vậy, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tuyên truyền, phát huy các giá trị của hệ thống DTLS văn hóa trên địa bàn nhằm góp phần lan tỏa các giá trị kiến trúc, giá trị văn hóa lịch sử độc đáo của mỗi một di tích trong phạm vi cả nước luôn là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý hệ thống các di tích trên địa bàn Việt Yên nói chung, chùa Bồ Đà nói riêng.

2.2.5. Phối hợp với cộng đồng trong quản lý di tích chùa Bồ Đà

Trong tài liệu hướng dẫn thực hiện công ước Di sản thế giới 1972 của Ủy ban UNESCO quốc gia Việt Nam cũng đã khuyến nghị việc sử dụng bền vững các di sản thế giới gắn với quản lý từ cộng đồng:

Các di sản thế giới có thể hỗ trợ cho hàng loạt hình thức sử dụng bền vững về sinh thái và văn hóa được đề xuất và đang tiếp diễn, nhờ đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của các cộng đồng liên quan... Các văn bản pháp quy, chính sách và chiến lược ảnh hưởng đến các di sản thế giới cần đảm bảo việc bảo vệ các giá trị nổi bật toàn cầu, hỗ trợ việc bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa trên quy mô lớn hơn, thúc đẩy, khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng và các bên liên quan tới di sản trong vai trò là điều kiện cần thiết để bảo vệ, bảo tồn, quản lý, thuyết minh di sản một cách bền vững [45, tr.72].

Như vậy, quy định tại Công ước rất đề cao vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Cộng đồng là thành tố chính quyết định tương lai, định hướng cho sự phát triển, dịch chuyển và thay đổi của di sản trong điều kiện môi trường biến đổi, hay nói cách khác cộng đồng chính là chủ thể thực hiện công tác quản lý di sản một cách bền vững nhất.

Thực tế cũng cho thấy, một trong những yếu tố làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác quản lý di tích là người dân không thấy mình trong việc giữ gìn bảo tồn di sản văn hóa. Di tích do cộng đồng sáng tạo ra, tồn tại cùng cộng đồng nên việc để cộng đồng cùng tham gia quản lý là phương thức hợp lý và đem lại hiệu quả cao. DTLS văn hóa cần phải sống đúng nghĩa trong cộng đồng dân cư tại chỗ là một yếu tố thiết thực nhất, có ý nghĩa nhất để phát triển bền vững.

Hiện nay, BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn, trong đó có chùa Bồ Đà cũng đã có thành phần đại diện của cộng đồng tham dự nhưng sự tham gia chưa nhiều, chưa tích cực, chưa đại diện được cho sức mạnh của một cộng đồng dân cư lớn mạnh. Vai trò cộng đồng không chỉ thể hiện qua việc đóng góp kinh phí để tu bổ, tôn tạo các di tích, phục hồi các lễ hội hoặc các nghi

lễ diễn ra tại di tích; mà còn thể hiện trong vai trò giám sát các hoạt động bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa. Những việc làm sai lệch, vi phạm di tích được phát hiện và phản hồi đến chính quyền địa phương cũng đều được cộng đồng dân cư thực hiện... Chỉ bấy nhiêu thôi, cũng cho thấy sức mạnh của tập thể đối với hoạt động quản lý các DTLS văn hóa xã Tiên Sơn.

Vì vậy, nếu chỉ với sự nỗ lực của những người làm công tác nghiên cứu, bảo tồn, quản lý di tích thì chưa đủ và cũng không thể bảo tồn di tích khi thiếu nguồn kinh phí và nguồn nhân lực. Chúng ta cần nỗ lực tạo điều kiện cho cộng đồng nhận diện đúng giá trị của di tích chùa Bồ Đà, được tiếp cận và thụ hưởng lợi ích tinh thần và vật chất thông qua hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa của di tích. Và nhờ thế, lòng tự hào, tình yêu di sản văn hóa luôn được hâm nóng trong cộng đồng, tạo ra động lực tinh thần cho họ đóng góp trí tuệ, công sức, tiền của cho các dự án tu bổ, tôn tạo di tích.

2.2.6. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích chùa Bồ Đà

Trùng tu, tôn tạo di tích là một trong những khâu cốt lõi nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, tránh nguy cơ biến di tích thành phế tích. Và công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLS văn hóa chỉ được thực hiện hiệu quả khi có đủ nguồn lực tài chính để đầu tư.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, song những năm qua, UBND tỉnh Bắc Giang luôn dành một lượng kinh phí nhất định từ nguồn ngân sách để chi cho việc trùng tu, tôn tạo hệ thống các di tích trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện, ưu tiên đầu tư cho những di tích trọng điểm, di tích đang bị xuống cấp, hư hỏng nặng. Đáng chú ý, kinh phí và số lượng di tích được đầu tư tu bổ, tôn tạo tăng dần qua các năm.

Theo số liệu thống kê của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Giang, năm 2001 tổng kinh phí đầu tư là 160 triệu đồng cho 7 di tích thì trong khoảng 10

năm trở lại đây, công tác xã hội hoá trong bảo tồn, tôn tạo di tích của tỉnh Bắc Giang được người dân tích cực hưởng ứng, tự nguyện đóng góp tiền của, công sức để bảo vệ di sản.

Tính từ năm 2001 đến nay, kinh phí được huy động từ nguồn xã hội hoá là hơn 40 tỷ đồng, chiếm gần 76% tổng số kinh phí đầu tư cho khoảng 200 công trình tu bổ di tích [35].

Ngoài ra hàng năm, tỉnh được đều đầu tư hàng chục tỷ đồng từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia của Bộ VHTTDL cho công tác này. Việc đầu tư cho công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích và huy động các nguồn lực của toàn xã hội cũng được tăng cường hơn.

Đại đức Tự Tục Vinh (trụ trì chùa Bồ Đà) cho biết: “Chỉ tính từ năm 2007 đến năm 2009, chùa Bồ Đà được nhà nước đầu tư gần 20 tỷ đồng trùng tu khu vực Tam Bảo, Tiền Tế, nhà Tổ, nhà Khách cùng nhiều hạng mục khác. Cảnh quan, không gian khu di tích cũng được đầu tư xây dựng khang trang hơn. Từ năm 2000 đến năm 2016, đã tiến hành trùng tu, tôn tạo nhiều hạng mục tại chùa Bồ Đà, chùa Cao (chùa Quán Âm, vườn Tháp)... Từ năm 2013 đến năm 2016, dự án xây dựng đường và hạ tầng cơ sở bên ngoài khu di tích chùa Bồ Đà cũng liên tục được triển khai để gắn công tác bảo tồn, tôn tạo và phát triển du lịch”.

Hiện nay, đường tỉnh 295B qua Nénh - Ninh Sơn và đoạn từ Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang đi Bích Sơn - Trung Sơn - Bồ Đà đã cải tạo xong. Tuyến giao thông chính vào chùa Bồ Đà dài hơn 5km (đoạn từ quốc lộ 37 (xã Tự Lạn) - Trung Sơn - Bồ Đà), có mức đầu tư gần 60 tỷ đồng cũng đang được gấp rút mở rộng, rải cấp phối đá dăm, lu lèn giúp việc lưu thông dễ dàng, thuận lợi hơn.

Ngoài mục tiêu xây dựng đường dẫn vào chùa, dự án còn dành nguồn kinh phí xây dựng hạ tầng phụ trợ khác như bãi đỗ xe, khu tổ chức

sự kiện, nhà quản lý và tôn tạo cảnh quan tổng thể cho di tích chùa Bồ Đà. Chỉ tính riêng nguồn ngân sách đầu tư cho dự án xây dựng đường dẫn vào chùa đã lên đến hàng chục tỷ đồng.

Nhìn chung, các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh và huyện chỉ cho công tác tu bổ, chống xuống cấp đối với các di tích chùa Bồ Đà được quản lý và sử dụng có hiệu quả, bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật.

Như đã phân tích ở trên, vai trò của cộng đồng trong việc tham gia bảo tồn, phát huy giá trị di tích được thể hiện rõ nét, điển hình nhất là việc đầu tư kinh phí khôi phục, tôn tạo khu di tích, đặc biệt là khu di tích gắn bó chặt chẽ với tôn giáo tín ngưỡng như Bồ Đà thì luôn thu hút được sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân. Do đó, việc quản lý nguồn kinh phí huy động từ hoạt động xã hội hóa cũng như vấn đề sử dụng tiền công đức tại di tích Bồ Đà cũng được rất nhiều người quan tâm.

Theo quy định pháp luật hiện hành thì Nhà nước không quản lý hay thu số tiền công đức, nhưng sẽ đứng ra hướng dẫn việc sử dụng số tiền đó minh bạch, công khai. Nguồn thu tiền công đức được xác định bao gồm tiền công đức, cúng tiến và đóng góp, tài trợ tự nguyện, hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phải được quản lý, sử dụng công khai, đúng mục đích và đúng pháp luật. Tiền công đức, cúng tiến chỉ được phép chi cho việc phục vụ quản lý, tu bổ di tích, sinh hoạt tôn giáo và bảo đảm đời sống bình thường của chức sắc, nhà tu hành tại cơ sở đó...

Qua tìm hiểu ở chùa Bồ Đà cho biết, xưa nay tiền công đức đều do sư trụ trì quản lý. Mọi thu, chi được ghi chép cẩn thận, rõ ràng từng khoản, mục nên chưa phát sinh mâu thuẫn giữa người dân và nhà chùa. Ngoài tiền công đức, nhà chùa còn vận động phật tử ở nhiều nơi đóng góp tiền, hiến vật để tu bổ chùa và làm từ thiện. Theo Đại đức Tự Tục Vinh (trụ trì chùa

Bồ Đà) cho biết, giai đoạn trước đây, tại khu di tích chùa Bồ Đà, việc huy động, quản lý, sử dụng tiền công đức được tiến hành theo cơ chế tự nguyện, tự quản nên khá minh bạch, hiệu quả và không gây xích mích. Nguồn kinh phí này cũng được nhà chùa sử dụng đúng mục đích. Ví dụ: Năm 2012, chùa Bồ Đà thu được 400 triệu đồng tiền công đức để làm đường lên chùa Cao, xây nhà vệ sinh, các công trình phụ trợ, làm từ thiện và một phần chăm lo đời sống sinh hoạt của các sư tăng trong chùa.

Tuy nhiên, ông Diêm Công Linh (Phó ban thường trực BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn) lại cho biết: Nguồn tiền thu được từ hoạt động xã hội hóa, công đức, cúng tiến cho chùa những năm qua là bao nhiêu, sử dụng cho những mục đích gì, đều do một mình trụ trì chùa Bồ Đà quản lý, bản thân là thành viên BQL di tích nhưng hầu như đều không được biết về việc thu chi nguồn tài chính này. Thực tế với một di tích có sức ảnh hưởng lớn đến du khách thập phương và nhân dân địa phương như chùa Bồ Đà, thì nguồn tiền thu được từ công đức hay từ hoạt động phát huy các giá trị của di tích hàng năm là không hề nhỏ. Thế nhưng, việc tiếp cận với các sư trụ trì để có số liệu thống kê chi tiết, cụ thể phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch bảo tồn, tôn tạo hay chỉ đơn thuần là với mục đích nghiên cứu khoa học, quảng bá di tích... lại không hề dễ dàng. Trong khi đó, về bản chất thì tiền công đức là một hình thức xã hội hóa các hoạt động của di tích, cơ sở thờ tự.

Đây thực sự là một thách thức lớn cho công tác quản lý chùa Bồ Đà. Sự phức tạp trong việc “quản” tiền công đức có thể sẽ xảy ra khi di tích Bồ Đà xếp hạng quốc gia đặc biệt, Lễ hội Bồ Đà được tổ chức ở cấp tỉnh, vùng hay quốc gia, đòi hỏi phải có một BQL riêng của Chùa Bồ Đà để thực hiện toàn bộ các nội dung này.

2.3. Những nhân tố tác động đến công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà

Trong giai đoạn hiện nay, xu thế phát triển kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một mặt cũng tạo ra những cơ hội và

điều kiện cho các hoạt động bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống song cũng đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại và đe dọa sự tồn vong của các di sản văn hóa cũng như tác động đến công tác quản lý các DTLS nói chung, công tác quản di tích chùa Bồ Đà nói riêng.

2.3.1. Những thuận lợi

Từ góc độ văn hóa, có thể thấy thuận lợi phải kể đến trước tiên đó là cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, đã góp phần thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, hội nhập và phát triển văn hóa. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật vì nhờ có công nghệ mà hiện đại hóa, có sức lan tỏa nhanh, mạnh, sâu trên phạm vi toàn cầu, không chỉ ở vùng thành thị mà còn tỏa về được vùng núi cao, nông thôn hẻo lánh. Giao thoa văn hóa trở nên mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện để tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa nước ta ra thế giới. Chính vì vậy, công nghệ phát triển, sẽ trở thành công cụ đắc lực giúp các nhà quản lý thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ làm cho sức lan tỏa của các giá trị vật thể và phi vật thể của mỗi di tích ngày càng sâu rộng.

Tiếp đến là thuận lợi từ sự thay đổi, phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội huyện Việt Yên. Từ nền sản xuất nông nghiệp, Việt Yên đã chuyển sang phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Hiện nay, Việt Yên có 3 cụm công nghiệp, làng nghề với 487 doanh nghiệp hoạt động. Nhiều làng nghề truyền thống cũng được khôi phục, duy trì, đồng thời phát triển nhiều nghề mới... Diện mạo kinh tế mới này đã đem lại những tác động tích cực đến công tác quản lý chùa Bồ Đà như: Ngân sách đầu tư của địa phương cho việc trùng tu, tu bổ được ưu tiên và đảm bảo; đời sống vật chất của người dân tăng lên rõ rệt, có điều kiện để ủng hộ, hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị di tích tại địa phương; lợi ích của

cộng đồng thay đổi, do đó có những ứng xử khác đối với di tích như gắn bó với di tích, quan tâm và bảo vệ di tích của địa phương hơn.

Thuận lợi tiếp theo phải kể đến là những văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đất nước. Qua từng thời kỳ lịch sử, văn bản sau có giá trị pháp lý cao hơn và đầy đủ hơn văn bản trước, đã cho thấy tính nhất quán trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của Đảng và Chính Phủ ta.

Bắc Giang vốn là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử văn hóa, với rất nhiều di sản đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như: Hát ca trù, Dân ca quan họ, Dân ca Cao Lan, Dân ca Sán Chí, Lễ hội Yên Thế, Lễ hội Thổ Hà, Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, Lễ hội Đình Vòng, Lễ hội Y Sơn... và Lễ hội chùa Bỏ Đà cũng đã vinh dự đứng trong danh sách 11 di sản được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đầu năm 2017. Với một kho di sản văn hóa phong phú đa dạng như thế, Bắc Giang chắc chắn sẽ là một điểm đến hấp dẫn với du khách thập phương trong thời gian tới, đặc biệt là du khách có nhu cầu thụ hưởng du lịch sinh thái và du lịch gắn văn hóa tín ngưỡng tâm linh.

Qua thống kê của Sở VH-TT-DL về kết quả công tác năm 2016, số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến Bắc Giang ước đạt khoảng 525.000 lượt, doanh thu ước đạt 495 tỷ đồng, tăng 28.6% so với năm 2015 và gấp 23 lần so với doanh thu năm 2009 (48 tỷ đồng) [60].

Điều này cho thấy, tiềm năng du lịch của tỉnh khá phong phú, đa dạng, là một tiền đề thuận lợi cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích chùa Bỏ Đà.

Mặt khác, khi được xếp hạng, vị thế của Chùa Bỏ Đà đã được nâng lên một tầng cao mới, nhận được rất nhiều sự quan tâm của các cấp chính quyền, thu hút được đông đảo người dân và du khách thăm quan. Công tác

bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vốn có của Bồ Đà đã nhận được sự đầu tư, quan tâm của cơ quan Nhà nước, nhận được các nguồn kinh phí từ nguồn vốn xã hội hóa... để đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích chùa Bồ Đà.

Công tác nghiên cứu, truyền truyền quảng bá di tích ngày càng được các cấp, các ngành vào cuộc chỉ đạo thực hiện quyết liệt hơn. Bên cạnh việc ban hành chỉ đạo triển khai thực hiện, UBND tỉnh còn tích cực, chủ động phối hợp với cấp trên, các cơ quan chuyên môn khác tổ chức các hội nghị, hội thảo, các buổi tọa đàm về các nội dung liên quan đến công tác bảo tồn trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, trong xu thế hội nhập quốc tế của đất nước. Huyện Việt Yên cũng tích cực xây dựng các tài liệu tuyên truyền như tờ rơi, tờ gấp, sách, ảnh và một số sản phẩm lưu niệm đặc trưng, đồng thời xây dựng Website phục vụ cho hoạt động quảng bá, tuyên truyền di tích.

Trong khi đó, trình độ nhận thức, văn hóa của nhân dân ngày càng cao, sẽ giúp cho mặt bằng văn hóa được nâng lên, tạo điều kiện cho việc sáng tạo văn hóa có chất lượng hơn, phong phú, đa dạng hơn. Kéo theo đó, thu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân tăng lên, đây cũng một động lực quan trọng giúp cho công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa ngày càng hoàn thiện hơn.

Với tất cả những ưu đãi và lợi thế của vùng miền, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, sự chuyển mình nhanh chóng của kinh tế - xã hội và những thuận lợi khác, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của chùa Bồ Đà hứa hẹn sẽ đạt được những thành tựu lớn trong giai đoạn tiếp theo.

2.3.2. Những khó khăn

Xuất phát từ tình hình thực tiễn và quá trình nghiên cứu tìm hiểu cho thấy, công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà đang đứng trước không ít những

nguy cơ, thách thức. Sự tác động tiêu cực của kinh tế thị trường càng làm cho văn hóa biến dạng, nhiều mặt xuống cấp, kéo theo sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Nhu cầu giải trí qua các hoạt động văn hóa ngày càng tăng, xu hướng kiếm lợi nhuận qua các hoạt động văn hóa ngày càng phát triển, khiến cho văn hóa dần dần buông lơi vai trò giáo dục, định hướng thẩm mỹ. Môi trường văn hóa bị ô nhiễm, văn hóa mạng diễn biến phức tạp. Tình trạng xuất hiện ngày càng nhiều sản phẩm văn hóa, dịch vụ văn hóa chất lượng thấp tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần của xã hội, ảnh hưởng xấu đến thị hiếu thẩm mỹ của một bộ phận dân chúng, đe dọa việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị đạo đức truyền thống, thẩm mỹ, nghệ thuật của dân tộc.

Nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo chưa cân đối giữa khai thác di tích và đầu tư bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; chưa có những thái độ tích cực đối với việc tạo sự bền vững cho di tích. Tâm lý phổ biến của nhiều lãnh đạo địa phương khi đề đạt nguyện vọng nâng cấp di tích lên hạng di tích quốc gia đặc biệt hoặc di sản thế giới, ngoài mong muốn nhận được sự quan tâm đầu tư lớn của Chính phủ vào công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, còn có ý muốn tăng nhanh hoạt động du lịch tại di tích để tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, cải thiện một phần đời sống nhân dân. Đây là một nguyện vọng chính đáng, tuy nhiên ở góc độ bảo tồn di sản, nếu việc bảo tồn di sản không được coi trọng ngang bằng hoặc hơn việc khai thác di sản thì sẽ dẫn đến tình trạng phá hoại di sản, làm cho di sản bị xuống cấp, mai một nhanh chóng.

Ngoài ra, tâm lý chung của những người trông nom di tích là muốn làm mới thật lộng lẫy, hoành tráng theo cách suy nghĩ của họ. Hoặc khi được Nhà nước đầu tư lại gặp nhiều trở ngại bởi dân làng chỉ muốn di tích được “bền vững”, “xứng tầm”, “bề thế” hơn thời trước... Nhưng mỗi một

DTLS văn hóa chỉ có ý nghĩa khi giữ được giá trị nguyên gốc của nó. Mỗi di tích đều kết tinh những giá trị văn hóa dân tộc qua các thời kỳ lịch sử, ghi đậm dấu ấn kiến trúc, tài năng sáng tạo nghệ thuật của cha ông. Ở đó thể hiện tâm hồn, khối óc và bàn tay tài hoa của các nghệ nhân tiền bối qua từng viên gạch, từng nét hoa văn, từng đường chạm khắc... Nếu phá bỏ những chi tiết vô cùng quý giá đó thì vô hình trung đã phá bỏ những giá trị của di tích. Kết quả là, yếu tố gốc bị biến dạng, các giá trị lịch sử, văn hóa, thẩm mỹ của di tích bị suy giảm, mất mát. Bởi những giá trị nguyên gốc mất đi sẽ không bao giờ lấy lại được. Cho nên vấn đề cốt lõi và quan trọng nhất trong việc sửa sang, tu bổ di tích là phải giữ bằng được những giá trị nguyên gốc. Điều này cần được thấm sâu trong nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là những người quản lý và trông nom di tích để tránh những hành động, việc làm gây tổn hại di tích.

Dưới tác động của mặt trái kinh tế thị trường, nhiều hoạt động tại di tích sẽ có xu hướng thương mại hóa, đã phá vỡ cảnh quan, không gian thiêng của di tích; các hành vi xâm lấn đất đai, vi phạm di tích làm ảnh hưởng đến những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhân dân địa phương bao đời nay. Một số ngành nghề thủ công được phục hồi nhưng do nhu cầu phục vụ du lịch nên có không ít hàng chợ, hàng kém chất lượng được tung ra thị trường, gây ảnh hưởng đến hình ảnh của một số ngành nghề thủ công truyền thống, không ít di sản văn hóa phi vật thể bị thương mại hóa, lễ hội bị đưa ra khỏi không gian, thời gian thiêng, bị cắt ngắn hoặc kéo dài để phục vụ nhu cầu du lịch, từ đó hình ảnh của một số lễ hội đã bị hiểu lệch lạc... Nhiều khu công nghiệp, nhiều nhà máy mọc lên, làm cho môi trường không khí, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng tới cảnh quan, không gian của các di tích, lễ hội.

Sự phát triển các dịch vụ du lịch thiếu kiểm soát và sự bùng nổ du khách còn có tác động mạnh mẽ đến môi trường văn hoá và môi trường

sinh thái tại khu di tích; trong khu vực tổ chức lễ hội, việc bố trí người hướng dẫn khách thăm quan tại di tích còn thiếu nên du khách phải tự tìm hiểu. Chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ lễ hội kém hấp dẫn, chủ yếu là sản phẩm nhập từ các nơi khác đến. Hệ thống dịch vụ và điểm mua sắm trên địa bàn nhiều, nhưng hiện chủ yếu là phục vụ người dân địa phương, chưa có những điểm mua sắm chuyên phục vụ du khách. Việc quảng bá và bán sản phẩm truyền thống của các làng nghề cho du khách chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có những sản phẩm đặc hữu và thương hiệu của địa phương.

Chùa Bồ Đà là nơi lưu trữ nhiều các giá trị văn hóa vật thể quý giá nhưng lại nằm ở nơi khá tách biệt so với cộng đồng dân cư, an ninh trật tự chưa được bảo đảm. Trong khi đó, tình trạng mất cắp di vật, cổ vật quý hoặc tiến hành thu gom nhiều vật quý trong cộng đồng để móc nối, buôn bán với các du khách nước ngoài nhằm trục lợi cá nhân diễn biến ngày càng phức tạp và tinh vi.

Sự tác động của thời gian, thời tiết, khí hậu và môi trường đã và đang làm cho hệ thống các di vật, cổ vật, cảnh quan của di tích chùa Bồ Đà xuống cấp. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý di tích và văn hóa còn thiếu, chưa thường xuyên được quan tâm về chuyên môn, nghiệp vụ nên chưa đáp ứng được yêu cầu với sự phát triển ngày càng quy mô của di tích. Thực tế, nội dung hoạt động BQL di tích rất rộng. Trong khi đó đội ngũ cán bộ quản lý về di sản văn hóa ở cấp huyện, xã hiện nay hết sức mỏng, hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đều chưa có cán bộ chuyên môn về di tích, nếu có cũng phải phụ trách nhiều mảng công tác, cấp xã giao cho một cán bộ văn hóa nói chung nên khó có thể nắm bắt kịp thời các diễn biến xảy ra trên địa bàn.

Công tác xã hội hóa nhằm tranh thủ các nguồn lực và vận động các lực lượng cùng tham gia xây dựng, bảo tồn và quản lý di tích chưa được

tích cực, kết quả đạt được còn chưa cao. Nhận thức và sự tham gia của cộng đồng vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản chưa thực sự đồng đều, vững chắc và có lợi cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Khi đón nhận bằng xếp hạng DTLS quốc gia đặc biệt, ý thức trách nhiệm của cộng đồng với việc bảo vệ di tích được nâng lên nhưng thực tế những nhận thức này chưa tương xứng với nhu cầu bảo vệ DTLS văn hóa, họ quan tâm đến việc được hưởng lợi gì từ di tích hơn là trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với việc bảo vệ di tích đó. Cán bộ và người dân địa phương hướng sự quan tâm vào việc khai thác di tích là chính, việc bảo vệ di tích chủ yếu vẫn là những biện pháp hành chính của các cơ quan quản lý.

Với những hiện trạng như vậy việc xây dựng một mô hình bảo tồn cho kho mộc bản nói riêng và quần thể di tích chùa Bồ Đà nói chung là công việc cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Tóm lại, không phải bao giờ người ta cũng tìm được lời giải đúng đắn cho vấn đề bảo tồn và phát triển. Nguyên nhân của mọi sự sai lầm đều xuất phát từ nhận thức lệch lạc, trong đại bộ phận các trường hợp là do quá coi trọng việc phát triển kinh tế, đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết. Và do đó, không lưu ý hoặc không xử lý thỏa đáng nhu cầu bảo tồn di sản văn hóa. Đây là một thách thức lớn mà dưới góc nhìn kinh tế du lịch là điều đáng quan tâm của huyện Việt Yên và tỉnh Bắc Giang.

Tiểu kết

Những năm qua, công tác tổ chức và quản lý di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, Bắc Giang đã có nhiều sự tiến bộ rõ rệt. Nội dung quản lý nhà nước về di tích cũng được xác định rõ ràng hơn giai đoạn trước. Nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại không ít những hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị DTLS văn hóa phục vụ cho phát

triển và ngược lại tác động của quá trình phát triển đối với di tích, rút ra các bài học kinh nghiệm. Phát huy mặt tích cực, hạn chế tiến tới kiểm soát hoàn toàn những tác động tiêu cực trong giai đoạn tiếp theo.

Việc đi sâu phân tích cùng với việc đi sâu tìm hiểu những thời cơ mà di tích chùa Bồ Đà đang được thụ hưởng và những thách thức đang phải đối mặt, tác giả đã phân tích, tổng hợp các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà trong thời gian vừa qua.

Chương 3
NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ,
XÃ TIÊN SƠN, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển quản lý di tích chùa Bồ Đà

Như chúng ta đã biết, song hành với sự nghiệp đổi mới kinh tế, việc bảo vệ, gìn giữ các di sản văn hóa dân tộc cũng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đòi hỏi sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các ban, ngành, đoàn thể các cấp và toàn thể nhân dân để văn hóa có thể thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước. Cùng với đó, nhận thức của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa nói chung, DTLS văn hóa nói riêng ngày càng được nâng lên.

Luật Di sản văn hoá đã khẳng định: “Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của Di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”[26, tr.3].

Xuất phát từ thực tiễn đó, việc đề ra những định hướng, mục tiêu phát triển cụ thể để nâng cao chất lượng công tác quản lý chùa Bồ Đà nhằm bảo tồn, phát huy giá trị của di tích phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã trở thành nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Việt Yên.

Trước hết, cần tiếp tục thực hiện tốt Luật di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành. Để bảo đảm cho việc quản lý DTLS văn hóa ngày một tốt hơn, hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể ở từng giai đoạn phát triển của địa phương, Đảng và chính quyền cần có nhiều quyết sách để hoàn thiện hệ thống quản lý di tích và tăng cường hiệu lực của hệ

thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Đồng thời ban hành các quy định, quy chế quản lý di tích phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư, xã hội hóa trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị DTLS văn hóa.

Mục tiêu đặt ra là phải gắn việc phát huy di tích với đời sống đương đại, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường giao lưu văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế. Trong quá trình quản lý, bảo tồn phải làm nổi bật được những giá trị cốt lõi của di tích như: giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, giá trị tâm linh. Cần phải bảo tồn một cách nguyên trạng có chọn lọc những giá trị của mộc bản và tổ chức những hoạt động nhằm đưa di sản mộc bản vào đời sống cộng đồng.

Công tác quản lý chùa Bồ Đà phải hướng tới mục tiêu giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc đối với các thế hệ người Việt Nam ở trong và ngoài nước. Đồng thời cần dự báo những biến động trong thực tế công tác quản lý di tích theo từng thời điểm nhất định của đời sống xã hội, đảm bảo tính thống nhất, đồng thuận cao và sự đồng tình hưởng ứng của toàn xã hội cùng tham gia quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Qua việc khai thác những thế mạnh của di tích, đặc biệt là khai thác từ nguồn du lịch cộng đồng để từ đó góp phần giải quyết công ăn việc làm cho đại đa số người dân bản địa và nâng cao dân trí, giao lưu văn hóa.

Có thể nói, việc giữ gìn, tu bổ và phát huy các giá trị quý báu của di tích chùa Bồ Đà trong mấy chục năm qua đã thể hiện những nỗ lực to lớn của chính quyền và cộng đồng dân cư nơi đây trong việc chăm lo và bảo vệ di tích. Trong những thập kỷ tiếp theo, công tác quản lý vẫn phải đảm bảo nguyên tắc bảo tồn giá trị nguyên gốc của di tích, tu bổ, tôn tạo phần công trình bị hư hỏng. Tôn tạo, phục hồi di tích phải dựa trên các căn cứ lịch sử, tài liệu lịch sử, kết quả khảo cổ học và các căn cứ khoa học khác như những gì mà thế hệ trước đã thực hiện.

Như vậy, để kinh tế phát triển bền vững, đất nước xây dựng được một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì định hướng, mục tiêu phát triển nền văn hóa, mà trước hết là công tác quản lý các DTLS văn hóa của đất nước cần được chú trọng phát triển.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích chùa Bồ Đà

Như chúng ta đã biết, các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và khai thác phát huy các giá trị của một DTLS luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác quản lý. Vấn đề đặt ra là việc tôn tạo và khai thác nhằm phát huy giá trị của các di tích như thế nào để vừa đạt được hiệu quả và có tính bền vững; vừa khai thác, phát huy giá trị di tích đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội mà không làm xâm hại đến môi trường cảnh quan di tích.

Chính vì vậy, để bảo tồn và tôn vinh giá trị di tích thì công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà phải được xác định là một công việc quan yếu của ngành du lịch cần phải quan tâm thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

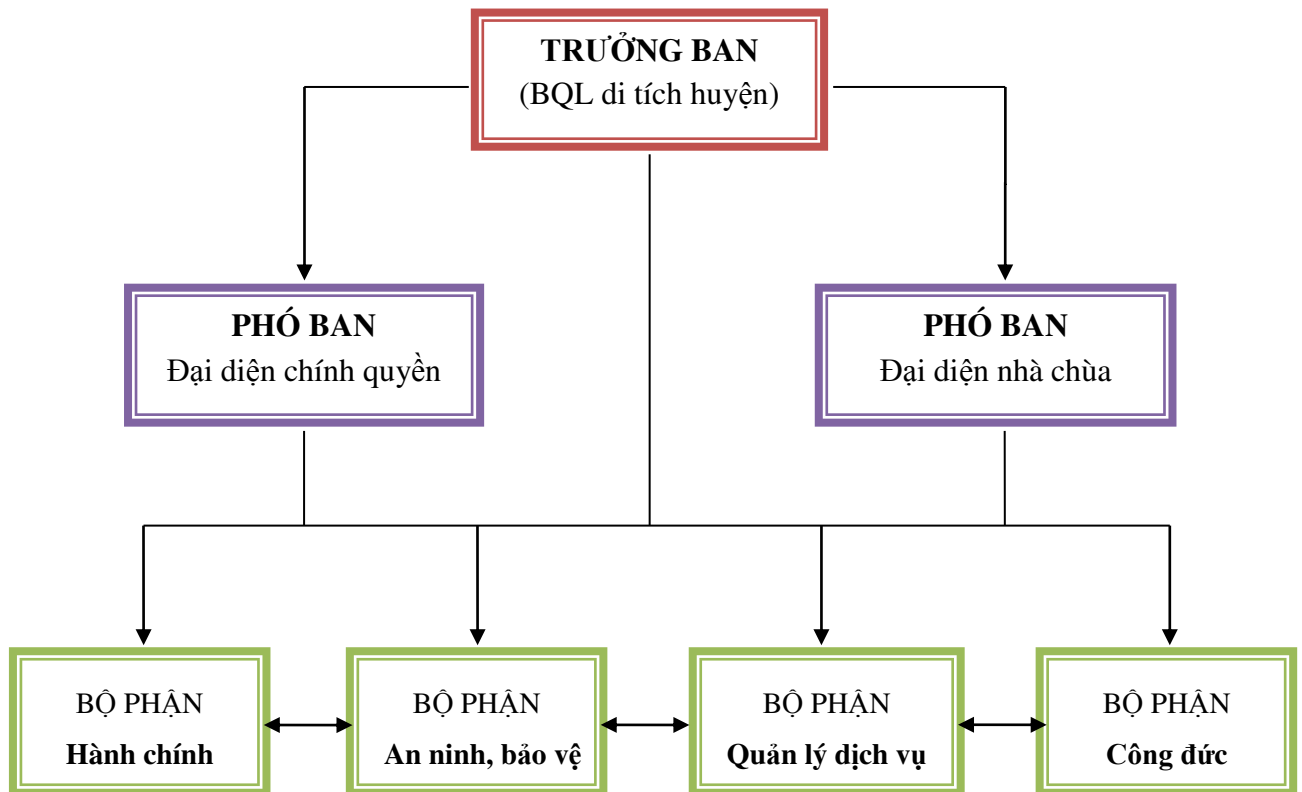
3.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý di tích Chùa Bồ Đà

Những DTLS văn hóa tiêu biểu của mỗi địa phương luôn là một bộ phận cấu thành môi trường sống của người dân nơi đây, là nguồn tư liệu quý giá cho lớp người đương đại nhận thức về xã hội và văn hóa thời quá khứ. Vì thế, chất lượng công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích cần phải được chú trọng hoàn thiện hơn.

Chùa Bồ Đà vốn dĩ chứa đựng rất nhiều những giá trị độc đáo, nổi bật cần được bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị trong tương lai. Vì thế, cần thiết phải xây dựng được một hệ thống tổ chức quản lý có quyền lực thực sự và đội ngũ cán bộ, nhân viên có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo cả số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng yêu cầu quản lý và thực thi nghiệp vụ bảo quản, tu bổ, tôn tạo đối với di sản văn hóa vật thể, đủ năng lực để nghiên cứu lập hồ sơ lưu trữ và hoạt động bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Đây thật sự là một vấn đề rất quan trọng cho tương lai.

Hiện tại, Việt Yên có tới 20 di tích cấp quốc gia và nhiều di tích cấp tỉnh, dù vậy huyện vẫn chưa có một BQL di tích để quản lý các hoạt động của di tích trên địa bàn. Để hệ thống di tích chùa Bỏ Đà và di sản mộc bản hoạt động một cách có hiệu quả cần khẩn trương đề xuất thành lập BQL di tích cấp huyện để tiến tới thành lập riêng BQL chùa Bỏ Đà. Từ đó mới đề xuất, xây dựng được những quy hoạch, cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế quản lý ở DTLS văn hóa trên địa bàn.

Cơ cấu BQL di tích chùa Bỏ Đà có thể được thiết lập lại như sau:



Ngoài ra, căn cứ vào đặc thù của địa phương và quy mô phát triển những năm tiếp theo, cơ cấu BQL di tích chùa Bỏ Đà có thể bổ sung thêm các bộ phận chuyên môn, chuyên ngành khác để phục vụ tốt hơn nữa cho công tác quản lý. Bởi vì để có thể gìn giữ, phát huy, quản lý chặt chẽ các giá trị của di tích chùa Bỏ Đà và tạo cho nó một sức tỏa mới, một chỗ đứng

vững bền trong đời sống văn hóa của nhân dân, thì vấn đề nhân sự quản lý và nội dung hoạt động của BQL di tích cần phải được bàn bạc, chọn lựa kỹ lưỡng.

Khi đã thiết lập được một bộ máy nhân sự hoàn chỉnh, việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của từng bộ phận, từng thành viên cũng cần phải được rõ ràng. Thẩm quyền của các bên đến đâu trong việc quản lý các hoạt động bảo tồn, phát huy di sản. Việc phân vùng hoạt động của các bên liên quan trong bộ máy quản lý chùa Bồ Đà có thể được thống nhất như sau:

- Các hoạt động nghi lễ, thờ tự phía trong Chùa chịu trách nhiệm thuộc về sự điều hành trực tiếp của sư trụ trì và các tăng ni trong chùa. Các hoạt động này phải đảm bảo đúng những quy định về tôn giáo, tín ngưỡng;

- Các hoạt động quản lý, phát huy di tích, vấn đề an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, công tác truyền thông... do bên chính quyền địa phương chỉ đạo, điều hành dựa trên những quy định cụ thể mà BQL cùng thống nhất;

- Nguồn kinh phí thu được các nguồn công đức, tài trợ, dịch vụ... cần được minh bạch, phân vùng thu-chi cụ thể cho từng bộ phận và cùng chịu trách nhiệm trước BQL di tích cấp huyện.

Trong quá trình đề xuất thành lập BQL di tích cấp huyện và BQL di tích chùa Bồ Đà riêng, BQL DTLS văn hóa xã Tiên Sơn cần tiếp tục phát huy tốt hơn nữa những thành tựu quản lý trong những năm qua. Tích cực ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong quản lý, bảo vệ di sản; tổ chức các hoạt động mẫu triển khai với sự điều hành của UBND huyện và sự phối hợp giúp đỡ của các ban ngành liên quan.

Mỗi một thành viên BQL cần xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mình trong quá trình thực thi nhiệm vụ cũng như vai trò cá nhân trong tiến trình bảo tồn và phát triển những giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cần thực hiện nghiêm túc chức năng giám sát và đánh giá tác động của các lĩnh vực: môi trường, kinh tế, văn

hóa và xã hội đến hoạt động bảo tồn, phát triển di tích để từ đó có cơ chế điều chỉnh và chính sách vận hành trên thực tế hiệu quả.

Tóm lại, để xây dựng được một bộ máy quản lý di sản theo hướng phát triển là một công việc không dễ dàng. Tuy nhiên, với hệ thống di tích và hệ thống di sản mộc bản có những giá trị lớn về lịch sử, tôn giáo, văn hóa... như ở chùa Bồ Đà thì cần thiết phải có một mô hình quản lý giúp cho việc bảo tồn và phát huy những giá trị độc đáo của di sản trong bối cảnh hiện nay được hiệu quả.

3.2.2. Xây dựng một hệ thống pháp luật điều chỉnh đồng bộ, thống nhất

Ngày nay, trong một thế giới phát triển mạnh mẽ và đầy biến động, nhiều giá trị mới sinh ra song song với sự mất đi của một số giá trị truyền thống, nhiệm vụ của chúng ta là phải bảo tồn các giá trị truyền thống và phát hiện, giữ gìn các giá trị mới.

Trong bối cảnh đó, song song với việc hoàn thiện BQL di tích, cần xây dựng được một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đủ mạnh, có hiệu lực trong thực tiễn. Muốn bảo vệ được các di sản, chúng ta vẫn cần tập trung tăng cường hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, cập nhật cùng với sự phát triển chung của thế giới và mỗi dân tộc trong các thời kỳ lịch sử, cần có lộ trình để đưa các văn bản quy phạm pháp luật đó phát huy hiệu lực trong cuộc sống. Đặc biệt, cần quan tâm hơn nữa đến chất lượng của các văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh và địa phương ban hành.

Trước tiên, cần sớm hoàn chỉnh hệ thống chính sách về di tích, nhất là những chính sách về xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích; những quy định của các Luật thuế cho phép các doanh nghiệp, cá nhân được giảm một phần thuế kinh doanh, thuế thu nhập... nếu doanh nghiệp hoặc cá nhân đó có những đóng góp trực tiếp cho việc tu bổ di tích, mua di

vật, cổ vật hiến tặng bảo tàng nhà nước, tài trợ cho những chương trình nghiên cứu về di tích v.v... Thông qua đó nâng cao vai trò quản lý và định hướng của Nhà nước để sử dụng có hiệu quả hơn nữa sự đóng góp của nhân dân cho bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Chính Phủ cần ban hành một cơ chế, chính sách phù hợp cùng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh có tác động nâng cao hiệu quả công tác quản lý di sản văn hóa, tạo động lực cho các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa. Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống quản lý và khoa học đủ mạnh, có khả năng triển khai trong đời sống xã hội các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa.

Cùng với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ cần có những quyết sách cụ thể để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa như việc xếp hạng các DTLS văn hóa và danh lam thắng cảnh nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo vệ di sản. Muốn làm được điều đó phải thực hiện những quy định chặt chẽ của Luật Di sản văn hóa, sự giám sát của các cơ quan chức năng để bảo đảm việc tôn tạo giữ được giá trị nguyên gốc của di tích.

Chắc chắn rằng, với hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa sẽ có một hành lang pháp luật đầy đủ và chặt chẽ, an toàn hơn, giúp cho việc quản lý DTLS văn hóa được nâng cao chất lượng.

3.2.3. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của chùa Bồ Đà

Như chúng ta đã thấy, về mặt tình trạng bảo tồn, các di sản văn hóa vật thể không chỉ chịu tác động mạnh mẽ của các yếu tố tự nhiên và xã hội từ bên ngoài, mà bản thân nó ngay sau khi ra đời hoặc khi được tu bổ đã bắt đầu một quá trình xuống cấp. Thực tế này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách, trực tiếp là các nhà quản lý di tích chùa Bồ Đà cần phải có

những quy hoạch, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo cũng như cơ chế thích hợp cho việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ.

3.2.3.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại khu di tích

Đây là một trong những nhiệm vụ cần được chú trọng trong quản lý di tích chùa Bồ Đà. Để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của di tích chùa Bồ Đà, năm 2018, UBND huyện Việt Yên và ngành văn hóa tỉnh cần tích cực tham mưu với UBND tỉnh xây dựng xong quy hoạch tổng thể khu di tích trình Chính Phủ phê duyệt, làm cơ sở pháp lý để phát huy vai trò quản lý, bảo tồn, huy động các nguồn lực đầu tư tôn tạo, đưa di tích thành điểm thu hút mạnh mẽ khách du lịch văn hóa - tâm linh trong và ngoài tỉnh. Từ nay đến năm 2020, cần chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ để bảo vệ cảnh quan, bổ sung quy hoạch khu đất dự phòng nhằm thu hút đầu tư phát triển du lịch giải trí, nghỉ dưỡng xung quanh khu vực chùa Bồ Đà.

Tại khu vực chính của di tích, UBND xã Tiên Sơn và huyện Việt Yên cần rà soát, bổ sung quy hoạch toàn bộ quần thể di tích chùa Bồ Đà với các hạng mục cơ bản như: Khu di tích quốc gia chùa Bồ Đà (gồm Chùa Quan Âm, Am Tam Đức, Tứ Ân Tự, Vườn Tháp cổ); Khu đền thờ Thạch Linh Thần Tướng (gồm khu Ao Miếu, Núi Con Voi và Tượng Lý Thường Kiệt, Đền Đức Thánh Hóa); khu đất dự phòng xây dựng điểm du lịch giải trí và nghỉ dưỡng; khu xây dựng Đài vọng cảnh; khu xây dựng Tháp cửu phẩm liên hoa; khu vực tổ chức lễ hội; khu vực cắm trại, dã ngoại và quần thể cây xanh... Tiếp tục xây dựng sân khấu biểu diễn và khu trung tâm tổ chức sự kiện tại khu sân vận động phía trước chùa. Đồng thời cần kiến tạo nên một môi trường cảnh quan xung quanh di tích để hấp dẫn du khách đến tham quan, hướng tới phát triển kinh tế du lịch của địa phương.

Để có thể liên kết hệ thống các di tích trên địa bàn xã Tiên Sơn với các điểm du lịch trong tỉnh, việc xây dựng quy hoạch và đầu tư cho hệ

thống các tuyến đường giao thông dẫn đến khu di tích cần được tỉnh, huyện tập trung nâng cấp, đầu tư hơn nữa.

Riêng với hạng mục xây dựng khu nhà quản lý và dịch vụ tại chùa Bồ Đà phục vụ cho BQL di tích cũng như hoạt động giới thiệu và bán sản phẩm địa phương, hướng dẫn du lịch thăm quan Chùa và các di tích khác trên địa bàn, UBND huyện Việt Yên cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2.3.2. Quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Mộc bản

Chùa Bồ Đà không chỉ là nơi tu hành mà còn là một trung tâm giáo dục, đào tạo về Phật giáo, nơi biên soạn sách vở, in ấn kinh sách, thư viện Phật giáo, không gian sinh hoạt tín ngưỡng của dân trong, ngoài vùng. Các văn bản kinh, luật, luận, văn bản ghi chép những nội dung khác hữu quan chính là những di vật, minh chứng, những bảo tàng về lịch sử, văn hóa Phật giáo tại chùa; suy rộng ra, đó là sự phản ánh về lịch sử, văn hóa của hệ phái Phật giáo, của cả cộng đồng.

Mộc bản tại chùa hiện đang được bảo quản trong những điều kiện khí hậu không thuận lợi, đòi hỏi phải có những kiểm soát tốt về nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật về quy trình bảo quản, kho bảo quản, sắp xếp, phân loại... nhằm bảo đảm những điều kiện tốt nhất chống lại sự xâm hại của côn trùng, mối mọt, có các giải pháp hạn chế sự suy thoái của gỗ theo thời gian.

Cần có một kế hoạch tổng thể để bảo vệ kho mộc bản ở chùa Bồ Đà. Theo đó, không để bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng lấy một bản ra khỏi giá, kệ hoặc sờ tay vào mộc bản. Việc này có thể dẫn tới mất chữ, mẻ chữ trên mộc bản hoặc mất mát mộc bản. Hơn nữa, chùa cũng là nơi tiềm ẩn nguy cơ hỏa hoạn, nên cũng cần phải có trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy đạt tiêu chuẩn để bảo quản mộc bản. Bởi lẽ, mộc bản kinh Phật có niên đại

vài trăm năm tuổi là di sản văn hóa mang đậm dấu ấn thời đại, việc gìn giữ và quảng bá giá trị của di sản đó cần được quan tâm thật xứng tầm.

3.2.3.3. Bảo vệ, gìn giữ khu vườn tháp và các hiện vật trong di tích

Mỗi di tích lịch sử văn hóa là một kho báu chứa đựng di sản quý giá của ông cha để lại. Trách nhiệm của chúng ta là cần gìn giữ, bảo vệ để nó trường tồn mãi mãi về sau, đặc biệt là đối với các nhà quản lý, quan điểm “bảo vệ trước, phát huy sau” cần phải được thống nhất trong nhận thức của những người có trách nhiệm quản lý, bảo tồn và phát huy di tích.

Sở hữu gần 100 ngôi tháp lớn nhỏ, vườn tháp chùa Bồ Đà xứng danh là một trong hai danh lam cổ tự có vườn tháp nhiều ngôi nhất nước ta. Trải qua hai cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, trong khi ngôi tháp chùa Bảo Quang (Quế Võ, Bắc Ninh) bị mai một khá nhiều thì vườn tháp chùa Bồ Đà vẫn còn nguyên vẹn và nay trở thành vườn tháp cổ và có quy mô rất rộng lớn. Đa số các ngôi tháp đều có tên, trong lòng tháp thường đặt bia ghi bài vị và ghi thời gian sinh, hóa của các nhà sư, cho nên mỗi ngôi tháp đều là những nguồn tư liệu chân thực giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu sâu sắc hơn về Phật phái Lâm Tế nói chung, lịch sử chùa Bồ Đà nói riêng.

Mặc dù các ngôi tháp đều được kiến tạo bằng đá và gạch chỉ được bít mạch dùng vôi vữa trộn với mật mía và bột giấy bản rất bền nhưng về lâu dài, cần phải có kế hoạch bảo tồn, tôn tạo theo từng giai đoạn, kịp thời sửa chữa khắc phục các tòa tháp bị nứt vỡ, hư hỏng. Đồng thời cần có các biện pháp bảo vệ, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại trực tiếp đến cảnh quan cũng như kiến trúc của từng ngôi tháp trong quá trình khai thác và phát huy các giá trị của di tích. Khi công tác truyền thông triển khai hiệu quả, lượng du khách đến tham quan chiêm bái tăng lên, cảnh quan và kiến trúc khu vườn tháp chùa Bồ Đà ít nhiều cũng có nguy cơ bị xâm hại.

Việc xây dựng quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị của hệ thống tượng Phật thời Lê, văn khắc, ván bia, thư tịch cổ, đại tự, câu đối,

hương án, đèn, chuông đồng niên hiệu Tự Đức, hương án đồ thờ... hay các di vật, cổ vật khác còn lưu giữ cần được thực hiện và triển khai theo từng lộ trình nhất định. Ưu tiên cải thiện điều kiện của di sản thông qua việc tiến hành bảo quản, tu bổ và phục hồi các di sản của Bồ Đà.

Không thể khoán trắng trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ cho nhân dân địa phương hoặc người được giao trông coi di tích. Việc bảo vệ hệ thống tượng Phật thời Lê cũng như kho tàng di vật, cổ vật có giá trị khác trong di tích không phải chỉ dựa vào “tai mắt” nhân dân là đủ, không thể tin rằng ở nơi thờ tự thiêng liêng thì không ai dám đánh cắp. Chính kẽ hở tâm lý này đã tạo điều kiện thuận lợi cho kẻ gian đột nhập vào di tích và lấy đi các hiện vật quý giá.

Ngoài ra, việc thống kê lại số lượng cũng như chất lượng các di vật, cổ vật trong chùa Bồ Đà là một việc làm cần thiết. Việc này không chỉ đánh giá được thực trạng công tác bảo vệ hệ thống tượng Phật, các hiện vật có giá trị khác mà còn tránh được tình trạng làm giả hồ sơ để đánh tráo cổ vật hay mất cắp cổ vật mà ngành chức năng không nắm được.

Do vậy, các nhà quản lý cần phải được nghiên cứu, phân loại, xác định niên đại, giá trị lịch sử để đăng ký, bảo tồn và phương án ứng dụng khoa học công nghệ thông tin xây dựng phần mềm bảo tồn nhằm hạn chế tối đa việc xâm hại hoặc trộm cắp di vật, cổ vật. Bởi nếu chỉ bảo vệ bằng người thì số lượng người cũng không đông nên không thể bảo đảm sự an toàn cho hiện vật.

Cần nhanh chóng triển khai áp dụng các thành tựu công nghệ thông tin kết hợp với khoa học hình sự vào việc quản lý di vật, cổ vật có giá trị trong di tích chùa Bồ Đà. Nếu có thể thì gắn hệ thống báo động, gắn chip điện tử vào cổ vật để có thể lần theo dấu vết khi chuyện không may xảy ra. Bởi bất cứ một di vật hay cổ vật nào trong chùa Bồ Đà cũng đều có gốc

tích và ý nghĩa lịch sử văn hóa riêng của nó; một khi những cổ vật này bị mất đi, một di tích lịch sử văn hóa như chùa Bồ Đà như bị mất “linh hồn”.

Bên cạnh đó, cần có chính sách đãi ngộ thoả đáng với người trông coi di tích; xử lý nghiêm minh đối với những tổ chức, cá nhân cố tình xâm phạm di tích, trộm cắp các di vật, cổ vật trong di tích và những phần tử tiếp tay cho những hành động này. Khen thưởng kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có công phát hiện, bảo vệ và gìn giữ các di vật, cổ vật trong các di tích.

Tóm lại, đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các DTLS văn hóa, nâng cao trách nhiệm của nhân dân đối với việc bảo vệ và phát huy vai trò của di sản văn hóa dân tộc là công việc vừa cơ bản, vừa cấp bách, cần phải được tiến hành nghiêm túc, kiên trì và thận trọng. Cần phải có chủ trương, chính sách và kế hoạch cụ thể để bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử của chùa Bồ Đà gắn với phát triển du lịch của địa phương. Vì ngày nay du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống văn hóa - xã hội của các nước. Thực tiễn đã chứng minh, ở những nước kinh tế phát triển, hàng năm có đến một nửa dân số đi du lịch. Nhiều quốc gia coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, ngành “xuất khẩu tại chỗ” hay ngành “ngoại giao” không cần đại sứ, là một trong những chỉ tiêu để đánh giá mức sống của người dân.

3.2.4. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tuyên truyền để quảng bá di tích chùa Bồ Đà

Trong tiến trình bảo tồn, tôn tạo các giá trị lịch sử và văn hóa của mỗi một di tích, công tác nghiên cứu cũng giữ một vai trò rất quan trọng. Muốn sửa sang, tu bổ di tích mà vẫn giữ được nguyên giá trị của nó thì không thể thiếu sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, những bậc cao niên giàu kinh nghiệm trong cộng đồng dân cư. Do vậy, bên cạnh việc giải quyết vấn đề kinh phí, ngành văn hóa, thể thao và du lịch cần huy động sự tham gia của lực lượng nghệ nhân và thợ chuyên

nghiệp trong việc sửa sang, tu bổ di tích. Đó phải là những nghệ nhân, những người thợ giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có khả năng phục hồi, tái tạo những giá trị nguyên gốc của di tích bị lu mờ qua thời gian.

Một trong những di sản nổi bật của di tích chùa Bỏ Đà chính là mộc bản. Di sản này chứa đựng những giá trị nhiều mặt về lịch sử, văn hóa và tôn giáo, cần tiếp tục được nhận diện một cách sâu sắc hơn nữa nhằm giáo dục lịch sử, văn hóa và đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ. Bên cạnh các giá trị tự thân này, mộc bản có những giá trị phái sinh, đó là các giá trị phục vụ sự phát triển trong bối cảnh di sản được coi là một nguồn lực phát triển. Kho mộc bản chùa Bỏ Đà được hình thành, tồn tại đã hàng trăm năm, trải qua nhiều đổi thay của thời cuộc, xã hội, đã bị thời gian, khí hậu, thời tiết, con người làm cho mai một.

Vì thế, việc nghiên cứu, khắc phục những tác động tiêu cực đến mộc bản, bảo tồn lâu dài kho mộc bản là một vấn đề cấp thiết trong hoạt động quản lý. Công việc này cần phải có thời gian thực hiện lâu dài, kiên trì. Theo đó, việc khảo sát, tìm tòi ván khắc, kinh sách đã được in trước đây, hiện còn được giữ trong các kho tư liệu của các viện nghiên cứu hữu quan, các chùa có liên hệ, thậm chí cả những bộ sưu tập đồ cổ của cá nhân... là những hướng đi cần được chú ý.

Cần bố trí hướng dẫn viên tại các địa điểm, DTLS văn hóa trong quần thể di tích Bỏ Đà (có tập huấn nghiệp vụ và tài liệu giới thiệu), để giới thiệu cho du khách đến thăm lễ hội và di tích. Các trò chơi và các hoạt động trong phần hội cần mở rộng, tái hiện lại các tích trong truyền thống nhưng vẫn mang tính hiện đại.

Song hành với việc tập trung nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích thì nhiệm vụ tăng cường giáo dục, tuyên truyền và phổ biến Luật Di sản văn hóa và các

quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động bảo tồn di sản văn hóa cần phải được chú trọng. Công tác tuyên truyền có hiệu quả, sẽ góp phần ngăn chặn việc di sản bị xâm phạm; từ đó tạo tiền đề cho các hoạt động tuyên truyền, nghiên cứu về Bồ Đà bảo đảm đi đúng định hướng, mục tiêu của Đảng và Nhà nước về quản lý di sản văn hóa nói chung.

Thường xuyên chú trọng phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, các sự kiện văn hóa, du lịch, hội nghị, hội thảo trong và ngoài tỉnh để tăng cường thông tin tuyên truyền quảng bá, giới thiệu hình ảnh, các giá trị nổi bật của di tích cũng như các sản phẩm du lịch mới độc đáo hấp dẫn thu hút du khách đến tham quan di tích chùa Bồ Đà.

UBND xã Tiên Sơn cần tiếp tục tham mưu cho UBND huyện, UBND tỉnh tổ chức họp báo, các cơ quan báo chí đẩy mạnh tuyên truyền về quần thể di tích chùa Bồ Đà, đặc biệt là dịp tổ chức Lễ hội chùa Bồ hàng năm. Tích cực khai thác thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, báo, đài, mạng internet v.v...) nhằm làm thay đổi nhận thức của người dân địa phương về vai trò, giá trị của di sản văn hóa phi vật thể và vật thể hiện diện trên quê hương mình. Từ đó giúp nhân dân và du khách hiểu, có ý thức, trách nhiệm gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt đội ngũ cán bộ chuyên môn, những người trực tiếp được phân công nhiệm vụ quản lý di tích cần tích cực tham gia các sự kiện văn hóa, các hội thảo về du lịch do cấp trên tổ chức để giới thiệu về tiềm năng du lịch của chùa Bồ Đà. Bởi lẽ, các hội nghị, Hội thảo sẽ là nơi mà những vấn đề còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn nghiên cứu, quản lý sẽ được tập trung trao đổi, thảo luận chi tiết nhất (ví dụ như: Tục hiến sinh trong lễ hội, Bài trí trong di tích, Phát triển nguồn nhân lực hệ thống quản lý di tích, công tác truyền thông,...). Từ

đó có cơ sở đề xuất giải pháp nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Có thể nói, trong tuyên truyền về di sản văn hóa, cần có sự đa dạng trong hình thức tổ chức. Đặc biệt, cần truyền thông mạnh mẽ đến đối tượng thanh niên và học sinh tại các xã thị trấn trên địa bàn huyện để làm nòng cốt trong hoạt động tuyên truyền và bảo vệ môi trường nông thôn nói chung, di tích chùa Bồ Đà nói riêng. Thế hệ trẻ đến với di sản văn hóa cần được tham gia, trao đổi, thảo luận những vấn đề quan tâm chứ không chỉ thụ động đón nhận “nội dung tuyên truyền” được định hướng trước. Như vậy, từ tiếp xúc đến ý thức tìm hiểu sẽ đem lại hiệu quả cao, đặc biệt đối với giới trẻ trong giáo dục từ di sản văn hóa hơn là đến từ “mệnh lệnh” lấy điễm, làm cơ sở thi đua.

Nếu chúng ta xác định rõ được lợi ích từ bảo tồn, khai thác di sản nói chung, các loại hình di sản văn hóa nói riêng trong tiến trình hội nhập phát triển; đem lại lợi đúng nghĩa đối với chính di sản, với cộng đồng nơi có di sản đó thì công tác nghiên cứu, tuyên truyền về di tích sẽ được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; hiện tượng vi phạm di tích sẽ giảm đi rất nhiều, di tích sẽ được bảo tồn và phát huy giá trị tốt hơn.

3.2.5. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư

Lâu nay, chúng ta thiếu cơ chế phối hợp liên ngành để tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để hỗ trợ cho công tác quản lý di sản văn hóa, gìn giữ những nét đẹp truyền thống mà ông cha truyền lại. Đã đến lúc phải đề xuất cơ chế hợp tác thuận lợi nhất giữa các cơ quan quản lý nhà nước về di sản, các công ty lữ hành du lịch dựa trên nền tảng di sản văn hóa, các doanh nghiệp đầu tư các dự án liên quan tới di sản văn hóa, các

cộng đồng cư dân địa phương và các nhà nghiên cứu khoa học - những người con tinh hoa của đất nước. Đây là những nhân tố tác động tích cực tới hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa mà các nhà quản lý chùa Bồ Đà cần lưu tâm để hoàn thiện bộ máy tổ chức của mình.

Tăng cường hợp tác giữa các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, trước hết là giữa ngành du lịch và bảo tồn di sản văn hóa để tạo ra sự phát triển du lịch thực sự bền vững. Cần lồng ghép tốt giữa chương trình mục tiêu quốc gia về chống xuống cấp và tôn tạo di tích, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và chương trình quốc gia về du lịch, các chương trình về môi trường, phát triển rừng, giáo dục, các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tại các khu vực có DTLS văn hóa, điển hình như xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên.

Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành như giao thông vận tải, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội, công an, thủy sản... và các cơ quan khác đóng trên địa bàn đảm bảo cho môi trường di tích (bao gồm cả môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội) được trong sạch. Tạo sự ổn định, bền vững cho chính bản thân di tích và sự an toàn cho khách tham quan du lịch, tránh chông chéo, thiếu hiệu quả. Khi công tác liên kết phối hợp được làm tốt, sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Để tiếp tục xứng danh là danh lam cổ tự nổi tiếng của vùng Kinh Bắc xưa thì tương lai của việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích chùa Bồ Đà không chỉ đơn thuần là sự liên kết nhỏ hẹp giữa thôn xóm, các xã, thị trấn hay giữa các ngành chuyên môn trong huyện Việt Yên mà còn là sự liên kết giữa các cấp, các ngành, các địa phương của toàn đất nước cho một mục tiêu chung: Bảo vệ và phát huy giá trị DTLS văn hóa của các dân tộc Việt Nam để trao truyền lại cho thế hệ sau.

Ngoài ngân sách của Nhà nước, việc đẩy mạnh thực xã hội hóa, tiếp tục thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” sẽ góp phần

khơi dậy những tiềm năng, thu hút sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài tỉnh. Qua sự tham gia, đóng góp của các lực lượng xã hội, ý thức bảo vệ di sản của cộng đồng sẽ dần được nâng lên.

Nguồn lợi khai thác từ di sản văn hóa cần phải đem lại lợi ích thiết thực cho người dân tại chỗ như tạo được thuận lợi để người dân tại chỗ có cơ hội tham gia như: chế tác, bán hàng lưu niệm, các dịch vụ, sản phẩm của làng nghề... Trong khi đó, công tác quản lý không chặt chẽ, dễ xảy ra những tình trạng mất trật tự, làm ảnh hưởng mỹ quan, xảy ra tệ nạn xã hội, các hoạt động không lành mạnh và ảnh hưởng đến chính đời sống văn hóa tinh thần của người dân nơi đây.

Hiện nay, huyện Việt Yên cũng đã quan tâm huy động nguồn xã hội hóa và đầu tư của nhân dân để xây dựng các điểm phục vụ ăn uống với quy mô 1.000 m² tại khu chùa Bồ Đà; ưu tiên các nguồn vốn đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông từ chùa Bồ Đà đến đầu thôn Yên Viên, đường vành đai 4 kết nối quốc lộ 1 đi qua các xã Quang Châu, Ninh Sơn, Tiên Sơn...

Giáo sư, tiến sĩ Tô Ngọc Thanh (Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam) đã từng nói: “Muốn bảo tồn được văn hóa của đồng bào, trước hết chúng ta phải hiểu đồng bào, hiểu được các lễ hội và những tâm tư nguyện vọng mà đồng bào gửi gắm vào lễ hội... Cần phải hiểu đồng bào sâu hơn mới tìm ra cách bảo tồn và phát triển văn hóa của đồng bào”. Đây thực sự là một tư duy tiên bộ, một kinh nghiệm quý báu mà các nhà quản lý di sản văn hóa cần học hỏi. Bởi nếu người dân địa phương không tôn trọng, không thấy được trách nhiệm của mình đối với di tích của thì công tác bảo tồn khó có hiệu quả, hiệu quả về công tác giáo dục cũng chỉ là hình thức. DTLS văn hóa Chùa Bồ Đà vì đó cũng không thể “phát triển bền vững” trong tương lai. Do đó, cần đặc biệt coi trọng vai trò của người dân sở tại, rộng hơn là nhân dân cả huyện, cả tỉnh, tiếp đến là du khách trong việc bảo vệ và lan tỏa những giá trị văn hóa lịch sử tiêu biểu của chùa Bồ Đà.

Lịch sử quản lý cũng đã chứng minh, nếu chỉ với sự nỗ lực của những người làm công tác nghiên cứu, bảo vệ, quản lý di tích thì chưa đủ và cũng không thể bảo vệ di tích khi thiếu nguồn kinh phí và nguồn nhân lực. Vì vậy, chúng ta cần nỗ lực tạo điều kiện cho cộng đồng nhận diện đúng giá trị của di tích chùa Bồ Đà, được tiếp cận và thụ hưởng lợi ích tinh thần và vật chất thông qua hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa của di tích. Và nhờ thế, lòng tự hào, tình yêu di sản văn hóa luôn được hâm nóng trong cộng đồng, tạo ra động lực tinh thần cho họ đóng góp trí tuệ, công sức, tiền của cho các dự án tu bổ, tôn tạo di tích.

3.2.6. Công khai, minh bạch huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính

Trong bối cảnh hiện nay và tương lai, ngoài sự nỗ lực của mỗi địa phương, mỗi vùng miền trong việc bảo vệ di sản của chính mình, còn cần có sự hỗ trợ của cấp trên về khoa học công nghệ, kinh nghiệm cũng như tài chính. Trong Quy chế về thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo của Bộ VHTTDL ghi rất rõ: “Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ cho cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo” và “Việc đóng góp, tài trợ được xem xét ghi nhận bằng các hình thức thích hợp, được quản lý, sử dụng đúng mục đích”.

Tất cả các nguồn lực tài chính như ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn thu (phí tham quan di tích, các khoản thu hợp pháp từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị di tích, nguồn tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài cùng các khoản thu khác bằng tiền và hiện vật) đều phải nhằm mục đích sử dụng cho các hoạt động quản lý, bảo tồn, tu bổ tôn tạo, chống xuống cấp, bảo vệ giữ gìn và tuyên truyền, phát huy giá trị di tích. Các nguồn lực khi được quy tụ từ các nguồn thu của di tích và từ hoạt động xã hội hóa, BQL di tích cần kết hợp chặt chẽ với

cộng đồng để khai thác, sử dụng minh bạch, đúng mục đích, có hiệu quả. Riêng đối với nguồn thu từ hoạt động xã hội hóa, tiếp tục phát huy hiệu quả quản lý theo cách thức ghi chép cập nhật vào sổ theo dõi, niêm yết trên bảng đặt tại nơi dễ quan sát để toàn thể cộng đồng, du khách cùng biết.

Để các nguồn lực tài chính này được tiếp nhận, quản lý, sử dụng một cách công khai, minh bạch, chỉ đúng mục đích, đúng quy định thì sự cần thiết xây dựng một bộ máy quản lý độc lập, có con dấu, có tài khoản riêng biệt là có căn cứ khách quan. Trong thực tiễn, nội dung thu chi cho hoạt động quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di tích là rất rộng và phức tạp (ví dụ như chi điện, nước, hương đèn, bao sái; vệ sinh; đón tiếp khách tham quan; bảo vệ, trông coi, bảo quản, tu bổ di tích, hoạt động từ thiện và các hoạt động khác nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích). Việc giao cho một người không có chuyên môn về tài chính phụ trách hoặc phải gánh trên vai quá nhiều trách nhiệm có thể khiến cho hoạt động quản lý, sử dụng các nguồn thu này kém hiệu quả, thậm chí không đúng mục đích. Do đó, Chùa Bồ Đà cần phải có BQL di tích riêng để chịu trách nhiệm với nguồn tiền này. Bởi vì, ngoài yêu cầu tuân thủ pháp luật và Luật Di sản văn hóa còn phải được sự giám sát, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo phân công quản lý. Chỉ khi các chương trình mục tiêu quốc gia với nguồn kinh phí đầu tư đảm bảo và được cộng đồng ủng hộ, thực hiện nghiêm túc thì công tác gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích mới đạt hiệu quả.

Chắc chắn, cùng với Quy chế thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo của Bộ VH-TT-DL và việc hoàn thiện BQL di tích chùa Bồ Đà, công tác quản lý, sử dụng nguồn tài chính được đầu tư và công đức cho Bồ Đà sẽ luôn được công khai, minh bạch; ngày càng góp phần thu hút đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia đóng góp để trùng tu, tôn tạo di tích.

3.2.7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di tích chùa Bồ Đà

Một DTLS văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, một lễ hội được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cùng với hệ thống các di sản phong phú, đa dạng như chùa Bồ Đà thì thách thức đặt ra cho công tác quản lý luôn là rất lớn.

Bên cạnh việc hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, cơ chế phối hợp liên ngành, công khai minh bạch tài chính... thì việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di tích chùa Bồ Đà là một hoạt động không kém phần quan trọng.

Đặc biệt là trong giai đoạn bùng nổ về công nghệ thông tin, sự thay đổi mạnh mẽ về kinh tế xã hội, sự phát triển ồ ạt của các dịch vụ du lịch xung quanh di tích và sự chuyển biến nhanh chóng trong nhận thức của người dân về những giá trị tiềm tàng của di tích như hiện nay thì việc xảy ra các vi phạm là không thể tránh khỏi, nếu không muốn nói là đang xảy ra phổ biến với tính chất mức độ vi phạm ngày càng phức tạp. Nếu không phát hiện kịp thời và có biện pháp giải quyết ngay từ khi họ mới vi phạm thì sẽ gây ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý sau này, thậm chí di tích sẽ còn bị xâm hại nghiêm trọng. Vì thế hoạt động thanh tra, kiểm tra luôn luôn cần phải được chú trọng, song hành với các biện pháp bảo tồn khác.

Xã hội phát triển, nhu cầu của cuộc sống đặt ra nên đã xuất hiện nhiều hoạt động lệch chuẩn gây ảnh hưởng đến di tích nói chung, lễ hội nói riêng. Đối với các sai phạm trong hoạt động lễ hội (hành vi lợi dụng di tích, lễ hội để trục lợi, tuyên truyền mê tín dị đoan, lưu hành văn hóa phẩm trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lễ hội) cũng như những tác động tiêu cực về mặt xã hội như tệ nạn (môi giới mại dâm, ăn mày ăn

xin, chèo kéo, chặt chém khách, trộm cắp, lừa đảo...). Tất cả những sai phạm này đòi hỏi công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm cần phải nghiêm khắc, dứt điểm tạo niềm tin trong nhân dân.

Trước tiên, để hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đạt hiệu quả, cần quy định trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân thành viên trong công tác này. Có thể triển khai kế hoạch tổ chức tiến hành kiểm tra chéo giữa các địa bàn, các khu vực để nâng cao hiệu quả hoạt động. BQL di tích cần thường xuyên bám sát, khảo sát, điều tra, phát hiện kịp thời những chỗ hư hỏng, xuống cấp, cùng bàn bạc với chính quyền và cộng đồng tìm cách khắc phục, thay vì chờ đến lúc dư luận “kêu cứu” mới quan tâm tới khắc phục sửa chữa.

Có phương án bố trí cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thu gom rác thải hợp lý, thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội. Tiến hành lắp đặt hệ thống biển báo, biển nhắc và các thùng chứa, gom rác tại khu di tích. Tiến hành lắp đặt, xây dựng các nhà vệ sinh phục vụ du khách tại các điểm tham quan, nghỉ dưỡng và mua sắm nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan khu di tích.

Một vấn đề cũng rất quan trọng và cần thiết trong công tác thanh tra kiểm tra các DTLS văn hóa trên địa bàn là việc tiếp nhận đơn thư tố giác tình trạng vi phạm di tích hoặc tình trạng xuất hiện những hoạt động lệch chuẩn, cơ quan chức năng cần phải lắng nghe cũng như lập đoàn công tác xuống địa phương tìm hướng giải quyết kịp thời.

Tóm lại, việc thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý di tích cần phải tiến hành một cách khoa học, xây dựng thành kế hoạch kiểm tra từng thời điểm trong năm. Cơ quan chuyên môn có thể tiến hành kiểm tra định kì và cũng có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Qua đó sẽ thấy được những thành

tự cũng như tồn tại trong công tác quản lý ở cấp cơ sở, nhờ đó đưa ra được những phương hướng sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3.3. Khuyến nghị với các cấp, các ngành và cơ quan chức năng

Với mong muốn cơ quan chức năng trung ương và tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng giao thông dẫn đến di tích; xây dựng nhà lưu giữ, trưng bày mộc bản chùa Bồ Đà; nghiên cứu, đánh giá giá trị kho mộc bản và đề nghị UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới, tôi mạnh dạn đề xuất một số ý kiến như sau:

3.3.1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 30/5/2016 về chủ trương đầu tư mở tuyến đường nối từ quốc lộ 37 đến xã Trung sơn để thu hút đầu tư sân golf và phát triển du lịch chùa Bồ Đà. Tiếp tục Hội nghị triển khai Quy hoạch, Kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa thuộc địa bàn tỉnh. Hội nghị này cần quán triệt, triển khai sâu rộng các nội dung hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DTLS văn hóa đến các cơ quan như: Dân vận Tỉnh ủy; Công an; đại diện các Sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh; lãnh đạo các huyện, thành phố; đại diện chính quyền các xã, phường và một số Doanh nghiệp du lịch nằm trong vùng di sản.

Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thủ tục hành chính về di sản văn hóa. Tiếp tục xây dựng hồ sơ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu trình UNESCO vinh danh.

UBND tỉnh cần tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích ngành kinh doanh du lịch đẩy mạnh và quản lý du lịch theo hướng tôn trọng và phát huy di sản và các văn hóa đang tồn tại; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến

khích đối thoại giữa những người chịu trách nhiệm về di sản và những người kinh doanh du lịch nhằm làm họ hiểu rõ hơn tầm quan trọng và tính chất mỏng manh dễ hỏng của các tổng thể di sản, các sưu tập, các văn hóa đang tồn tại, kể cả sự cần thiết phải đảm bảo một tương lai bền vững cho những di sản đó. Đặc biệt cần quan tâm, hướng dẫn việc thành lập bộ máy quản lý các di tích trên địa bàn huyện để tiến tới thành lập một BQL riêng cho chùa Bồ Đà để việc quản lý di tích đạt được chất lượng tốt nhất, di tích được bảo tồn và phát huy được hiệu quả cao nhất.

Chỉ đạo UBND huyện Việt Yên và BQL DTLS xã Tiên Sơn tổ chức lễ hội theo tinh thần tiết kiệm, tránh lãng phí; thực hiện quy hoạch tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí hợp lý, chú trọng tổ chức các hoạt động văn hóa, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể ở lễ hội. Các đơn vị chức năng tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội.

Sở VHTTDL cần hỗ trợ, hướng dẫn về các lĩnh vực chuyên môn để tôn tạo di tích chùa Bồ Đà, cụ thể là việc cung cấp tài liệu có liên quan đến việc phụng dựng phim DTLS, cử các nhà khoa học, những người nghệ nhân, thợ lành nghề có trình độ để tu bổ di tích phỏng theo nguyên trạng ban đầu. Đầu tư nghiên cứu phục dựng và phối hợp với cơ quan của Chính phủ, Bộ VHTTDL triển khai các hạng mục đầu tư xây dựng, tôn tạo các hạng mục trong chùa Bồ Đà theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà nghiên cứu văn hóa để từng bước chuẩn hóa các nghi thức, nghi lễ tổ chức và nâng cao quy mô tổ chức lễ hội Bồ Đà tương xứng với tầm vóc lịch sử của dân tộc, phát triển những nét độc đáo của lễ hội. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ nguồn lực, học tập kinh nghiệm quốc tế về bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống các DTLS văn hóa, bắt kịp với xu hướng bảo tồn gắn kết với phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bao gồm đội ngũ quản lý, đội ngũ nghiên cứu về di tích, các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kỹ thuật viên, thợ nghề, nghệ nhân, những người làm công tác bảo vệ di tích ở cơ sở... Phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của nhân dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn vững vàng.

3.3.2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện và Phòng văn hóa thông tin huyện Việt Yên

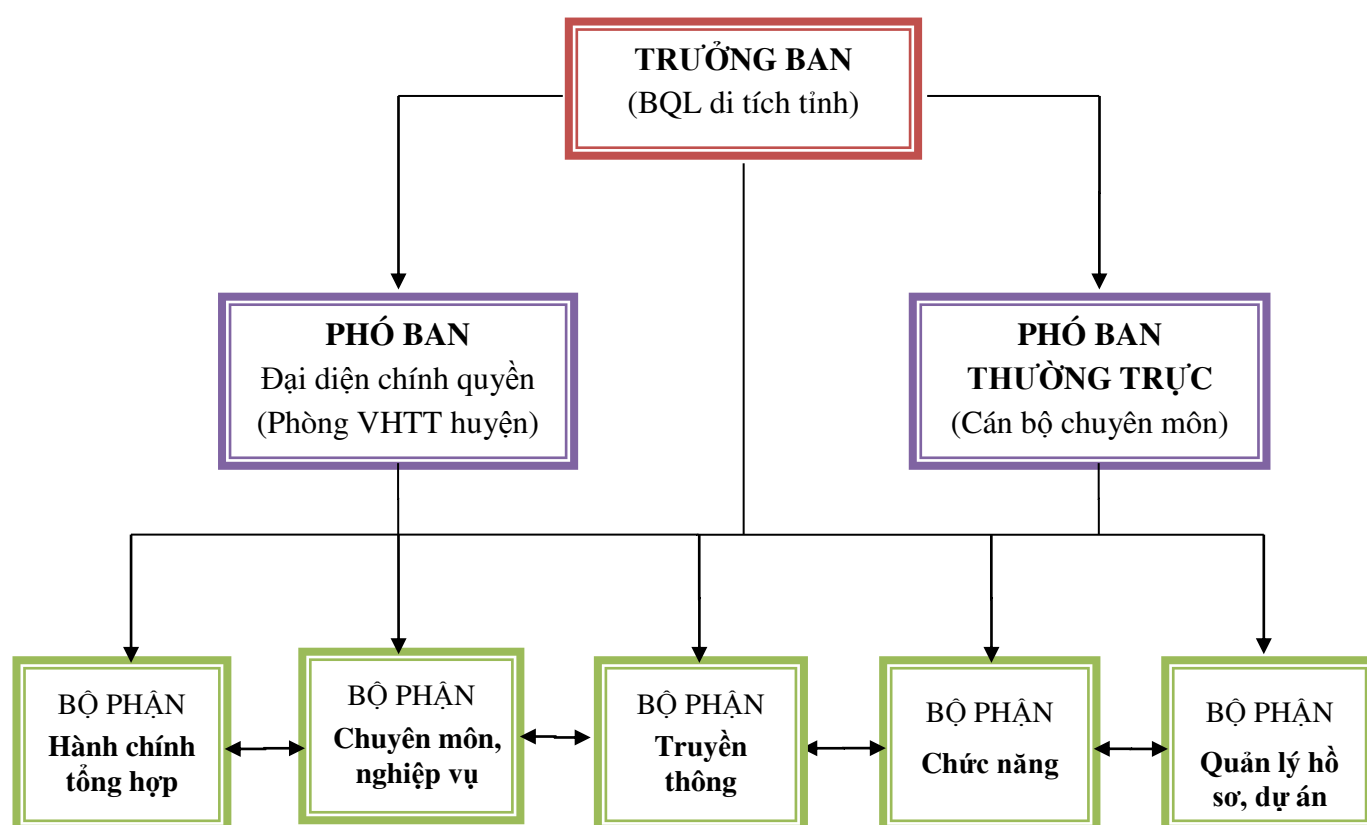
UBND huyện Việt Yên cần tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm bảo vệ di tích ở mức cao nhất, đặc biệt là quản lý, bảo vệ các di tích khảo cổ, công trình văn hóa, quản lý phát triển các hoạt động du lịch và quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng, dịch vụ, quảng cáo trong khu di tích. Ban hành chính sách quản lý và quy chế sử dụng các nguồn tài chính của di tích (tiền công đức, tiền bán vé, tiền tài trợ, tiền kinh doanh dịch vụ tại di tích...) theo định hướng ưu tiên sử dụng các nguồn thu của di tích cho việc tu bổ, tôn tạo di tích.

Tăng cường các biện pháp và bố trí thêm lực lượng an ninh để giữ gìn, bảo vệ di tích; xây dựng phòng gian bảo mật, bảo quản tốt kho mộc bản và các di vật, cổ vật tại chùa.

Chỉ đạo tổ chức Lễ hội Bồ Đà theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm; phần lễ trang trọng, thành kính; phần hội vui tươi, phong phú, đa dạng, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các vùng, miền, dân tộc trên địa bàn. Rà soát lại quy chế bảo vệ di tích, phân công cán bộ, thuyết minh viên phục vụ tiếp đón du khách tại từng khu di tích. Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống cháy nổ, an toàn giao thông; khắc phục, giải quyết dứt điểm tình trạng ùn

tắc giao thông; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh cảnh quan môi trường tại các điểm tổ chức lễ hội. Chỉ đạo nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng và tuyệt đối không để các trò chơi ăn tiền thực chất là cờ bạc trá hình diễn ra tại Lễ hội.

Đặc biệt, huyện Việt Yên cần đẩy nhanh tiến độ đề xuất thành lập BQL di tích cấp huyện để định hướng, chỉ đạo hoạt động của các BQL cấp cơ sở. Mô hình BQL DTLS văn hóa huyện Việt Yên có thể được thiết lập theo Sơ đồ sau:



Bên cạnh đó, BQL DTLS văn hóa huyện Việt Yên có thể trung tập, bổ sung thêm đội ngũ công chức văn hóa các xã, thị trấn cũng như sự trợ trì nơi có DTLS văn hóa đã và sẽ được xếp hạng để hoạt động quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích được thống nhất, đồng bộ, nội dung quản lý bao quát, toàn diện hơn.

Cần chú trọng hơn nữa việc bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ quản lý. Mở lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ địa phương về lĩnh vực tổ chức và công tác quản lý di tích. Chỉ đạo xây dựng và phát hành đĩa CD, DVD, phim và ấn phẩm, sách báo giới thiệu về di tích với nội dung cụ thể thống nhất.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà huyện Việt Yên đã xác định trong phát triển kinh tế du lịch là bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị quần thể di tích chùa Bồ Đà gắn với các di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể khác của địa phương. Do đó, huyện cần chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao đông vào di tích; lắp đặt biển báo chỉ dẫn; bố trí khu dịch vụ, hàng quán bảo đảm mỹ quan.

Quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 23/11/2016 về phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo, trong đó trọng tâm là phát triển du lịch văn hóa, tâm linh gắn với làng nghề truyền thống và chùa Bồ Đà là một điểm nhấn quan trọng.

Như vậy, để xây dựng được một mô hình quản lý di sản tại chùa Bồ Đà hiệu quả, hiện đại thì vai trò chỉ đạo điều hành và hướng dẫn chuyên môn của UBND huyện, Phòng Văn hóa thông tin huyện Việt Yên là vô cùng quan trọng.

Có thể khẳng định, để nâng cao chất lượng quản lý di tích chùa Bồ Đà đòi hỏi phải có những giải pháp tổng thể đồng bộ, sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền từ cấp tỉnh đến huyện và cơ sở, sự chung tay và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành và đoàn thể trên địa bàn và sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân để từng bước khắc phục được những hạn chế, yếu kém còn tồn tại. Bởi lẽ, những tồn tại phát sinh từ thực tiễn quản lý cộng với những khó khăn do quá khứ để lại không thể trong một thời gian ngắn và chỉ một ngành, một cấp có thể khắc phục được.

Tiểu kết

Trong chương 3, bên cạnh việc đưa ra định hướng và mục tiêu phát triển chung, tác giả đã nêu ra 7 nhóm giải pháp trên cơ sở đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố tác động đến công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà từ trong chương 2. Những giải pháp chú trọng tới vai trò quản lý của nhà nước, đề cao vai trò và sự tham gia của cộng đồng cư dân nơi di tích đang tồn tại. Cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia là một trong những yếu tố đưa lại những thành công trong quản lý. Ngoài ra các giải pháp về cơ chế chính sách, tăng cường các hoạt động chuyên môn, tổ chức khai thác giá trị của di tích một cách hợp lý, có hiệu quả... cũng được đề cập tới. Đồng thời, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị với các cấp, các ngành và các cơ quan chức năng về việc chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, quan tâm hơn nữa đến việc đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy di tích chùa Bồ Đà trong tương lai.

Sự sống còn của một DTLS văn hóa như chùa Bồ Đà có thể phụ thuộc hoàn toàn vào cách thức lựa chọn và hoàn thiện mô hình quản lý. Vậy nên, cần phải có lộ trình, có sự liên kết và phối hợp liên ngành, đặc biệt là phát huy vai trò làm chủ của cộng đồng dân cư. Gánh nặng này, không chỉ đặt trên vai các nhà làm công tác bảo vệ di tích mà còn nằm ngay trong ý thức của các nhà hoạch định chính sách ở trung ương và địa phương, ở những người có các hoạt động nghiên cứu liên quan đến di tích và toàn thể nhân dân để có thể xây dựng được một bộ máy quản lý di tích chùa Bồ Đà thật sự năng động, linh hoạt và phù hợp với đặc điểm của di tích, thích hợp với điều kiện của địa phương trong từng giai đoạn.

Với những tâm huyết của mình, tác giả hy vọng những giải pháp nêu trên có thể đóng góp một phần nhỏ trong tiến trình hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà để Bồ Đà tiếp tục là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung.

KẾT LUẬN

Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Trong đó DTLS văn hóa luôn là đối tượng được con người quan tâm nhất, đó chính là những thông điệp của quá khứ được các thế hệ trước trao truyền cho thế hệ sau, nhờ đó người ta đã cảm nhận được quá khứ và từ những thông tin của quá khứ tìm đến với truyền thống lịch sử, những giá trị đạo đức, thẩm mỹ, tín ngưỡng, tâm linh.

Di tích chùa Bỏ Đà là một bộ phận quan trọng của di sản văn hoá dân tộc, chứa đựng những giá trị vô giá gắn liền với lịch sử oai hùng, truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng. Vì thế, việc quản lý nhằm bảo tồn, giữ gìn những giá trị văn hoá đó cho hôm nay và mai sau là thể hiện sự biết ơn của chúng ta đối với bậc tiền nhân.

Để nhìn nhận, đánh giá thực trạng quản lý di tích chùa Bỏ Đà một cách đầy đủ nhất nhằm đưa ra các giải pháp kiến nghị hữu ích, phù hợp, luận văn tập trung nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cốt lõi như: cơ sở lý luận và pháp lý về quản lý di tích; khái quát về lịch sử hình thành, những giá trị tiêu biểu của chùa Bỏ Đà; phân tích những ưu điểm, hạn chế trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị tiêu biểu; đánh giá những tác động của di tích đối với phát triển và ngược lại để từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho quản lý, bảo tồn di sản văn hóa nói chung.

Những năm qua, công tác tổ chức và quản lý di tích chùa Bỏ Đà đã có nhiều sự tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, vẫn tồn tại không ít những hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục, sửa chữa kịp thời, đặc biệt là sự cần thiết phải thiết lập một bộ máy quản lý mới. Do đó, việc đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố tác động đến quản lý chính là tiền đề quan trọng để

đưa ra được các giải pháp hiệu quả, thiết thực. Những giải pháp mà luận văn đưa ra đều chú trọng tới vai trò quản lý của nhà nước, hệ thống văn bản pháp lý, đề cao sự tham gia của cộng đồng cư dân nơi di tích đang tồn tại cùng cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia, tất cả đều là những yếu tố đem lại thành công trong quản lý. Ngoài ra các giải pháp về cơ chế chính sách, tăng cường các hoạt động chuyên môn, tổ chức khai thác giá trị của di tích một cách hợp lý, có hiệu quả... cũng được đề cập tới. Cuối cùng, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị với các cấp, các ngành và các cơ quan chức năng về việc chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, quan tâm hơn nữa đến việc đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy di tích chùa Bồ Đà trong tương lai.

Nghiên cứu về ***“Công tác quản lý di tích chùa Bồ Đà ở xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”*** là một vấn đề khó và phức tạp. Tuy nhiên, với tâm huyết của một người theo học chuyên ngành quản lý văn hóa, với mong muốn di tích chùa Bồ Đà của huyện Việt Yên nói riêng và các di tích lịch sử văn hóa của tỉnh Bắc Giang nói chung được quản lý, gìn giữ và phát huy giá trị một cách thực sự có hiệu quả, tác giả hy vọng, với các giải pháp, kiến nghị đã nêu, công tác quản lý các DTLS văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thời gian tới sẽ phát huy hiệu quả hơn nữa những thành công đã đạt được cũng như khắc phục được những hạn chế, yếu kém còn tồn tại. Để từ đó, tạo đà cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam xứng với tầm vóc và phát huy được *“sức mạnh mềm”* của nó đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển bền vững đất nước trong điều kiện hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa Thông tin (1999), *Chỉ thị số 60/CT-BVHTT, ngày 6/5 về tăng cường quản lý bảo vệ di tích lịch sử văn hóa*, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa Thông tin (2001), *Quyết định 1706/2001/QĐ - BVHTT ngày 24/7 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh*, Hà Nội.
3. Bộ Văn hóa Thông tin (2003), *Quyết định 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 6/2 của Bộ trưởng bộ Văn hóa Thông tin về ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh*, Hà Nội.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Quyết định Phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”*, Hà Nội.
5. Đặng Văn Bài (2005), *Tiếp cận thực trạng công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo tinh thần của Luật di sản văn hoá*, Một con đường tiếp cận di sản văn hoá, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Đặng Văn Bài (2007), *Bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển*, Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học “Bảo tồn di tích và cuộc sống đương đại”, ngày 16/01/2007, Hà Nội.
7. Nguyễn Huy Bình (2016), *“Kho mộc bản chùa Bồ Đà - Di vật hữu hình và vô hình”*, Tham luận tại Hội thảo khoa học “Giá trị các mặt của di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững”, Hà Nội.
8. Chính Phủ (2000), *Chỉ thị 07/CT-CP ngày 30/3/2000 về bảo vệ di tích lịch sử văn hóa*, Hà Nội.
9. Chính Phủ (2002), *Chỉ thị số 05/2002/CT-TTg, ngày 18/2 của Thủ tướng*

Chính phủ về bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, Hà Nội.

10. Chính Phủ (2010), *Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4 Quy định về tổ chức hoạt động và quản lý lễ hội*, Hà Nội.
11. Chính Phủ (2012), *Chiến lược phát triển văn hóa văn hóa thể dục thể thao, du lịch và gia đình đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Đoàn Văn Chúc (1998), *Xã hội học văn hóa* , Nxb Văn hóa Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.
13. Ngô Thị Kim Doan (2003), *Những lễ hội Việt Nam tiêu biểu*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
14. Đồng Ngọc Dưỡng (2016), *Giá trị lịch sử, Phật giáo và văn hóa của một số chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang*, Tham luận tại Hội thảo khoa học “Giá trị các mặt của di sản một số chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững”, Hà Nội;
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đỗ Thị Thu Huyền, *Một số chùa Bồ Đà trong bối cảnh lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tham luận tại hội thảo Giá trị các mặt của di sản

Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang.

20. Hoàng Quốc Hải (2007), *Văn hóa phong tục*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
21. Lưu Hiệp (2017), *Chùa Bồ Đà đón nhận bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt*, Báo mới, số ra ngày 06/3/2017.
22. Phạm Thị Huệ, Nguyễn Xuân Hoài, Đỗ Tuấn Khoa (2015), “*Mộc bản Chùa Bồ Đà - Đề mục tổng quan*”, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
23. Nguyễn Thế Hùng (2007), *Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước*, Tạp chí Di sản văn hóa số 20 - 2007, Hà Nội.
24. Trần Minh Hương (2006), *Luật hành chính*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Hường (2011), “*Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam*”, Báo Gia đình và xã hội số 20, ngày 19/5/2011.
26. Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành (2002), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (2009), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Mai Hữu Luân (2003), *Quản lý hành chính nhà nước*, Nxb Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Hoàng Thanh Minh (2010), *Văn hóa lễ hội Việt Nam*, Tập 1, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
30. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Trung Hiếu, Lê Ngọc Hoan, “*Hiện trạng mộc bản Phật giáo tại chùa Bồ Đà và chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang*”, Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, số 4/2015;
31. Nguyễn Tri Nguyên (2006), *Văn hóa - Tiếp cận lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
32. Văn Quảng (2010), *101 lễ hội Hà Nội*, Nxb Lao động, Hà Nội.

33. Dương Văn Sáu (2008), *Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
34. Sở Văn hóa thông tin Bắc Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử văn hóa Việt Nam (2006), “*Địa chí Bắc Giang - Lịch sử và văn hóa*”.
35. Sở VH TTDL tỉnh Bắc Giang (2010), *Bảo tồn, tôn tạo di tích - Khi nội lực được khơi thông*, Bắc Giang.
36. Sở VH TTDL tỉnh Bắc Giang (2010), *Ở một góc chùa Bồ Đà*, Bắc Giang.
37. Sở VH TTDL tỉnh Bắc Giang (2010-2012), “*Điều tra, nghiên cứu bảo tồn di vật, cổ vật, bảo vật trên các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Bắc Giang*”; Đề tài khoa học, Bắc Giang.
38. Sở VH TTDL tỉnh Bắc Giang phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (2016), *Tọa đàm “Giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật chùa Bồ Đà”*, Bắc Giang.
39. Bùi Thị Thắm (2011), “*Di tích chùa Bồ Đà trong phát triển du lịch văn hóa tỉnh Bắc Giang*”, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội;
40. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
41. Hà Xuân Trường (1994), *Văn hóa, khái niệm và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
42. Nguyễn Hữu Thức (2015), *Đề cương bài giảng quản lý thiết chế văn hóa*, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
43. Nguyễn Hữu Thức (2015), *Tập bài giảng về quản lý lễ hội*, trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương.
44. Từ điển Bách khoa Việt Nam (Tập 1), Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà nội.
45. UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*.
46. Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, *Hướng dẫn thực hiện Công ước*

di sản thế giới 1972.

47. UBND tỉnh Bắc Giang (2006), *Đề án xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thông tin Bắc Giang giai đoạn 2006-2010*, Bắc Giang.
48. UBND tỉnh Bắc Giang (2010), *Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bắc Giang đến 2020, tầm nhìn đến 2030*, Bắc Giang.
49. UBND tỉnh Bắc Giang (2012), *Chùa Bồ Đà - Chốn tổ Thiền Phái Lâm Tế*, Chuyên trang Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, Bắc Giang.
50. UBND tỉnh Bắc Giang (2013), *Quyết định số 1574/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: đường và hạ tầng bên ngoài của chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*, Bắc Giang.
51. UBND tỉnh Bắc Giang (2014), *Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 12/9/2014 về tăng cường các biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích*, Bắc Giang.
52. Cao Trung Vinh (2016), *Mô hình quản lý di sản ở chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang*, Tham luận tại Hội thảo khoa học “Giá trị các mặt của di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững”, Hà Nội;
53. Cao Trung Vinh (2016), *Lựa chọn mô hình bảo tồn di sản - Trường hợp Chùa Bồ Đà*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 290, tháng 12-2016, Hà Nội.
54. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Hoàng Vinh (1999), *Thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
56. Trần Quốc Vượng (2001), *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học, Hà Nội.

57. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

*** Một số trang web:**

55. Văn hóa, thể thao và du lịch Bắc Giang: svhttdl.bacgiang.gov.vn;

56. Du lịch Bắc Giang: dulichbacgiang.gov.vn;

57. Chùa Bồ Đà (Thượng Lát - Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang): chuaboda.com

58. Ban Tôn Giáo Chính phủ: http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/2557/Quan_diem_ve_Nho_Phat_Dao_va_tinh_than_tam_giao_dong_nguyen_thoi_Tran

59. Hội Mỹ thuật Việt Nam: <http://www.vietnamfineart.com.vn/Story/Tapchimythuat/2016/8/5279.html>

60. Cổng thông tin điện tử huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang: <http://vietyen.bacgiang.gov.vn/node/5747>

*** Một số video:**

61. Phóng sự tập 1: <https://www.youtube.com/watch?v=dqRxLCSoGdU>

62. Phóng sự tập 2: <https://www.youtube.com/watch?v=FQNNuyyZH1U>

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THỊ NGÀ

**QUẢN LÝ DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIÊN SƠN,
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

Phụ lục 1: <u>HỒ SƠ DI TÍCH</u>	101
1.1. Quyết định về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ .	101
1.2. Đơn đề nghị xếp hạng di tích chùa Bồ Đà	103
1.3. Công văn đề nghị nâng hạng di tích Ao Miếu - Chùa Bồ Đà	106
1.3. Công văn đề nghị nâng hạng di tích Ao Miếu - Chùa Bồ Đà	107
1.4. Khoanh vùng khu vực bảo vệ địa điểm Ao Miếu	107
1.4. Khoanh vùng khu vực bảo vệ địa điểm Ao Miếu	108
1.5. Mộc bản chùa Bồ Đà - Bản gốc, phiên âm, dịch nghĩa	111
1.5. Mộc bản chùa Bồ Đà - Bản gốc, phiên âm, dịch nghĩa	112
1.6. Tổ chức kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục “Mộc bản kinh Phật của Thiền Phái Lâm Tế khắc trên gỗ thị cổ nhất” và “Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam”.	115
Phụ lục 2: <u>CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO</u>	116
2.1. Quyết định kiện toàn BQL di tích lịch sử văn hóa xã Tiên Sơn	116
2.2. Chỉ thị số 06/CT-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	120
2.3. Chỉ thị số 1569/UBND-VHTT của UBND huyện Việt Yên về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn	123
2.3. Chỉ thị số 1569/UBND-VHTT của UBND huyện Việt Yên về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn	124
Phụ lục 3: <u>CÁC HÌNH ẢNH</u>	126

Phụ lục 1

HỒ SƠ DI TÍCH

1.1. Quyết định về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ

11/1

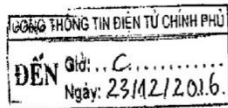
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 499 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 283/TTr-BVHTTDL ngày 19 tháng 12 năm 2016; ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia tại Công văn số 06/BC-HĐDSVHQG ngày 13 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt (đợt 7) các di tích sau:

1. Di tích kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Tháp Hòa Lai (huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận).
2. Di tích kiến trúc nghệ thuật Tháp Pô Klong Garai (thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận).
3. Di tích khảo cổ Phật viện Đồng Dương (huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam).

4. Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhắm Dương (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương).

5. Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Keo Hành Thiện, gồm Chùa Keo trong và Chùa Keo ngoài (huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định).

6. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Chùa Bỏ Đà (huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

7. Di tích lịch sử Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu (huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre).

8. Di tích lịch sử Khu lưu niệm Phan Bội Châu tại Nam Đàn (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

9. Di tích lịch sử Khởi nghĩa Bắc Sơn (huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

10. Di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

11. Di tích lịch sử Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).

12. Di tích lịch sử Đồng Khởi Bến Tre (huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre).

13. Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh (huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum).

Khu vực bảo vệ di tích được xác định theo Biên bản và Bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích trong hồ sơ.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có di tích được xếp hạng tại Điều 1 của Quyết định này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước đối với di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di tích được xếp hạng tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục DSVH, TCDL (Bộ VH-TT-DL);
- Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, QHĐP, CN, KTTH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). *94*



Vũ Đức Đam

1.2. Đơn đề nghị xếp hạng di tích chùa Bồ Đà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XẾP HẠNG DI TÍCH

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

Tôi tên là: Đại đức Tự Tục Vinh-Trụ trì chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên. Qua quá trình trông nom, quản lý, chúng tôi nhận thấy khu di tích có những giá trị tiêu biểu, độc đáo, khác biệt, cụ thể như sau:

Khu di tích chùa Bồ Đà, một danh lam cổ tự nổi tiếng của vùng Kinh Bắc xưa nay thuộc địa phận hành chính của xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Khu di tích tọa lạc ở vị trí đặc địa phong thủy, nằm về phía Bắc của chân núi Phụng Hoàng thuộc dãy núi Bồ Đà, xa xa là dòng sông Cầu thơ mộng. Tương truyền chùa Bồ Đà có từ thời Lý, được tu bổ, tôn tạo và trở thành nổi tiếng vào thời vua Lê Trung Hưng thế kỷ XVIII. Trải qua thời gian với những thăng trầm của lịch sử di tích đã nhiều tu bổ tôn tạo, song ngôi chùa vẫn giữ được những giá trị lịch sử kiến trúc nghệ thuật đặc sắc để trở thành 1 trong 2 chốn tổ lớn của tỉnh Bắc Giang. Chính vì vậy, trong dân gian vẫn lưu truyền rằng:

Thứ nhất là chùa Đức La

Thứ nhì chùa Bồ, thứ ba chùa Tràng

Hiện nay khu di tích chùa Bồ Đà gồm rất nhiều hạng mục lớn nhỏ trong đó có 4 hạng mục chính, đó là Chùa Cao, am Tam Đức, Chùa Tứ Ân, Vườn Tháp.

1. Chùa Cao-một ngôi chùa mang đầy dấu ấn huyền thoại gắn với lịch sử của di tích. Giá trị độc đáo của chùa thể hiện ở ý nghĩa tên gọi Bồ Đà bắt nguồn từ Phổ Đà trong phiên âm Hán Việt có nghĩa là Phật, Bụt trong tiếng Phạn; không giống những ngôi chùa khác là thờ nhiều tượng, từ trước đến nay Chùa Cao chỉ thờ một pho tượng duy nhất đó là tượng Quan Âm Tống Tử; điểm độc đáo nữa là chùa có nhiều tên gọi khác nhau như Chùa Cao vì chùa tọa lạc trên độ cao của núi Phụng Hoàng, chùa Quán Âm, chùa Ông Bồ bắt nguồn từ truyền thuyết dân gian, chùa Bồ Đà là lấy theo dãy núi Bồ Đà hùng vĩ.

2. Am Tam Đức, có lịch sử từ lâu đời. Trước đây chỉ có 3 gian nhỏ bằng gỗ. Qua thời gian di tích đã bị phá hủy trong kháng chiến Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ. Và những năm gần đây nhân dân và nhà chùa đã hưng công xây dựng lại am Tam Đức trên nền đất cũ theo bố cục kiến trúc hình chữ Nhất ngang gồm 5 gian, 3 gian giữa xây kiểu chồng diêm bằng gỗ lim. Giá trị đặc sắc của am Tam Đức thể hiện ở ý nghĩa tên gọi: Am Tam Đức gồm 3 đức là Ân Đức, Đoan Đức và Tri Đức (Tri đức hay còn gọi là quán đức nó có nghĩa là, người tu hành cần phải dùng trí huệ quán sát các pháp. Nhờ quán sát như thế, người tu hành mới tìm ra con đường giải thoát kiếp luân hồi. Đoan đức là chỉ cho đoan dứt hết các thứ vô minh phiền não lậu hoặc. Ân Đức là do nguyện lực của Phật và Bồ tát luôn luôn cứu độ chúng sanh. Người có ân đức là người luôn có tâm hồn rộng lượng bao dung tha thứ và làm lợi ích cho muôn loài. Đây là Trung tâm đào tạo tăng đồ của Thiên phái Lâm

Tế. Như chúng ta đã biết: Thiền phái Lâm tế là do Thiền sư Nghĩa Huyền nhà Đường sáng lập và được Chuyết Công Hoà Thượng tên thật là Hải Trùng, tên húy là Viên Văn người làng Tiệm Sơn, tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa thuộc đời 34 của dòng Lâm Tế truyền vào Việt Nam vào cuối thế kỷ 17, sang thế kỷ 18 tư tưởng, nội dung của thiền phái Lâm Tế đã ảnh hưởng sâu rộng trong cả nước trong đó có ngôi chùa ảnh hưởng lớn ở vùng Kinh Bắc là chùa Bồ Đà (tỉnh Bắc Giang) và chùa Bảo Quang (tỉnh Bắc Ninh). Đặc điểm khác biệt của dòng Thiền Lâm Tế so với các dòng Thiền khác là bên cạnh ngồi tọa Thiền, dòng Thiền này còn đề cao phương thức tu hành theo lối công án (tức đặt ra những câu hỏi, câu trả lời) để đánh thức bản ngã. Đồng thời, dòng Thiền Lâm Tế còn chú trọng thi hành phép bông yết (tức là gây đánh và tiếng hét) coi đây là phương pháp tu hành rất hiệu quả.

3. Chùa Tứ Ân là một trong những hạng mục chính của khu di tích chùa Bồ Đà. Chùa được xây dựng vào thời vua Lê Dụ Tông (thế kỷ 18) và được trùng tu tôn tạo vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX-XX) và những năm gần đây. Về tên gọi Tứ Ân là niệm tri ân đối với trời, đối với quốc gia, đối với cha mẹ và đối với thầy; chùa có bố cục kiến trúc theo kiểu nội thông ngoại bế (tức nhìn từ ngoài vào chùa được bao bọc bởi hệ thống tường trình bằng đất, bên trong gồm 16 toà ngang dãy dọc với hơn 90 gian liên hoàn thành hình chữ Hoắc; dấu ấn khác biệt của chùa Tứ Ân so với hệ thống các ngôi chùa cổ vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam chính là thờ Tam Giáo (gồm Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo). Ngoài ra, tạo nên điểm đặc biệt của ngôi chùa chính là hệ thống tường trình bằng đất pha trộn với sỏi, các mảnh gốm Thổ Hà mang triết lý âm dương âm về mùa Đông và mát về mùa Hạ. Với chức năng là nơi đào luyện tăng đồ của Thiền phái Lâm Tế đến nay chùa Tứ Ân còn lưu giữ được gần 2000 mộc bản kinh Phật cổ bằng gỗ thị được san khắc từ năm 1740 và nhiều đời cao tăng sau này, như các đời sư Chiếu Không, Viên Lãng, Phổ Thuần, Phá Chiếu... Trên những tấm mộc bản đó, người xưa đã để lại dấu ấn qua nội dung, đường nét, họa tiết, hình khối điêu luyện và tinh xảo, phản ánh những tư tưởng, triết lý sâu xa của đạo Phật nói chung và dòng thiền Lâm Tế nói riêng, nổi bật trong số đó là các hình khắc Đức Phật Tô Như Lai, Phật Thích Ca tọa trên đài sen, Quan Thế Âm Bồ Tát, ... Trọng tâm của bộ kinh nói đến nỗi khổ của con người và sự giải thoát. Trong đó tiêu biểu nhất là Tứ Diệu Đế-4 chân lý kỳ diệu của đạo Phật gồm: Khổ Đế, Nhân Đế Diệt Đế và Đạo Đế. Gồm các bộ kinh tiêu biểu như: Lăng nghiêm chính mạch, Yết ma hội bản, Nam hải ký quy...

4. Vườn Tháp – Nét đặc biệt hiếm có ở các ngôi chùa. Vườn tháp chùa Bồ Đà là một trong những vườn tháp đẹp và lớn nhất trong cả nước gồm 110 ngôi tháp và mộ lớn nhỏ khác nhau. Trong đó, có 97 ngôi tháp cổ có lịch sử hàng trăm năm là nơi tàng lưu tro cốt xá lý nhục thân của 1214 tăng ni Phật tử của thiền phái Lâm Tế trong cả nước. Vườn tháp được chia làm 2 khu: khu trên là nơi lưu giữ tro cốt xá lý của sư tăng (trên đỉnh tháp có trang trí hình bình cam lồ), khu dưới là nơi lưu giữ tro cốt xá lý của sư ni (trên đỉnh tháp có trang trí hình bông sen). Các ngôi tháp đều được xây bằng gạch và đá bằng kỹ thuật truyền thống bắt mạch vôi mật mía. Một trong những điểm độc đáo khác biệt ở vườn tháp mà chúng ta nhìn thấy đó là: Tất cả các tháp đều có cửa dạng cuốn vòm nhìn về hướng Đông Bắc (theo triết lý của nhà Phật đó là hướng trí tuệ, giải thoát).

Ngoài giá trị về văn hoá vật thể, chùa Bồ Đà là nơi sinh hoạt văn hoá, tôn giáo kết hợp với tín ngưỡng dân gian bản địa thờ Thạch linh thần tướng tại Ao Miếu cùng các ngôi đền xung quanh biểu hiện sâu sắc trong lễ hội truyền thống. Đây là lễ hội có quy mô rộng lớn thu hút được nhiều làng, xã cùng tham gia, được tổ chức trong 3 ngày từ ngày 16 đến hết ngày 18/2 âm lịch. Ngoài những như thức rước, tế, dâng hương cúng Phật trang trọng nhân dân còn tổ chức nhiều hoạt động diễn xướng dân gian và các trò chơi dân gian mang đậm bản sắc văn hoá vùng miền bên bờ Bắc Sông Cầu. Điểm nhấn nổi bật là Liên hoan hát quan họ. Với những giá trị tiêu biểu, năm 1992 chùa Bồ Đà được Bộ Văn hóa, Thông tin và Thể thao xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật.

Vì vậy, chúng tôi làm đơn này trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học di tích đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt đối với khu di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên.

Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình lập hồ sơ khoa học di tích và thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ TIÊN SON

Tiên Sơn, ngày 26 tháng 2 năm 2016

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ TIÊN SON
NGUYỄN VĂN NAM

Uccch

Từ Tự Vinh

1.3. Công văn đề nghị nâng hạng di tích Ao Miếu - Chùa Bồ Đà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIỀN SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 18 /UBND-VHTT
V/v đề nghị nâng hạng di tích Ao
Miếu- Chùa Bồ Đà là Di tích quốc
gia đặc biệt

Tiên Sơn, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch huyện Việt Yên;
- UBND huyện Việt Yên;
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Bắc Giang,

- Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Trên cơ sở khu Ao Miếu- Chùa Bồ Đà đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích cấp quốc gia ngày 31/01/1992 với nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật quý báu như tường đất, kiến trúc chùa cổ, khu vườn tháp cổ và đặc biệt Bộ mộc kinh chùa Bồ Đà là bộ mộc kinh cổ, độc bản có giá trị lịch sử văn hóa vô cùng to lớn và quan trọng;

Để giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử- văn hóa, nghệ thuật của di tích Ao Miếu- Chùa Bồ Đà, UBND xã Tiên Sơn đề nghị Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND huyện Việt Yên, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Bắc Giang xem xét tham mưu với cấp trên nội dung sau:

- Đề nghị nâng hạng Di tích Ao Miếu- Chùa Bồ Đà từ di tích Lịch sử- Văn hóa cấp Quốc gia lên là Di tích Quốc gia đặc biệt.

Vậy, UBND xã Tiên Sơn kính mong được sự xem xét, quan tâm giúp đỡ của Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND huyện Việt Yên, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nam

1.4. Khoanh vùng khu vực bảo vệ địa điểm Ao Miếu

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN KHOANH VÙNG KHU VỰC BẢO VỆ ĐỊA ĐIỂM AO MIẾU-THUỘC KHU DI TÍCH CHÙA BỔ ĐÀ, XÃ TIỀN SON HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2016, hồi 8 giờ,

Chúng tôi gồm:

1. Ban Quản lý di tích tỉnh Bắc Giang

1.1. Bà Phùng Thị Mai Anh-Phó Giám đốc Ban Quản lý di tích tỉnh Bắc Giang-Chủ trì Hội nghị.

1.2. Bà Dương Thị Ánh-Trưởng phòng Nghiên cứu và Tuyên truyền-Ban Quản lý di tích tỉnh Bắc Giang-Thư ký Hội nghị.

2. Huyện Việt Yên

2.1. Ông Nguyễn Đại Lượng-Phó Chủ tịch UBND huyện.

2.2. Ông Lương Ngọc Đức-Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Ông Đào Trọng Ca-Trưởng phòng Văn hoá và Thông tin.

2.4. Bà Nguyễn Thị Quyên-Chuyên viên Phòng Văn hoá và Thông tin.

3. UBND xã Tiên Sơn

3.1. Ông Đỗ Danh Nhuận-Chủ tịch UBND xã.

3.2. Ông Diêm Công Ninh-Cán bộ Văn hóa xã.

4. Đại diện các tổ chức, cá nhân và đại diện các đoàn thể được giao quản lý di tích

4.1. Đại đức Tự Tục Vinh-Trụ trì chùa Bồ Đà.

4.2. Ông Hoàng Đình Lịch-Đại diện Hội Người cao tuổi thôn Hạ Lát.

Họp tại địa điểm Ao Miếu-thuộc khu di tích chùa Bồ Đà để thống nhất về việc khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích Ao Miếu, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi nghe bà Dương Thị Ánh đại diện cho Ban Quản lý di tích tỉnh Bắc Giang trình bày tóm tắt nội dung, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích và dự kiến khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích, toàn thể các thành viên dự họp đã thống nhất khoanh vùng các khu vực bảo vệ địa điểm Ao Miếu-thuộc khu di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt, cụ thể như sau:

I. KHOANH VÙNG CÁC KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH

Việc khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích được áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Điều 13, 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, cụ thể:

1. Khu vực bảo vệ I là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích (*Khu vực được tô viền bao quanh màu đỏ trên bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích. Trong khu vực này tuyệt đối cấm mọi sự xây dựng hoặc vi phạm. Không một tổ chức hoặc cá nhân nào được tự ý tháo dỡ, thay đổi vị trí hoặc làm hư hại, giảm giá trị vốn có của di tích*). Khu vực này thuộc thửa đất số 63/1221,8 có diện tích **1221.8m²** được xác định bởi các điểm mốc có tọa độ như sau:

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		KHOẢNG CÁCH (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2349909.12	400351.32	
2	2349899.34	400363.31	15.47
3	2349883.64	400384.09	26.04
4	2349881.46	400382.51	2.69
5	2349882.61	400381.41	1.59
6	2349869.46	400368.61	18.35
7	2349881.86	400352.52	20.31
8	2349872.52	400343.60	12.92
9	2349863.18	400334.67	12.92
10	2349869.44	400329.98	7.82
11	2349878.18	400323.45	10.91
12	2349886.97	400333.05	13.02
13	2349895.76	400342.65	13.02
14	2349896.83	400341.59	1.51
1	2349909.12	400351.32	15.68

(Kèm theo Bản đồ khoanh vùng bảo vệ địa điểm Ao Miếu-thuộc khu di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/1000, trích lục từ Tờ bản đồ địa chính số 107, lập năm 2016).

2. Khu vực bảo vệ II là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích (Khu vực được tô viền bao quanh màu xanh trên bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích. Đây là khu vực có quan hệ chặt chẽ với di tích về nhiều mặt: lịch sử, môi trường, vẻ đẹp chung.... Vì vậy, bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào muốn phá dỡ hoặc xây dựng thêm một công trình tại đây đều phải có văn bản đề nghị cơ quan chức năng xem xét theo quy định của Luật di sản văn hóa và Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa).

Phần còn lại của thửa đất số 114/19098,1; 83/241,4; 78/541,2 có diện tích **19880,7m²** (Kèm theo Bản đồ khoanh vùng bảo vệ địa điểm Ao Miếu-khu di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/1000, trích lục từ Tờ bản đồ địa chính số 107, lập năm 2016), được xác định bởi các điểm mốc như sau:

- Phía Bắc giáp: Đường đất và đường nhựa.
- Phía Nam giáp: Đường đất.
- Phía Đông giáp các thửa đất số 81/603,7; 82; 98/613,2; 100/475,5; 115/561,9; 119/989,8; Ao; 137/826,9; Ao; 148/1003,8.
- Phía Tây giáp các thửa đất số 138/675,2; 134/1168,9; 187/94,3; Ao; 97/557,7; 84; đường nhựa.

II. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào những nội dung đã nêu trên, toàn thể Hội nghị nhất trí đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét xếp hạng địa điểm Ao Miếu-thuộc khu di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là di tích **Lịch sử và Kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt**.

Biên bản này đã được thông qua và các đại biểu dự họp nhất trí ký tên./.

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ
(ký và ghi rõ họ tên)



Phùng Thị Mai Anh

THƯ KÝ HỘI NGHỊ
(ký và ghi rõ họ tên)

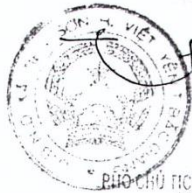


Dương Thị Ánh

VÀ DU
AN
Y DI TÍCH
NH
GIANG
★ AN

III. XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC CẤP

1. ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIỀN SƠN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ TIỀN SƠN
NGUYỄN VĂN NAM

2. PHÒNG VH&TT
HUYỆN VIỆT YÊN



TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TRỌNG CA

3. PHÒNG TN&MT
HUYỆN VIỆT YÊN



TRƯỞNG PHÒNG
LƯƠNG NGỌC ĐỨC

4. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN



NGUYỄN ĐẠI LƯỢNG

5. BAN QUẢN LÝ DI TÍCH
TỈNH BẮC GIANG



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHÙNG THỊ MAI ANH

6. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
BẮC GIANG



GIÁM ĐỐC
Trần Minh Hà

7. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC GIANG



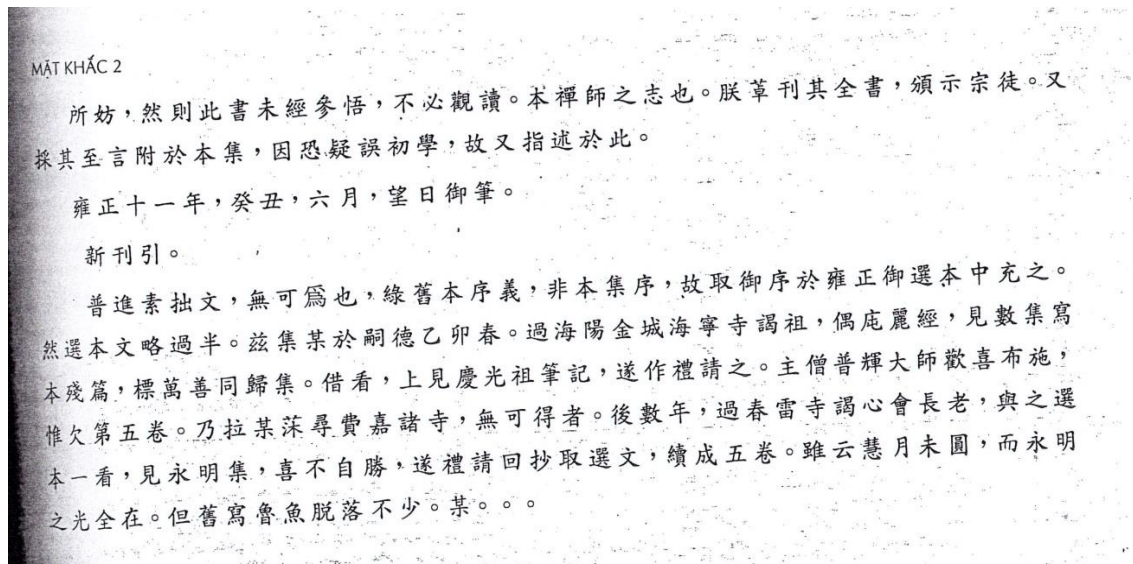
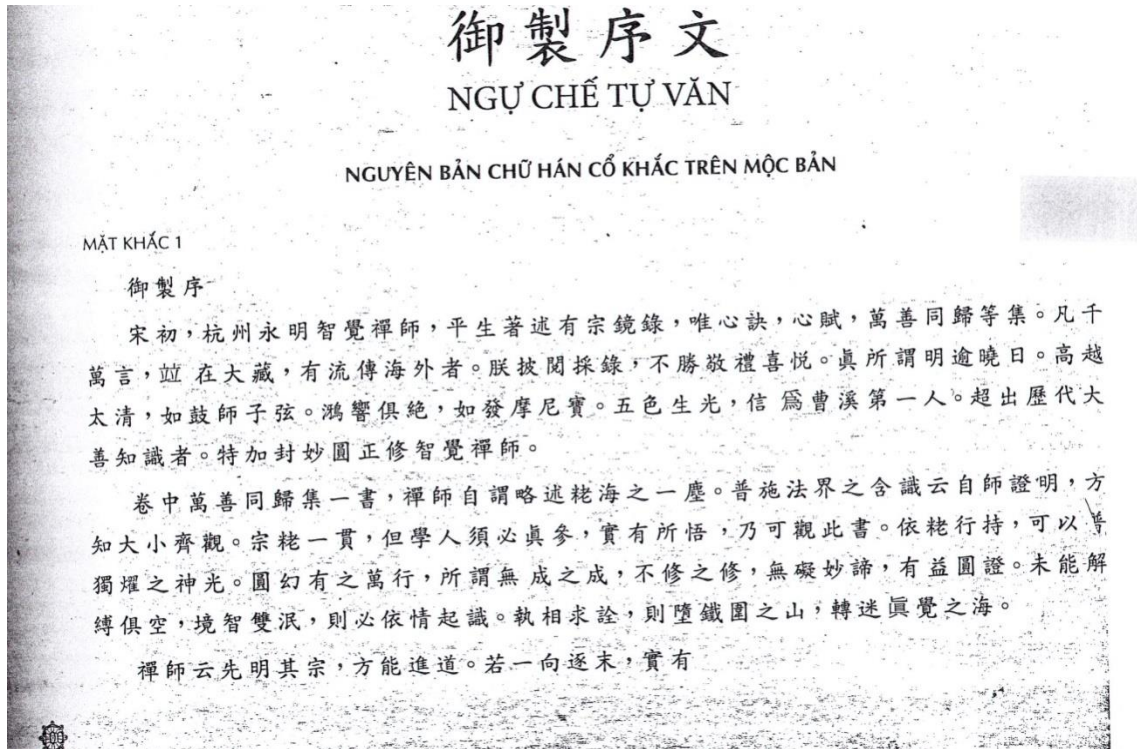
PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Huy

8. ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



K.T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ ÁNH DƯƠNG

1.5. Mộc bản chùa Bồ Đà - Bản gốc, phiên âm, dịch nghĩa



PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT

MẶT KHẮC 1

Ngự chế tự.

Tổng sư, Hàng Châu Vĩnh Minh Trí Giác, bình sinh trứ thuật hữu "Tông Cảnh lục", "Duy tâm quyết", "Tâm phú", "Vạn thiện đồng quy" đẳng tập. Phạm thiên vạn ngôn, tịnh tại Đại tạng, hữu lưu truyền hải ngoại giả. Trẫm phi duyệt thái lục, bất thắng kính lễ hỉ duyệt. Chân sở vị minh du hiểu nhất. Cao việt thái thanh, như Cổ sư Tử Huyền. Chúng hưởng cụ tuyệt, như Phát ma ni bảo. Ngũ sắc sinh quang, tín vị Tào Khê đệ nhất nhân. Siêu xuất lịch đại đại thiện trí thức giả. Đặc gia phong Diệu Viên Chính Tu Trí Giác thiền sư.

Quyển trung "Vạn thiện đồng quy" tập nhất thư, thiền sư tự vị lược thuật giáo hải chi nhất trần. Phổ thí pháp giới chi hàm thức văn tự sư chứng minh, phương trí đại tiểu tề quan. Tông giáo nhất quán, dẫn học nhân tu tất chân tham, thực hữu sở ngộ, nãi khả quan thủ thư. Ý giáo hành trì, khả dĩ phổ độ diệu chỉ thần quang. Viên huyễn hữu chi vạn hành, sở vị vô thành chi thành, bất tu chi tu, vô ngại diệu đế, hữu ích viên chứng. Vị năng giải phục cụ không, cảnh trí song mãn, tác tất y tình khởi thức. Chấp tướng cầu thuyền, tắc đạo thiết vi chi sơn, chuyển mê chân giác chi hải.

Thiền sư văn tiên minh kỳ tông, phương năng tiến đạo. Nhục nhất hướng trực mật, thực hữu

MẶT KHẮC 2

sở phương, nhiên tắc thử thư vị kinh tham ngộ, bất tất quan độc. Bản thiền sư chỉ chí đã. Trẫm ký san kỳ toàn thư, ban thị tông đồ. Hộ thái kỳ chỉ ngôn phụ ư bản lập, nhân khứng nghi ngộ sơ học, cố hựu chỉ thuật ư thử.

Ung Chính thập nhất niên, Quý Sửu, lục nguyệt, vọng nhật ngự bút.

Tán san dẫn

Phổ tiến tổ chuyển văn, vô khả vi dã, lục cụ bản tự nghĩa, phi bản tập tự, cố thủ ngự tự ư Ung Chính ngự tuyển bản trung sung chi. Nhiên tuyển bản văn lược quá bản. Tự tập mô ư Tự Đức, Ất Mão, xuân. Quá Hải Dương, Kim Thành, Hải Ninh tự yết tổ, ngẫu tri lệ kinh, kiến sổ tập tả bản tàn thiên, tiêu "Vạn thiện đồng quy". Tá khan, thượng kiến Khánh Quang tổ bút ký, tại tác lễ thỉnh chỉ. Chủ tăng Phổ Huy đại sư hoan hỉ bố thí, duy khiếm đệ ngũ quyển. Nãi lập mô biến tâm phí gia chú tự, vô khả đắc giả. Hậu sở niên, quá Xuân Lô tự yết Tâm Hội trưởng lão, dĩ tuyển bản nhất khan, kiến Vĩnh Minh tập. Hỉ bất tự thắng, tại lễ thỉnh hồi sao thủ tuyển văn, tục thành ngũ quyển. Tuy văn Huệ Nguyệt vị viên, nhi Vĩnh Minh chi quang toàn tại. Đan cụ tả lỗi ngư thoát lạc bất thiếu. Mô...

DỊCH NGHĨA

Bài tựa do vua Ung Chính viết cho sách "Vạn thiện đồng quy"

MẶT KHẮC 1

Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư người ở Hàng Châu, sống vào đầu đời Tống, bình sinh có trước thuật các tập "Tông Cảnh lục", "Duy tâm quyết", "Tâm phú", "Vạn thiện đồng quy". Phạm hàng nghìn, hàng vạn lời đó đều ở trong Đại tạng, có lưu truyền rộng rãi cả hải ngoại. Trẫm đã ngự phê cho chọn để sao chép, trẫm không nên được sự kính trọng, vui mừng. Quả thật là ngày càng sản xuất cao hơn cả trời xanh, như Cổ sư Tử Huyền. Tiếng khen không ngừng, như Phát ma Ni bảo. Ngũ sắc sinh ra ánh sáng, đúng là Tào Khê sinh ra người đứng đầu. Vượt hơn cả những người đại thiện, trí thức thời xưa. Đặc ân gia phong là Diệu Viên Chính Tu Trí Giác thiền sư.

Trong bộ "Vạn thiện đồng quy", thiền sư tự cho là lược thuật để răn dạy cả đời. Phổ biến thì hành pháp giới khắp nơi, đều từ tâm minh chứng, mới biết lớn nhỏ đều xem như nhau. Tông giáo là nhất quán, nên người học cần phải tham cứu chân chính, thật giác ngộ thì mới có thể thông hiểu sách này. Theo những điều răn dạy mà làm, thì có được thần quang chiếu sáng. Tròn đầy hay viên hóa có vạn điều, cho nên bảo không thành mà thành, không sửa mà sửa, không ngại suy xét kỹ, hữu ích thật sự. Chưa thể thoát được ràng buộc để về với hư không, cảnh trí chưa tận thì ắt sẽ theo tình mà nhận biết. Cố chấp mà mong lý giải được hết thì như bị mắc vào vòng vây trong rừng, chuyển mê lầm thành biển giác ngộ.

Thiền sư bảo trước tiên phải hiểu rõ tông phái mới có thể tiến được với đạo. Nếu một lòng hướng đạo, theo đạo cho đến cùng,

đề gặp

MẶT KHẮC 2

tở ngại, nhưng sách này chưa phải là kinh tham luận để giác ngộ, không nên đọc kỹ. Bản chất của thiền sư là ý chí. Trẫm đã cho khắc toàn sách, ban tặng cho tông đồ. Trẫm lại xem xét chọn cả lời phụ lục ở bản gốc, nhưng sợ người mới học nhầm lẫn nên lại sai bỏ phần đó.

Ngự bút ngày Rằm tháng Sáu năm Quý Sửu, năm Ung Chính thứ 11.

Tân san dẫn**Lời dẫn mới san khắc của nhà vua viết năm Ất Mão (1855), niên hiệu Tự Đức**

Văn trẫm vốn vụng về, không thể làm được, chỉ ghi lại nghĩa của lời tựa cũ, chứ không phải lời tựa của bản gốc, cho nên lời tựa ngự chế của vua Ung Chính biên soạn trong quyển gốc để bổ sung. Nhưng lời soạn có lược bớt hơn một nửa so với bản g
 Nay tập của trẫm là viết vào mùa xuân năm Ất Mão (1855), niên hiệu Tự Đức. Trẫm đã từng đến yết bái Sư tổ ở chùa Hải Ninh, k
 Thành, Hải Dương, tình cờ xem được bộ kinh hay, thấy nhiều tập viết thiếu thiên so với bản gốc, tiêu biểu như tập "Vạn thiện đ
 quý". Trẫm mượn xem, thấy phía trên là bút ký của tổ Khánh Quang, bèn làm lễ thỉnh xin. Chủ tạng Phổ Huy đại sư vui mừng
 thí, tuy nhiên bị mất quyển 5. Sau khi trẫm cho đi về các chùa để tìm thì không thấy có người tên là Khánh Quang. Sau nhiều nă
 khi trẫm đến chùa Xuân Lôi để yết kiến Trưởng lão Tâm Hội, được xem bản gốc biên soạn, thấy đó là tập của Vĩnh Minh. Trẫm
 mừng khôn xiết, bèn sắm lễ thỉnh xin mang về sao chép lời văn, cho được liên tục thành 5 quyển. Tuy Huệ Nguyệt chưa tròn nh
 hào quang của Vĩnh Minh vẫn toàn tại...

1.6. Tổ chức kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục “Mộc bản kinh Phật của Thiền Phái Lâm Tế khắc trên gỗ thị cổ nhất” và “Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam”.



Phụ lục 2:**CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO****2.1. Quyết định kiện toàn BQL di tích lịch sử văn hóa xã Tiên Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 280/QĐ- UBND

Tiên Sơn, ngày 12 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban Quản lý di tích lịch sử- văn hóa xã Tiên Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN SƠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/05/2016;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT- UBND, ngày 12 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Giang Về việc tăng cường các biện pháp quản lý di tích và hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích;

Xét đề nghị của Công chức Văn hóa- Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban Quản lý di tích lịch sử- văn hóa xã Tiên Sơn gồm 13 ông, bà (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban quản lý di tích:

- Giúp UBND xã và các thôn có di tích lịch sử văn hóa trong công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc và tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp để phục vụ du khách và phát huy giá trị các di tích lịch sử- văn hóa trên địa bàn xã.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng và cấp ủy, ban quản lý các thôn tăng cường công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn xã.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật về bảo tồn, phát huy giá trị di tích tại địa phương.

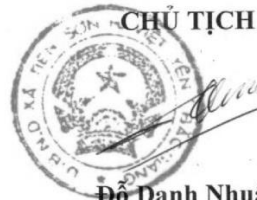
- Tham mưu với UBND xã xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06/CT- UBND, ngày 12 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Giang, về việc tăng cường các biện pháp quản lý di tích và hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, đồng thời tổ chức thực hiện đúng các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhiệm vụ của các thành viên do trưởng ban phân công.

Điều 3. Bộ phận Văn phòng- Thống kê, Công chức Văn hóa- Xã hội, các ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy, ban lãnh đạo các thôn và các ông bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng VH&TT huyện (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- TTtr ĐU- HĐND- UBND- MTTQ xã (b/c);
- Các ông, bà thành viên Ban quản lý di tích xã (t/h);
- Ban Lãnh đạo thôn các thôn (t/h);
- Lưu: VT.



Đỗ Danh Nhuận

**DANH SÁCH****Ban Quản lý di tích lịch sử- văn hóa xã Tiên Sơn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 280/QĐ- UBND, ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Tiên Sơn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Nam	PCT UBND xã	Trưởng ban
2	Diêm Công Linh	Công chức Văn hóa- Xã hội	Phó ban TT
3	Nguyễn Phú Luyến	Chủ tịch UBMTTQ xã	Thành viên
4	Trần Văn Vĩnh	Trưởng Công an xã	Thành viên
5	Nguyễn Đức Huân	Công chức- Địa chính- Xây dựng	Thành viên
6	Hoàng Bá Liễu	Chủ tịch hội NCT xã	Thành viên
7	Tự Tục Vinh	Trụ trì Chùa Bồ Đà	Thành viên
8	Hoàng Châu Phương	Chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Thành viên
9	Nguyễn Thị Huệ	Cán bộ tài chính- kế toán xã	Thành viên
10	Hoàng Đình Kim	Trưởng ban MTKDC thôn Thượng Lát	Thành viên
11	Dương Thị Hải	Trưởng thôn Thượng Lát	Thành viên
12	Dương Quang Chất	Trưởng ban MTKDC thôn Hạ Lát	Thành viên
13	Dương Thị Oanh	Trưởng thôn Hạ Lát	Thành viên

PHÂN CÔNG

Nhiệm vụ thành viên Ban Quản lý di tích lịch sử- văn hóa xã Tiên Sơn

1. Đối với Trưởng ban: Chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban quản lý di tích, cụ thể như:

- Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy- HĐND- UBND xã và các cơ quan chuyên môn về hoạt động của Ban Quản lý trong việc thực hiện những nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ban quản lý.
- Báo cáo Đảng ủy- HĐND- UBND và các cơ quan chuyên môn về công tác quản lý, tu bổ, tôn tạo và phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận các di tích mới.

- Tổ chức phối hợp hoạt động giữa các thành viên Ban Quản lý di tích và cấp ủy ban lãnh đạo các thôn, các dòng họ và các cơ quan, chuyên môn, các ban, ngành đoàn thể trong việc quản lý, bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị của các di tích trên địa bàn xã.

2. Đối với Phó ban thường trực: Có trách nhiệm tham mưu với trưởng ban xây dựng chương trình, kế hoạch, xây dựng quy chế hoạt động và các văn bản liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về di tích; thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý với các cấp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật Nhà nước và quy định của địa phương về di tích.

3. Đối với các Ủy viên: Có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ban quản lý di tích phân công và các lĩnh vực liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ, tham gia đầy đủ các hoạt động của ban quản lý di tích, kịp thời đề xuất các giải pháp về công tác chăm sóc, bảo quản, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử- văn hóa trên địa bàn xã.

Ngoài các nhiệm vụ đã được phân công cụ thể như trên, các thành viên trong Ban Quản lý di tích phải thực hiện tốt các nhiệm vụ phát sinh khác do Trưởng ban phân công.

Trên đây là bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Quản lý di tích lịch sử- văn hóa xã Tiên Sơn. Yêu cầu các thành viên được phân công nghiêm túc tổ chức thực hiện ./.

2.2. Chỉ thị số 06/CT-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /CT-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2014

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường các biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Di tích lịch sử-văn hóa, kiến trúc-ngệ thuật và danh lam thắng cảnh (sau đây gọi chung là di tích) là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo chung của cộng đồng. Trong những năm qua, công tác quản lý di tích, hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt nhiều kết quả, góp phần bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, thời gian qua còn có tình trạng tùy tiện trong tu bổ, tôn tạo di tích, đưa hiện vật, đồ thờ không phù hợp với tính chất của di tích vào di tích... làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn yếu tố gốc cấu thành di tích; tình trạng mất cắp di vật, cổ vật, tranh chấp đất đai di tích vẫn còn xảy ra; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất di tích còn chậm, chưa kịp thời ở một số địa phương...

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Di sản văn hóa, các văn bản pháp luật có liên quan, tăng cường công tác quản lý di tích và nâng cao chất lượng các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI), Luật Di sản văn hóa và các văn bản pháp luật liên quan

1.1. Các cơ quan, ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở và chính quyền các địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, trong đó có nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử- văn hóa, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch.

1.2. Tăng cường tuyên truyền Luật Di sản văn hóa, các văn bản của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành Trung ương về công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích. Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích; kịp thời phê phán các hoạt động tùy tiện trong tu bổ, tôn tạo di tích, đưa các hiện vật, đồ thờ không phù hợp vào di tích; xử lý nghiêm minh các hành vi lấn chiếm đất đai, xâm phạm di tích...

2. Tăng cường quản lý Nhà nước trong việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích

2.1. Kiện toàn, củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước về di tích, các Ban Quản lý di tích từ tỉnh đến cơ sở. Đối với các di tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và

UBND tỉnh ra quyết định xếp hạng, các địa phương phải thành lập Ban Quản lý di tích cơ sở, do đại diện lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn làm Trưởng ban, các ngành văn hóa- xã hội, công an, hội người cao tuổi, địa chính, mặt trận Tổ quốc, trường thôn, cụm dân cư nơi có di tích và người phụ trách di tích (người trụ trì đền, chùa, nhà thờ...) làm ủy viên.

2.2. Tăng cường kiểm tra hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý dứt điểm, kịp thời các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan hoặc thực hiện những hành vi khác trái pháp luật, trái với thuần phong, mỹ tục; hướng dẫn những người hảo tâm cung tiến những đồ thờ phù hợp với di tích; không đưa ảnh, tượng Bác Hồ vào thờ trong di tích (trừ đền thờ Bác Hồ).

2.3. Các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tốt việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích, nhất là các di tích đã được xếp hạng. Đối với các di tích bị lấn chiếm đất đai, UBND cấp huyện cần có biện pháp kịp thời, kiên quyết trong việc thu hồi đất trả về cho di tích; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng có hiệu quả đất đai di tích.

2.4. Chính quyền cấp xã và Ban Quản lý di tích cơ sở phải có các biện pháp tích cực, hiệu quả trong việc bảo vệ di tích, bố trí người có trách nhiệm trông coi di tích, không để xảy ra tình trạng mất cắp di vật, cổ vật tại các di tích. Lễ hội được tổ chức ở địa điểm gắn với di tích thì Ban tổ chức lễ hội phải kết hợp chặt chẽ với Ban Quản lý di tích cơ sở để bảo vệ di tích, phòng chống cháy nổ, các hoạt động xâm hại khác làm ảnh hưởng đến di tích, để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho di tích.

2.5. Di tích đã có trong danh mục kiểm kê, chưa được Nhà nước xếp hạng cần có biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị. Tổ chức thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ về “Hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo”; trong đó Ban quản lý di tích cơ sở, người phụ trách di tích (người trụ trì đền, chùa, nhà thờ...) phải có phương thức thu nhận, quản lý và sử dụng nguồn công đức hiệu quả, đúng mục đích, công khai, có sổ sách rõ ràng, chi tiêu minh bạch, phục vụ tốt cho việc quản lý, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích.

2.6. Các ngành chức năng và UBND cấp huyện, cấp xã thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các điểm di tích, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật các hành vi vi phạm, đưa hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm di tích vào kỷ cương nền nếp.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về di tích trên địa bàn; tăng cường chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ, các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của các Ban Quản lý di tích ở các địa phương, cơ sở; tổ chức lễ hội ở các di tích theo quy định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh; phối hợp các ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích, gắn với phát triển du lịch của tỉnh.

3.2. Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh quy định phân cấp, tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý di tích các cấp thuộc tỉnh Bắc Giang; phối hợp các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố quản lý hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng tại các di tích đã được Nhà nước xếp hạng và chưa được xếp hạng.

3.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối ngân sách hàng năm để đầu tư cho việc tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp di tích đã được Nhà nước xếp hạng, ưu tiên cho các di tích tiêu biểu, các di tích đang có nguy cơ xuống cấp cần tu sửa cấp thiết.

3.4. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích theo quy định của Nhà nước.

3.5. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện hiệu quả phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di tích, giáo dục truyền thống cho học sinh; kịp thời động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực".

3.6. Công an tỉnh phối hợp với chính quyền các địa phương, cơ sở tăng cường các biện pháp bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự, chống mất cắp di vật, cổ vật tại các di tích; điều tra, truy tìm các di vật, cổ vật bị mất cắp; kiên quyết xử lý các đối tượng trộm cắp di vật, cổ vật tại các di tích theo quy định của pháp luật.

3.7. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang có trách nhiệm tuyên truyền việc triển khai tổ chức thực hiện Chỉ thị này trong toàn tỉnh; tăng cường các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, giới thiệu và quảng bá các giá trị di tích trên địa bàn tỉnh; biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích; phê phán các tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt.

3.8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo rà soát, kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý di tích cơ sở, người phụ trách, trông coi di tích trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích, nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn và phòng, chống cháy nổ cho di tích. Đẩy mạnh công tác lập quy hoạch, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích; hàng năm bố trí ngân sách hỗ trợ công tác chống xuống cấp di tích tại địa phương.

- Phối hợp với cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích, nhất là các di tích đã được Nhà nước xếp hạng.

- Rà soát, sắp xếp và quy hoạch lại hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm di tích theo đúng luật pháp và quy định các hoạt động tại các điểm di tích; chấm dứt tình trạng dựng quán bán hàng trái phép, bán hàng rong...gây mất trật tự tại các điểm di tích.

- Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ, các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; trách nhiệm của chính quyền, các ban ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

3.9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

- Cùng cố, kiện toàn Ban Quản lý di tích cơ sở, xây dựng quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên, sử dụng kinh phí và tiền công đức công khai, minh bạch, đúng mục đích; chú trọng công tác xã hội hóa trong việc bảo vệ di tích, có thể ký hợp đồng, bố trí người có năng lực, trách nhiệm trông coi di tích.

- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo tại di tích đảm bảo văn minh, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, truyền thống của dân tộc; hướng dẫn để những người hảo tâm cung tiến những đồ thờ phù hợp vào di tích. Đảm bảo tốt phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và cảnh quan di tích.

- Hàng năm, Ban Quản lý di tích cơ sở có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích về Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thành phố.

3.10. Đề nghị Ủy ban MTTQ, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tích cực phối hợp với các cấp chính quyền tuyên truyền, phổ biến cho đoàn viên, hội viên và nhân dân quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị này.

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các ngành, các địa phương báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./. ✎

Nơi nhận: 

- Bộ VH-TT-DL;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể nhân dân;
- VPTU, Ban Tuyên giáo TU;
- Báo BG, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, NC, TH, VX2;
- Lưu: VT, VX1.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Linh

2.3. Chỉ thị số 1569/UBND-VHTT của UBND huyện Việt Yên về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN**

Số: 1569 /UBND-VHTT
V/v tăng cường công tác quản lý nhà nước
về di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Việt Yên, ngày 24 tháng 10 năm 2016

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Di sản văn hóa 2001; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường các biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Trong thời gian qua công tác quản lý di tích, hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích trên địa bàn đã được các cấp, các ngành quan tâm và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên công tác quản lý di tích vẫn tồn tại một số hạn chế như: Công tác tu bổ, tôn tạo di tích ở một số di tích còn để xảy ra một số sai phạm, như tự ý trùng tu, sửa chữa di tích khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép; còn hiện tượng mất cổ vật, mất cắp xảy ra trong một số di tích; hoạt động của Ban quản lý di tích cấp cơ sở ở một số địa phương còn mang tính hình thức, chưa phát huy hết vai trò trong công tác quản lý di tích tại cơ sở....

Để phát huy tốt các giá trị của di tích cũng như góp phần quảng bá phát triển du lịch trên địa bàn trong thời gian tới. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Phòng Văn hóa và Thông tin, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt nội dung sau:

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, UBND các xã thị trấn tập trung tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, các địa phương thực hiện nghiêm Luật di sản văn hóa các quy định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh, huyện về công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban quản lý di tích cơ sở và đội ngũ cán bộ công chức văn hóa - xã hội các xã, thị trấn về công tác quản lý di tích.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý dứt điểm, kịp thời các tổ chức cá nhân lợi dụng việc bảo vệ và phát huy các giá trị di tích để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan hoặc thực hiện những hành vi khác trái pháp luật, trái với thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa của dân tộc.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý di tích và hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích trên địa bàn. Đặc biệt đối với các địa phương có các di tích được xếp hạng tăng cường công tác bảo vệ di tích, bố trí người có trách nhiệm trông coi di tích; đồng thời hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các di tích đã được xếp hạng.

2. Đài Truyền thanh huyện: Tăng cường tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hóa và hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về giá trị di sản văn hóa. Kịp thời biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy các giá trị của di tích.

3. UBND các xã thị trấn

Tập trung tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, các địa phương thực hiện nghiêm Luật di sản văn hóa các quy định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh, huyện về công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Tích cực vận động các tầng lớp nhân dân tham gia vào công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ; kịp thời phê phán hành vi lệch lạc về nhận thức, hành động trong việc bảo tồn di tích.

Tập trung chỉ đạo cơ sở hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích đã được xếp hạng di tích. Đối với các di tích đang bị lấn chiếm đất đai khẩn trương hoàn thiện hồ sơ và kiên quyết giải tỏa, thu hồi đất theo quy định.

Tăng cường kiểm tra công tác quản lý di tích, gắn trách nhiệm của chính quyền, các đoàn thể ở địa phương trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Chỉ đạo làm tốt công tác quản lý các nguồn thu từ di tích (*tiền công đức, giọt dầu*) đảm bảo công khai, minh bạch.

Tăng cường hướng dẫn và tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo tại di tích đảm bảo văn minh, phù hợp với thuần phong, mỹ tục truyền thống của dân tộc; hướng dẫn để những người hảo tâm công đức cung tiến những đồ thờ phù hợp, không nhận các đồ thờ trái với tính chất của di tích và kiên quyết không đưa các linh vật ngoại lai vào trong các di tích, đồng thời vận động và di chuyển các linh vật ngoại lai ra khỏi di tích (*đối với các di tích có linh vật ngoại lai*).

Chỉ đạo Ban quản lý di tích cơ sở báo cáo kết quả thực hiện việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích về Phòng Văn hóa và thông tin huyện hàng năm, thời gian trước ngày **15/11** (*theo đề cương gửi kèm*).

Tập trung chỉ đạo rà soát, thống kê phân loại các di tích trên địa bàn (*theo biểu mẫu gửi kèm*); kiện toàn Ban quản lý di tích cơ sở, xây dựng quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích cơ sở; phân công người trông coi di tích gửi về Phòng Văn hóa và thông tin huyện thời gian xong trước ngày **15/11/2016** để tổng hợp.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc nội dung trên./.

Nơi nhận: 

- Lưu VT.

Bản điện tử:

- Như trên;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

- LĐVP, CVTH.

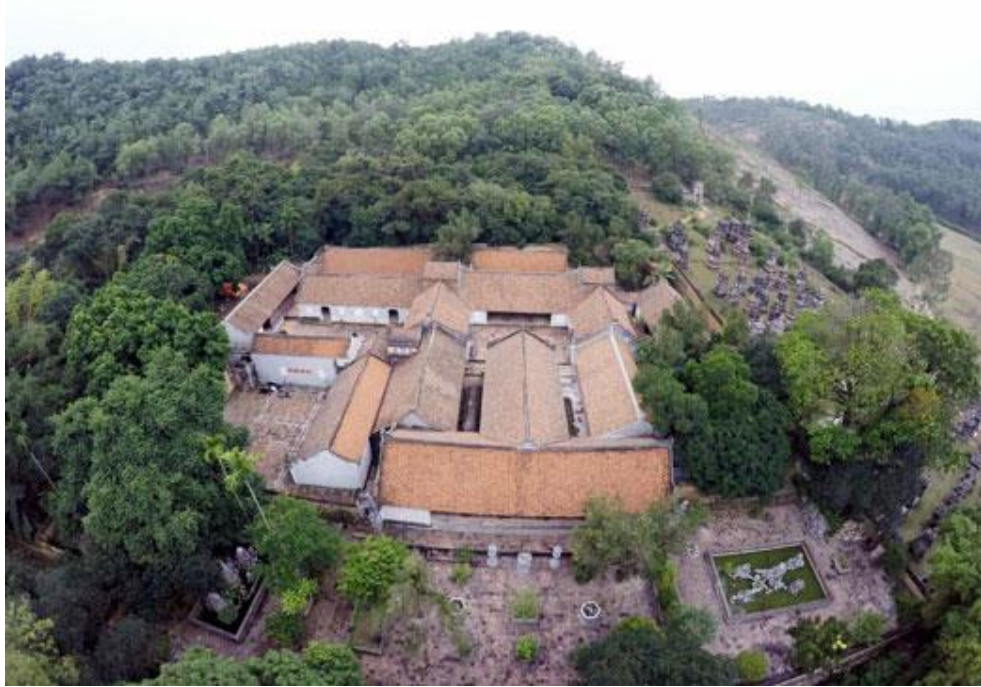
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Đại Lượng

Phụ lục 3

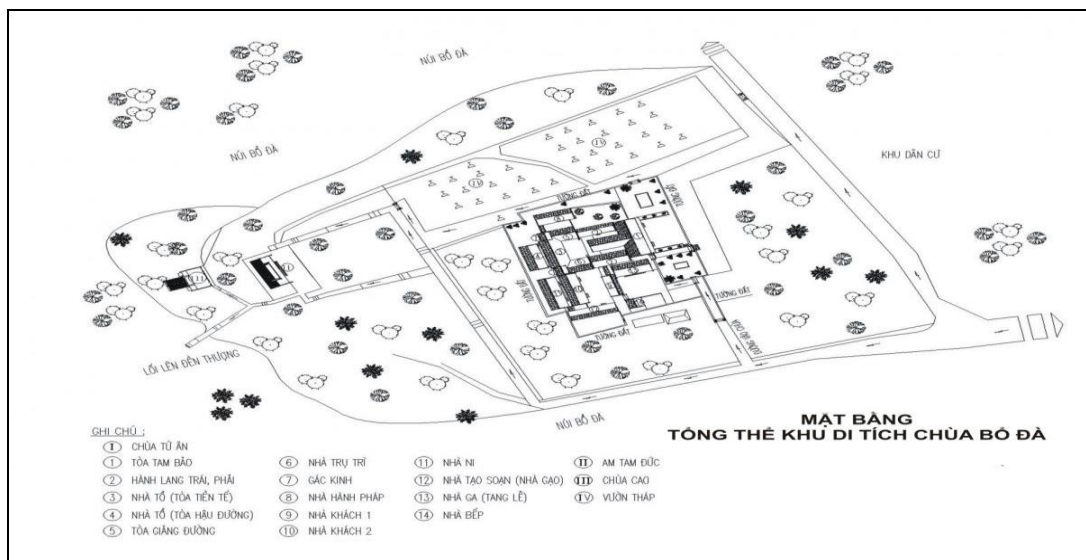
CÁC HÌNH ẢNH

3.1. Hình ảnh về cảnh quan và những di sản tiêu biểu của chùa Bồ Đà



Ảnh 1: Toàn cảnh Chùa Bồ Đà nhìn từ trên cao

Nguồn: Ngọc Dưỡng chụp ngày 5/6/2016



Ảnh 2: Mặt bằng tổng thể Khu di tích chùa Bồ Đà

Nguồn: Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Việt Yên cung cấp



Ảnh 3: Lối vào cổng chùa với tường đất rêu phong

Nguồn: Tác giả, chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 4: Đại đức Tục Tục Vinh, trụ trì chùa Bồ Đà giới thiệu cho du khách về bức tường làm bằng đất có gần 300 năm bao quanh chùa

Nguồn: Đỗ Thành Nam, 10/02/2017



Ảnh 5: Một góc chùa Bồ Đà

Nguồn: Tác giả, chụp ngày 12/3/2017



**Ảnh 6: Cây Vôi được Hội bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam
công nhận là cây di sản Việt Nam**

Nguồn: Tác giả, chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 7: Am Tam Đức là một trong các hạng mục chính thuộc thắng tích Bồ Đà Sơn
 Nguồn: Tác giả, chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 8: Chùa Quán Âm nằm ở vị trí cao nhất trong khu thắng tích Bồ Đà sơn
 Nguồn: Tác giả, chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 9: Mộc bản Kinh Phật cổ nhất Việt Nam

Nguồn: Thế Song chụp ngày 24/7/2015



Ảnh 10: Đại đức Thích Thanh Vinh - Trụ trì chùa Bồ Đà giới thiệu Bộ mộc kinh cho du khách

Nguồn: Thế Song chụp ngày 24/7/2015



Ảnh 11: Vườn tháp lớn nhất Việt Nam

Nguồn: Tác giả, chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 12: Không gian Lễ hội chùa Bồ Đà

Nguồn: Tác giả chụp ngày 12/3/2017

3.2. Hình ảnh về Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và nhận 02 kỷ lục của Tổ chức kỷ lục Việt Nam



Ảnh 13: Phó Thủ tướng chính phủ Vũ Đức Đam (bên phải) trao Bằng công nhận Di tích quốc gia đặc biệt cho chùa Bồ Đà

Nguồn: T.Lê chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 14: Thứ trưởng Bộ VHTTDL Đặng Thị Bích Liên (bên phải) trao Bằng công nhận Lễ hội chùa Bồ Đà là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

Nguồn: T.Lê chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 15: Đoàn Việt Yên nhận 02 kỷ lục: “Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam” và “Bộ mộc bản kinh Phật của thiền phái Lâm Tế khắc trên gỗ thị cổ nhất”
 Nguồn: Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Việt Yên cung cấp



Ảnh 16: Chương trình nghệ thuật tái hiện Mộc bản chùa Bồ Đà - Dấu ấn thời gian
 Nguồn: Trường Giang, chụp ngày 12/3/2017



Ảnh 17: Chương trình nghệ thuật đặc biệt “Về nơi đất lành chốn thiêng”

Nguồn: Trường Giang, chụp ngày 12/3/2017